



CHÁNH PHÁP

HOẢNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **Susan-lu4esm (pixabay)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TỎA SOẠN**, trang 2
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ◆ **LỮ LỰT MIỀN TRUNG VIỆT NAM** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 8
- ◆ **BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ◆ **QUÊ HƯƠNG MÙA BẢO LŨ** (thơ Mặc Phương Tử), trang 11
- ◆ **QUẢ BÁO VỀ VIỆC GÂY TẠO CHIẾN TRANH** (Quảng Tánh), tr. 12
- ◆ **CÁI THIỆN VÀ HẠNH PHÚC** (Nguyễn Thế Đăng), trang 13
- ◆ **CHỈ LÀ LỜI HỎI THĂM** (thơ Thy An), trang 15
- ◆ **KHỔ THÁNH ĐẾ** (Chân Hiền Tâm), trang 16
- ◆ **SAU LỰT LÀM BÀI THƠ VỀ CỎ** (thơ Lê Vĩnh Tài), trang 20
- ◆ **ĐẠO ĐỨC VƯỢT KHỎI TÔN GIÁO** (Tuệ Uyển dịch), trang 21
- ◆ **MÙA LŨ** (thơ Tiểu Lục Thần Phong), trang 25
- ◆ **LÀM THẾ NÀO ĐOẠN TRỪ CÁC LẬU HOẶC?** (TN Hằng Như), tr. 27
- ◆ **AI ƠI, MAU DỪNG LẠI** (thơ Huệ Trân), trang 32
- ◆ **CHÙA LINH QUANG VÀ CHÙA TỪ ĐÀM Ở TRUNG VIỆT, VNPG S1 Luận, Chương 33** (Nguyễn Lang), trang 33
- ◆ **LOAY HOAY GIỮA CON ĐƯỜNG** (thơ Du Tâm Lăng Tử), trang 36
- ◆ **CHẤP THỦ LÀ ĐÁNG SỢ** (Lâm Thanh Huyền), trang 37
- ◆ **TRUYỀN THÔNG ĐPPT – Câu Chuyện Dưới Cờ** (Nhóm Áo Lam), trang 38
- ◆ **NGƯỜI ĐƯA THIÊN VÀO MỸ** (Huỳnh Kim Quang), trang 39
- ◆ **CÔNG DỤNG CỦA CHẤT XƠ** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 48
- ◆ **NHÀ THƠ WOESER: Từ Bắc Kinh viết về Tây Tạng** (Nguyễn Giác), trang 50
- ◆ **CÒN LÀ...** (thơ Diệu Viên), tr. 53
- ◆ **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Hoàng Long), trang 54
- ◆ **THE STORY OF A WOMAN OF JEALOUS DISPOSITION** (Daw Tin), trang 56
- ◆ **NẤU CHAY: ĐẬU HŨ XÀO MỘC NHỈ, ỚT CHUÔNG** (Vũ Quỳnh), trang 57
- ◆ **THÔNG TƯ V/V CỨU TRỢ NẠN NHÂN LỮ LỰT MIỀN TRUNG** (TV Từ Thiện XH), trang 58
- ◆ **DANH SÁCH ỦNG HỘ CỨU TRỢ NẠN NHÂN LỮ LỰT MIỀN TRUNG** (TV Từ Thiện XH), tr. 59
- ◆ **NGƯỜI ÁN ĐỊNH GIÁ CẢ** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 60
- ◆ **LỘC CUA ĐÁT** (TK Vĩnh Hữu), trang 62
- ◆ **LẮNG NGHE CHÍNH MÌNH, NIỆM PHẬT MÀ ĐI** (thơ Hạnh Chi), trang 63
- ◆ **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N.), trang 64
- ◆ **TU ĐỀ CHUYÊN NGHIỆP** (TL Đào Mạnh Xuân), trang 66
- ◆ **KỂ CHUYỆN MÀ CHƠI** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 68
- ◆ **KHI MÙA THU ĐẾN...** (thơ Thục Uyển), trang 72
- ◆ **NGƯỜI VIẾT VÀ NGƯỜI ĐỌC** (Huệ Trân), trang 73
- ◆ **NAN-ĐÀ TÔN GIÁO** (Truyện cổ Phật giáo), trang 75
- ◆ **TÌNH NGHĨA ĐỒNG BÀO, THƯƠNG VỀ QUÊ MẸ** (thơ Mai Khanh – Lê Đình Cát), trang 78
- ◆ **NGỎ THOÁT – chương 2** (Vĩnh Hào), trang 80

Báo Chánh Pháp số 109, tháng 12.2020, do Thiền Tịnh Đạo Tràng (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro (California) ấn tặng. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

QUA ĐI NHỮNG CƠN ĐAU CUỐI NĂM

Còn đau không
tiếng chim kêu buồn nơi nhánh sầu đông trước ngõ
phù sa cuộn đục trên sông dài bờ bến mông lung
rác rưởi lầy nhầy ung thối ngày tàn thu
bầy ruồi nhặng no bụng buồn tung cánh
gia tài dành dụm một sớm tan bay

Trường giang sóng gợn khua hồn nước
trường sơn mây phủ lấp quê nhà
cơn đau dai dẳng ngày vô tận
khóc cuộc tình chung như nước dâng

Còn đau không
điều gian dối nào rồi cũng lặn hồi rơi rụng
lá vàng lá tả ngày thu sang
niềm tin yêu từng đặt nơi huyễn ảo
hãy khóc một lần khi mặt trời lên cao

Vó ngựa cuồng rông đường thiên lý
theo về bụi đất rợp đồng hoang
mắt xanh đã mờ dấu kim-cổ
tự tình rớt lại những băng khuâng

Còn đau không
tiếng ai khóc nức nơi phòng đợi
những người áo trắng căng thẳng vào ra
dịch bệnh tràn lan không biên giới
ôm ngực đau buốt cuộc chia xa

Sắc xuân tiềm ẩn nơi màu lá
nhộng chuyển mình vỏ kén vươn ra
vỗ cánh lần đầu cho chu kỳ ban sơ loài bướm
phảng phất hương về từ ngọn gió mơn man
những nụ mầm từ lâu ươm ấp
sẽ nở bùng chào ngày mới phong quang

Còn đau không
những cơn tim lụi tàn héo hắt
hãy buông xuống nơi đây giây phút này
những mẻ vọng cuồng tưởng trần gian
thành-bại gì rồi cũng qua hết
cười tràn sáng khoái chờ xuân sang.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ẤN ĐỘ: Hòa thượng Bhikkhu Sanghasena thực hiện cuộc Hành Hương Hòa Bình ở Ladakh

Là nhà lãnh đạo tinh thần và nhà sư Phật giáo dân thân nổi tiếng, Hòa thượng Bhikkhu Sanghasena gần đây đã trở về sau chuyến hành hương hòa bình kéo dài một tuần tới một số cộng đồng xa xôi nhất trong lãnh thổ hợp nhất của Ladakh ở vùng cực bắc của Ấn Độ.

Hòa thượng Bhikkhu Sanghasena là giám đốc tinh thần của Trung tâm Thiền Quốc tế Đại Giác ngộ (MIMC) ở Leh, Ladakh, là người sáng lập Quỹ Cứu Hy Mã Lạp Sơn và Quỹ Mahakaruna, đồng thời là cố vấn cho Mạng lưới Phật tử dân thân Quốc tế (INEB), cùng nhiều vai trò khác.

Chuyến hành hương qua Changtang, một khu vực của Cao nguyên Tây Tạng kéo dài từ tây và bắc Tây Tạng đến đông nam Ladakh, Hòa thượng Bhikkhu Sanghasena

Nhóm của Hòa thượng Bhikkhu Sanghasena trong cuộc Hành Hương Hòa Bình ở Ladakh, Ấn Độ
Photo: NewsNow ↓



và nhóm của ông đã tiếp xúc với một số ngôi làng nghèo nhất ở Ladakh. Trong một số trường hợp, nhà sư này đã mở rộng lời mời đến các gia đình đặc biệt dễ bị tổn thương để họ đăng ký cho con cái của họ theo học tại trường nội trú của MIMC ở Leh. Ông cũng đưa một số người già nhà nghèo đến một nơi nghỉ hưu thoải mái hơn tại nhà dành cho người già của MIMC.

(NewsNow - October 22, 2020)

PAKISTAN: Chào đón những người hành hương Bhutan đến thăm các thánh địa Phật giáo

Islamabad, Pakistan - Thủ tướng Imran Khan đã gọi điện cho người đồng cấp Bhutan Tiến sĩ Lotay Tshering vào ngày 22-10-2020. Theo thông tin chi tiết, hai nhà lãnh đạo đã thảo luận về các vấn đề hai bên cùng quan tâm, bao gồm cả Covid-19. Thủ tướng Imran Khan khen ngợi các biện pháp mà lãnh đạo Bhutan đã thực hiện để ngăn chặn đại dịch.

Đánh giá cao mô hình xúc tiến du lịch và bảo tồn các di sản của Bhutan, ông Imran

Khan ca ngợi Thủ tướng Lotay Tshering về các bước mà Chính phủ Bhutan đã thực hiện để thúc đẩy du lịch, đặc biệt là du lịch tôn giáo ở Pakistan.

Thủ tướng Imran Khan nói rằng Pakistan tự hào về di sản Phật giáo phong phú có từ nền văn minh Phật giáo Gandhara. Ông cho biết "chúng tôi sẽ chào đón những người hành hương Bhutan đến thăm các thánh địa Phật tại Pakistan".



Hai vị Thủ tướng Imran Khan (Pakistan) và Lotay Tshering (Bhutan)

Photo: dunyanews.tv

CAM BÔT: Các nhà sư Phật giáo, tình nguyện viên cứu trợ giữa lũ lụt, nguy cơ đại dịch ở Campuchia

Khí trận lũ lụt tồi tệ nhất trong khoảng một thập kỷ qua làm ngập lụt các khu vực rộng lớn của Cam Bốt, vốn đã quay cuồng với tác động kinh tế của đại dịch COVID-19, cộng đồng Phật giáo của đất nước Đông Nam Á đã đi đầu trong nỗ lực tiếp cận các cộng đồng dễ bị tổn thương để cứu trợ và an ủi những người bị ảnh hưởng nhiều nhất.

Nhà sư - học giả, Hòa thượng Vy Sovechea - hiệu trưởng Đại học Phật giáo

Preah Sihanouk Raja, Chi nhánh Battambang (SBUBB) - là một trong những Phật tử tham gia xã hội hàng đầu của đất nước, đã dẫn đầu công tác cứu trợ ở Cam Bốt ở cấp cơ sở.

"Mặc dù nguồn lực của chúng tôi có hạn, chúng tôi đã tiếp cận được 61 gia đình trong 2 ngày qua, và sẽ hỗ trợ thêm 80 gia đình trong vài ngày tới," Hòa thượng Vy Sovechea nói.

"Chúng tôi đã chuyển 20 gói hàng cứu trợ cho 20 gia đình với sự hợp tác của cộng đồng Công giáo địa phương, và chúng tôi cũng đã nhận được một số quyền góp từ các Phật tử người Mỹ gốc Khmer ở Hoa Kỳ," Hòa thượng nói.

(Buddhistdoor Global - October 23, 2020)



Hòa thượng Vy Sovechea



Các nhà sư và tình nguyện viên từ SBUBB
Photos: Vy Sovechen Facebook



TÂY TẠNG: Triển lãm tranh Phật giáo Tây Tạng Thangka tại Lhasa

Tổng cộng 100 tranh Phật giáo Tây Tạng Thangka, vẽ trên vải bông hoặc lụa, đã được trưng bày tại một cuộc triển lãm ở Lhasa, thủ phủ của Tây Tạng vào ngày 23-11-2020.

Những tranh Thangka nói trên được vẽ bởi Tenpa Rabten, một người thừa kế di sản văn hóa phi vật thể quốc gia này và là giáo sư tại Khoa Nghệ thuật của Đại học Tây Tạng, và các sinh viên của ông. Những tác phẩm sớm nhất của cuộc triển lãm được vẽ từ đầu những năm 1990 đến nay.

Tenpa Rabten đã đào tạo hơn 500 họa sĩ Thangka

trong 30 năm qua. Là giáo sư đầu tiên tại Trường Cao đẳng Nghệ thuật của Đại học Tây Tạng, ông đã giúp thiết lập nền tảng lý thuyết cho việc xây dựng chuyên ngành nghệ thuật Tây Tạng.

Năm 1980, Tenpa Rabten đã mở thành công một trường phúc lợi công cộng miễn phí dành riêng cho những bức tranh truyền thống này. Động thái này đã tạo tiền lệ cho tranh Phật giáo Thangka đi từ kiểu thừa kế gia đình sang kiểu thừa kế cộng đồng.

(NewsNow - October 25, 2020)



Triển lãm tranh Phật giáo Thangka tại Lhasa (Tây Tạng)
Photo: Chinanews.com

HÀN QUỐC: Hòa thượng Hàn Quốc Pomnyun được trao Giải thưởng Hòa bình Niwano lần thứ 37

Tổ chức Hòa bình Niwano (Nhật Bản) vào ngày 26-10 đã trao Giải thưởng Hòa bình Niwano lần thứ 37 cho Thiền sư Hòa thượng Hàn Quốc Pomnyun, người đã đạt được sự nổi tiếng tại quốc nội và trên toàn thế giới vì những bài Pháp thoại sâu sắc mà dễ tiếp cận, và nhận được những lời tán thưởng cho các hoạt động nhân đạo sâu rộng của ông với tư cách là một Phật tử gắn bó với xã hội.

Hòa thượng Pomnyun đã thành lập nhiều tổ chức, sáng kiến và dự án đang hoạt động trên khắp thế giới.

Ông cũng hợp tác chặt chẽ với Mạng lưới Phật tử Dẫn thân Quốc tế (INEB).

Giải thưởng Hòa bình Niwano dưới dạng huy chương, giấy chứng nhận và khoản tài trợ 20 triệu yên (190,000

USD). Hòa thượng Pomnyun nói rằng ông có kế hoạch tặng phần thưởng bằng tiền này cho cứu trợ COVID-19 ở Miến Điện và cho chương trình giáo dục của INEB dành cho phụ nữ ở Đông Nam Á.

(Buddhistdoor Global - October 27, 2020)



Hòa thượng Pomnyun nhận Giải thưởng hòa bình Niwano lần thứ 37

Photo: Jungto Society

BANGLADESH: Người tị nạn Hồi giáo Rohingya gây quỹ để giúp những Phật tử thất tán

Nhằm mục đích thay đổi những căng thẳng cộng đồng giữa Phật tử và người Hồi giáo Rohingya ở bang Rakhine của Miến Điện, những người Hồi giáo Rohingya (chủ yếu là sinh viên - hiện đang sống trong các trại tị nạn tại quận Cox's Bazar - đông nam Bangladesh) đang gây quỹ cứu trợ nhân đạo cho Phật tử di tản do xung đột diễn ra ở bang Rakhine (trước đây gọi là Arakan).

Hoạt động với tư cách là Mạng lưới giáo dục và Xã hội Vị tha Arakan, những người Hồi giáo trẻ tuổi này đã quyên góp được 500,000 kyat Miến Điện để giúp các Phật tử di tản trả tiền ăn ở.

Người Hồi giáo Rohingya sống tại Sittwe (thủ phủ bang Rakhine) và Yangon (cố đô của Miến Điện) cũng đang quyên góp để giúp các Phật tử di tản trong khu vực xung đột. Vào đầu tháng 7, người Hồi giáo Rohingya tại Sittwe đã quyên góp được 300,000 kyat.

Viện trợ nhân đạo từ

người Rohingya đang giúp hàn gắn những rạn nứt và xây dựng lòng tin giữa 2 cộng đồng này.

(HOME: Buddhistdoor Global - November 1, 2020)



Người Hồi giáo Rohingya tị nạn tại quận Cox's Bazar, Bangladesh, gây quỹ cứu trợ cho những Phật tử di tản do xung đột tại bang Rakhine (Miến Điện)

Photo: rfa.org

THÁI LAN: Cầu nguyện trên không trung dành cho Phật tử Thái

Bangkok, Thái Lan - Hàng không Quốc tế Thái (THAI) sẽ cung cấp một chuyến bay đặc biệt cho những hành khách muốn tụng niệm kinh Phật bên trên 99 thánh địa trong vương quốc này vào ngày 30-11-2020.

Chuyến bay đặc biệt nói trên là một phần của chương trình nhằm thúc đẩy ngành du lịch - là chương trình Trải nghiệm Du lịch Mới thuộc chiến dịch Trải nghiệm Bay Kỳ diệu của THAI.

Hành khách có thể tụng niệm chú khi bay qua 99 thánh địa ở thủ đô Bangkok và 31 tỉnh.

Sẽ không có hạ cánh trong suốt chuyến bay, và hành khách sẽ nhận được năng lượng tích cực từ việc tụng niệm khi ở trên máy bay.

Chuyến bay kéo dài 3 giờ này sẽ cất cánh lúc 1.30 pm và quay trở về lúc 4.30 pm ngày 30-11-2020.

(asianews.it - November 3, 2020)



*Tiếp viên Hàng không THAI
Photo: asianews.it*

TÍCH LAN: Ấn Độ tài trợ 15 triệu USD cho việc thúc đẩy quan hệ Phật giáo giữa Ấn Độ và Tích Lan

Cao ủy Ấn Độ tại Tích Lan, Gopal Baglay, đã gặp các thành viên cấp cao của tầng lớp Phật giáo Sinhala vào tuần trước, khi ông thảo luận về việc thực hiện khoản tài trợ 15 triệu USD cho việc "thúc đẩy quan hệ Phật giáo giữa Ấn Độ và Tích Lan".

Khoản tài trợ đã được công bố vào tháng trước tại một hội nghị thượng đỉnh ảo giữa thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi và thủ tướng Sri Lanka Mahinda Rajapaksa.

Khoản viện trợ này được đưa ra khi Sri Lanka đang ở giữa cuộc khủng hoảng kinh tế và đang tìm cách hoãn trả nợ từ Ấn Độ.

Cao ủy Gopal Baglay lưu ý rằng "đây là thông báo tài trợ đầu tiên của Ấn Độ, và tuyên bố rằng khoản tài trợ này có thể được sử dụng để xây dựng / cải tạo các tu viện Phật giáo, phát triển năng lực, giao lưu văn hóa, hợp tác khảo cổ, trưng bày đối ứng các thánh tích của Đức Phật, củng cố sự tham gia của các học giả và giáo sĩ Phật giáo".

(Tamil Guardian - November 4, 2020)

Cao ủy Ấn Độ Gopal Baglay hội kiến các vị cao tăng của Tích Lan—Photo: Tamil Guardian



THÁI LAN: Chính phủ mời mọi người đến lễ tụng kinh Phật vào thứ bảy hàng tuần cho đến ngày 5 tháng 12

Bangkok - Anucha Nakasai, Bộ trưởng phụ trách Văn phòng Thủ tướng cho biết: Để đánh dấu ngày sinh của cố Quốc vương Bhumibol Adulyadej, và để tưởng nhớ "ân sủng và lòng tốt hoàng gia của ông đối với người dân Thái Lan", Chính phủ sẽ tổ chức lễ tụng kinh Phật giáo tại các ngôi chùa trung tâm ở mỗi tỉnh vào thứ Bảy hàng tuần cho đến ngày 5-12-2020.

Ngày 5-12 cũng là Ngày Quốc khánh và Ngày của Cha chính thức của Thái Lan.

Ông nói: "Vì đa số người Thái là Phật tử, chúng tôi tin rằng buổi lễ sẽ giúp mọi người thích nghi với nguyên lý pháp luân của Phật giáo vào cuộc sống hàng ngày của họ, đặc biệt là trong thời kỳ khủng hoảng do đại dịch gây ra và sự khác biệt về hệ tư tưởng chính trị."

"Buổi lễ ở Bangkok sẽ được tổ chức vào ngày 7-11 từ 10 pm trở đi tại Tỉnh xá Wat Bowonniwet ở quận Phra Nakhon, trong khi đó, thống đốc của mỗi tỉnh sẽ làm việc với Văn phòng Phật giáo tỉnh nhằm chọn một địa điểm thích hợp để tổ chức lễ vào các ngày thứ bảy hàng tuần cho đến ngày 5-12," ông nói.

(nationthailand.com - November 7, 2020)

MIỄN ĐIỆN: Lễ hội ánh sáng Thadingyut của Phật giáo trong thời kỳ đại dịch

Miền Điện kỷ niệm lễ hội Thadingyut hàng năm - vào ngày rằm tháng 7 theo âm lịch truyền thống của nước này (nhằm ngày 31-10-2020) - trong bối cảnh số ca bệnh covid-19 gia tăng khiến nhiều người phải từ bỏ các lễ hội thông thường.

Là ngày lễ Phật giáo quan trọng thứ hai trong năm - sau lễ hội té nước Thingyan

của Năm Mới - Thadingyut thường là thời điểm đi viếng đền chùa và họp mặt gia đình sôi nổi. Tuy nhiên, năm nay, nhiều người tổ chức lễ kỷ niệm này một cách lặng lẽ trong sự riêng tư tại nhà của họ.

Theo phong tục, cũng vào ngày này, Đức Phật đã trở lại trần gian sau khi giảng pháp cho mẹ của ngài trên cõi trời.

Thadingyut còn được gọi là lễ hội ánh sáng, và ở vùng ngoại ô của Yangon, nhiều người đã thắp nến cúng dường Đức Phật.

(tipitaka.net - November 7, 2020)



Một ngôi chùa ở thị trấn Hlaing Tharyar của Yangon thắp nến trong lễ hội ánh sáng Thadingyut
Photo: Sai Zaw

THÁI LAN: Bảo tàng Phật giáo lớn nhất Thái Lan tại Pattaya

Triển lãm nghệ thuật Phật giáo lớn nhất của Thái Lan đã khai mạc tại Pattaya hôm thứ Tư 11-11-2020, nêu bật vai trò của Phật giáo trong lịch sử Đông Nam Á.

Người sáng lập Somkiat Lopetcharat đã mở cửa Bảo tàng Nghệ thuật Phật giáo Nongprue trên đường Soi Maikaen 19, với quyền vào cửa miễn phí cho trẻ em cao dưới 150 cm và 300 baht cho người lớn.

Được quản lý bởi Tổ chức Quảng bá và Bảo tồn Nghệ thuật Thái Lan, bảo tàng đưa các tác phẩm nghệ thuật và tượng Phật vào các cuộc triển lãm xoay quanh lịch sử của các vùng và các thời kỳ.

Bảo tàng tổ chức 18 cuộc triển lãm thường trực, bao gồm các cuộc trưng bày về các vương quốc Lanna, Ayutthaya - Sukhothai và Rattanakosin, vùng Ban Chiang, Lopburi, bộ tộc Yao, thần Ganesha và Cam Bốt, Miến Điện và Lào, cùng những nơi khác. Bảo tàng mở cửa hàng ngày từ 8 a.m. đến 4:30 p.m.

(Pattaya Mail - November 12, 2020)



Somkiat Lopetcharat (bên phải), người sáng lập Bảo tàng Nghệ thuật Phật giáo, tại buổi khai mạc triển lãm



Bảo tàng Nghệ thuật Phật giáo tại Pattaya, Thái Lan
Photos: Pattaya Mail

ẤN ĐỘ: Thiên định vào đêm trăng rằm tại thánh địa Bavikonda ở Vizag

Vizag, Andhra Pradesh - Vào ngày 1-11-2020, 67 người đam mê di sản đã tập trung tại thánh địa Phật giáo Bavikonda ở Vizag để tham gia thiên định vào ngày trăng tròn. Buổi thiên định kéo dài trong khoảng hai giờ, với các học viên chia sẻ kinh nghiệm của mình về các thiên pháp khác nhau.

Sau 35 phút đi bộ tại địa điểm, những người tham gia ngồi theo một hình bán nguyệt đối mặt với Đại Bảo tháp Chaitya trên nền thánh địa rộng lớn. Buổi tham

thiền, do bà Hatangadi dẫn dắt, được bắt đầu bằng những bài tụng kinh 'Buddham Sharanam Gachami'. Tiếp theo là buổi thiền định Minh sát tuệ của Phật giáo Nguyên thủy.

"Trăng tròn chắc chắn đã được đón mừng tại Bavikonda bởi các nhà sư, du khách, dân làng quanh khu vực này hơn 2000 năm trước. Đánh dấu sự kiện này, chúng tôi quyết định tập hợp những người đam mê di sản ở Vizag để làm sống lại những khoảnh khắc đặc biệt đó."

"Buổi thiền định này, mặc dù chỉ dài 120 phút, đã chứng minh là một buổi đặc biệt. Chúng tôi cảm thấy chúng tôi đã kết nối với nhau. Khi mặt trăng màu cam rực rỡ nhô lên trên bầu trời, chúng tôi chắc chắn đã nổi được quá khứ với hiện tại," bà Hatangadi nói.

(tipitaka.net - November 12, 2020)

giá 250,000 usd nói trên có một chiếc hộp gọi là Hộp Gandhara đựng các di tích tôn giáo Phật giáo-Greco (thời kỳ Hy Lạp hóa) cổ đại, có niên đại từ Thế kỷ thứ 2 CN.

Các cổ vật sẽ hồi hương này đã được chính thức bàn giao vào tuần trước trong một buổi lễ tại New York, với sự tham dự của Tổng lãnh sự Pakistan Ayesha Ali.

Đây là những hiện vật nằm trong số khoảng 100 món đồ bị thu giữ tại công ty Nghệ thuật Á châu Cổ đại của Nayef Homsy, tay buôn nghệ thuật Nam và Trúng Á ở Khu Đông Thượng của Quận Manhattan.

Một tuyên bố từ văn phòng Biện lý Quận Manhattan đã mô tả Homsy là "một con buôn phi pháp nổi tiếng tham gia vào hoạt động cướp bóc, xuất khẩu và bán trái phép các tác phẩm nghệ thuật cổ đại từ Afghanistan, Ấn Độ, Pakistan và các quốc gia khác"

(tipitaka.net - November 12, 2020)

TÍCH LAN: Hội nghị Phật giáo Quốc tế về 'Ứng phó của Phật giáo với Đại dịch COVID-19'

Hội nghị Phật giáo Quốc tế được tổ chức vào ngày 7 và 8-11-2020 (qua Zoom) bởi Hội đồng Quốc gia về Các vấn đề Quốc tế của Đại hội Phật giáo Toàn Tích Lan (ACBC), với sự tham gia của nhiều diễn giả trong nước và quốc tế

Chủ đề của hội nghị là 'Ứng phó của Phật giáo với Đại dịch COVID-19' và Pháp giảng, diễn ra tại lễ khai mạc hội nghị lúc 2 giờ chiều ngày 7-11.

Ngày đầu tiên của hội nghị, các vị cao tăng diễn giả trình bày về "Những lời dạy của Đức Phật để vượt qua COVID-19" với 3 bài thuyết trình liên quan đến chủ đề, bao gồm: 'Rathana Suthraya - Một bài giảng để vượt qua thảm họa', 'Girimananda Suthraya - Mười nhận thức để chữa lành đau khổ' và 'Đối phó với Đại dịch và Vượt qua Đau khổ từ góc độ Phật giáo'.

Vào ngày thứ hai - ngày 8 -11- hội nghị được tổ chức qua Zoom từ 2 đến 6 giờ chiều. Và chủ đề của phần 2 này là 'Chánh niệm và Thiền định - Con đường Phật giáo vượt qua đại dịch COVID-19'.

(tipitaka.net - November 12, 2020)



Most Ven Prof Kotapitiye Rahula Anunayaka Thero.
Anunayaka of the Kotte Srikalyani Samagreedhamma Maha Sangha Sabha & Main Secretary, Professor Pali and Buddhist Studies Division, Peradeniya University.



Most Ven U Dhammajiva Maha Thero
Abbot and Chief Preceptor of Meetingala Nissarana Vanaya.



Ven. Bogoda Seelawimala Nayaka Thero.
Head London Buddhist Vihara and Chief Sangayanaka Great Britain.



Ven. Bhante Sujato.
Co-founder Suttacentral.net Sydney



Ven. Prof. Medagapitiye Wijthadhamma Thero.
Prof of Pali and Buddhist Studies, University of Sri Jayawardenapura



Hộp đựng di tích Phật giáo thời kỳ Hy Lạp hóa Gandhara

Photo: tipitaka.net

Các diễn giả là chư cao tăng Tích Lan và quốc tế tại Hội nghị Phật giáo Quốc tế tại Tích Lan -Photo: ft.lk

Những người tham gia thiền định vào ngày trăng tròn tại thánh địa Phật giáo Bavikonda ở Vizag, Ấn Độ
Photo: Rajesh Ponnada

PAKISTAN: Hoa Kỳ trao trả Pakistan chiếc hộp đựng di tích Phật giáo thời kỳ Hy Lạp hóa Gandhara

Vào thứ Hai ngày 9-11-2020, Pakistan đã hoàn thành việc bàn giao 45 cổ vật bị cướp bóc (do chính quyền Hoa Kỳ đã thu giữ vào năm 2015 từ một nhà buôn nghệ thuật ở New York) và đang sắp xếp một chuyến vận chuyển đặc biệt để mang chúng về nước.

Trong số các hiện vật trị

LŨ LỤT MIỀN TRUNG VIỆT NAM

Lụt, lụt, lụt vẫn liên hồi,
Quê hương gánh phải nạn rồi,
Việt Nam tôi còn mãi khổ,
Lụt, lụt, lụt mãi không thôi.

Từ Quảng Bình vào Quảng Trị,
Đến cố đô Huế - Thừa Thiên,
Vào Nha Trang và Quảng Ngãi,
Toàn dân đón nhận ưu phiền...

Giải đất miền Trung tàn lụi,
Việt Nam ơi! Việt Nam ơi!
Người và vật đều chết lụt,...
Làm môi hà bá nuốt thối...

Gà vịt trâu bò chơi với,
Cuốn theo làn nước nổi trôi,
Miền Trung còn gì đâu nữa?....
Sống cảnh chiếu đất màn trời?

Dân Việt chịu nhiều đau khổ,
Gánh chịu phải cảnh đọa đày?
Hết bão lụt rồi sạt lở,
Thiên tai tiếp diễn hoài hoài,

Toàn giải miền Trung nước Việt,
Thế là trời hại dân tôi,
Bão này dứt, còn bão tiếp,
Gieo chi khổ lụt mãi hoài...

Nghiệt oan trả đến bao giờ ?
Triền miên đau khổ biết nhờ nơi nao?
Lẽ đâu chịu mãi hay sao?
Cúi đầu cam chịu lúc nào mới nguôi!

Toàn dân tác dạ bồi hồi,
Năm nào cũng gánh ách trời vào thân.
Toàn dân hãy cố đồng tâm,
Cùng nhau giúp đỡ tương thân mới là.

Láng giềng gần, bà con xa,
Đồng tâm hiệp lực mới là thương nhau.
Đúng là xứng nghĩa đồng bào,
Chung lưng đấu cật khó nào cũng qua...



1
Lũ lụt miền Trung chát ngát trời,
Bùn lầy nước đục theo dòng trôi,
Heo gà nhà cửa đũa từng lớp,
Cây cỏ hoa màu đổ liên hồi.
Núi đồi sụp xuống thành thác lũ,
Đòng nội ngoi lên hóa nương đồi.
Bà con vùi xác vào lòng đất,
Nhìn cảnh miền Trung lảm ngậm ngùi.

2
Ngậm ngùi nhìn bão tố miền Trung,
Thấy cảnh tang thương quá chạnh lòng,
Quảng Trị, Quảng Bình đều ngơ ngác,
Thừa Thiên, Đà Nẵng cũng long đong...
Quảng Nam, Quảng Ngãi như hồ biển,
Bình Định, Phú Yên tựa rạch sông.
Toàn giải miền Trung đều ngập lụt,
Ai người cứu giúp cô phát tâm...

3
Phát tâm hoan hỷ cứu đồng bào,
Xin gắng thương nhau mọi tư hào,
Từ thiện ra tay tình nghĩa đẹp,
Chung lưng gắng sức chí khí cao.
Màn trời chiếu đất thì mong đợi,
Cô quạnh bản hàn vẫn ước ao...
Của tuy tờ rác nhưng thành thật,
Nghĩa hiệp ta tay với đồng bào.

thơ **ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA**

Quý thu Canh tý - Nov. 28th, 2020

BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

b/5- **Thô Tế Chân Thật:**

Bài Tụng:

“Nên biết Thế Tục Đế, sai biệt có ba thứ: gọi là Giả, là Hành, là Hiện Liễu; như thứ lớp nươg nơi căn bản thì có ba. Thắng Nghĩa Đế cũng có ba: gọi là Nghĩa, là Đắc, là Chánh Hạnh; duy nhất nươg nơi căn bản: Vô Biên, Vô Đáo hai Viên Thật.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây giải thích rõ nghĩa chân thật thô tế của hai Đế. Thô tức là thô tướng, Tế tức là tế tướng, Thô Tế là giảng tương đối. Thô tức là pháp thô thiên của thế tục, Tế tức là pháp thắng nghĩa của vi diệu; pháp thế tục mặc dù cũng là thật Đế, nhưng chỉ có pháp thật tại triệt để vi diệu mới gọi là thắng nghĩa. Đây là chỗ thấy cảnh thắng nghĩa của thắng trí vô lậu, cho nên gọi là Tổ Thắng Nghĩa (*Thấy Thắng Nghĩa*). Như ở trong Bách Luận của Bồ Tát Đề Bà, giải thích hai Đế Chân và Tục; Tục Đế đối với Chân Đế thì không thật. Có người kia hỏi rằng, dĩ nhiên thế tục đối với thắng nghĩa là không thật, thế thì nên làm cách nào hoàn toàn không phải là Đế? Người kia giải thích đại ý rằng: Hai Đế Chân và Tục là căn cứ nơi tương đối cạn và sâu, thô và tế mà giảng giải, như đem bình trà so với tách trà mà nói thì bình trà là lớn, nhưng bình trà so với mâm trà mà nói thì bình trà trở nên nhỏ, nguyên do không đồng nhau vì đối đãi, cho nên nói là lớn, cho nên nói là nhỏ. Thế Tục Đế đối với hư vọng lầm lạc của thế gian là thật Đế, nhưng đối với nghĩa cứu cánh chân thật của



xuất thế gian thì hoàn toàn không thật. Lại nữa Y Tha đối với Biến Kế thì Y Tha trở thành có, nghĩa là có nhân quả; còn Y Tha đối với pháp Viên Thành thì Y Tha trở thành không, nghĩa là không có trên Thắng Nghĩa. Như hôm nay trình bày hai Đế Chân và Tục, gọi là chân thật thô tế, cũng chính là căn cứ nơi đối đãi mà trình bày, thật ra không có nghĩa cố định. Tụng nói nên biết Thế Tục Đế, theo

thứ lớp nươg nơi căn bản chân thật thì có ba loại sai biệt và ba loại sai biệt này cũng nươg nơi ba tự tánh để giải thích. Ba loại sai biệt gồm có: Giả Thế Tục, Hành Thế Tục và Hiện Liễu Thế Tục. Một là Giả Thế Tục, nghĩa là Pháp Biến Kế Sở Chấp chỉ có giả danh mà không có thật nghĩa. Hai là Hành Thế Tục, nghĩa là nươg nơi Pháp Y Tha Khởi thì sanh diệt vô thường. Ba là Hiện Liễu Thế Tục, nghĩa là vì hiển bày rõ Viên Thành Thật Tánh mà thiết lập ngôn ngữ để phân biệt, nhưng trên thực tế Viên Thành

Thật thì lìa ngôn ngữ phân biệt. Pháp Thế Tục Đế có ba thứ nghĩa, đều là nươg nơi ba Tánh mà kiến lập. Thắng Nghĩa Đế cũng có ba thứ sai biệt: Nghĩa Thắng Nghĩa, Đắc Thắng Nghĩa và Chánh Hạnh Thắng Nghĩa.

1, Nghĩa Thắng Nghĩa đây, nghĩa là bản thân có danh nghĩa thù thắng, tức là chỉ cho Thắng Nghĩa Thắng Nghĩa Chân Như Pháp Giới. Thắng Nghĩa Thắng Nghĩa Chân Như Pháp Giới, nghĩa là danh nghĩa thù thắng của Pháp Giới Chân Như.

2, Đắc Thắng Nghĩa đây, nghĩa là chỗ chứng đắc Niết Bàn lìa khỏi chướng ngại, đó chính là Chân Như, mặc dù Chân Như biến khắp tất cả pháp, nhưng tự thể vẫn là thường

trụ như thế, mà ở đây căn yếu là sau khi đổi trị phiền não mới được gọi là Chứng Đặc Niết Bàn.

3, Chánh Hạnh Thắng Nghĩa đây, nghĩa là tu hành Chánh Hạnh có thể chứng Niết Bàn, đó chính là khả năng chứng Thắng Nghĩa nên gọi là Chánh Hạnh Thắng Nghĩa.

Ba thứ Thắng Nghĩa nói trên chỉ căn cứ nơi Viên Thành Thắng Nghĩa trong ba Tự Tánh để định danh và do bởi Viên Thành cố nghĩa không biến đổi không điên đảo và theo đó mà kiến lập ba thứ Thắng Nghĩa. Nương tựa nơi Thắng Nghĩa thường không bị biến đổi khác đi mà kiến lập Nghĩa Thắng Nghĩa và Đặc Thắng Nghĩa. Chánh Hạnh mặc dù là có biến đổi, tuy nhiên vẫn tuân theo Vô Đào (*không điên đảo*) mà có thể chứng Thắng Nghĩa và nhờ đó kiến lập Chánh Hạnh Thắng Nghĩa. Tóm lại, nguyên nhân căn cứ nơi Viên Thành Thật không biến đổi, không điên đảo mà kiến lập ba thứ Thắng Nghĩa này.

b/6- Cực Thành Chân Thật:

Bài Tụng:

“Thế Gian Thành nương nơi một, Lý Cực Thành nương nơi ba.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích Cực Thành chân thật. Phân chia có hai thứ: 1- Thế Gian Cực Thành, 2- Đạo Lý Cực Thành. Cực Thành nghĩa là tư tưởng cứu cánh phổ biến cộng đồng chấp nhận, nơi Nhân Minh gọi là làm cho thế gian chấp nhận và đạo lý đều chấp nhận. Như nói cái chén, mọi người đều có thể chấp nhận là cái chén, mọi người đây là chỉ cho thế gian theo tập quán đều cùng biết cùng chấp nhận các thứ danh tướng nói trên, đó gọi là Thế Gian Cực Thành. Đạo Lý Cực Thành là do học lý, học vấn chuyên môn mà thành lập, như Thiên Văn Học nói rằng Thái Dương thì lớn như Địa Cầu, còn người phổ thông thì nói rằng Thái Dương chẳng qua là mặt bồng lớn mà thôi. Thiên Văn Học nói lớn như Địa Cầu là dùng các thứ lý do mà thành lập, lý do của nó chính là nhân và lại nêu ra rất nhiều thí dụ để chấp nhận, như hoạ đồ tiêu biểu, v.v... điều đó chứng tỏ mọi người Học Lý Thiên Văn đều cùng chấp nhận, đây gọi là Đạo Lý Cực Thành. Trong Thế Gian Cực Thành ở trước là căn cứ nơi Biến Kế Sở Chấp Tự Tánh mà thành lập, do thế gian thường thường căn cứ nơi tập quán Biến Kế mà thành lập danh tướng. Còn Đạo Lý Cực Thành thì quan hệ nơi ba thứ, như thành lập Tông Chỉ Tạo Chủ vạn hữu và dùng các thứ Nhân và Dụ để biện minh, đây gọi là Biến Kế. Lại nữa như dùng học lý thuyết minh thế gian là do nhân duyên biến hiện qua hiện tượng Y Tha Khởi. Nó dùng đạo lý thuyết minh tất cả các pháp Y Tha Khởi xét đến cùng đều là

không, đây chính là Viên Thành Thật.

b/7- Tịnh Sở Hành Chân Thật:

Bài Tụng:

“Tịnh Sở Hành có hai, nương nơi một Viên Thành Thật.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là thuyết minh Tịnh Sở Hành chân thật. Tịnh Sở Hành, nghĩa là cảnh giới tịnh trí của chỗ thật hành đã lìa khỏi hoặc. Cảnh giới tịnh trí của chỗ thật hành đã ra khỏi phiền não chướng, hai là cảnh giới tịnh trí của chỗ thật hành đã ra khỏi Sở Tri Chướng. Hai thứ cảnh giới này đều nương nơi Viên Thành Thật mà an lập, chẳng qua chỗ thật hành ra khỏi phiền não chướng chỉ là được một phần Viên Thành, còn chỗ thật hành ra khỏi sở tri chướng lẽ tất nhiên mới được gọi là hoàn toàn Viên Thành, riêng Tánh Không mới gọi là Tịnh Sở Hành chân thật.

b/8- Nhiếp Thọ Chân Thật:

Bài Tụng:

“Danh, Biến Kế Sở Chấp; Tướng, Phân Biệt, Y Tha, Chân Như và Chánh Trí; chỗ thâm nhiếp của Viên Thành Thật.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là thuyết minh dùng năm pháp để thâm nhiếp tất cả các pháp. Năm Pháp gồm có: Tướng, Danh, Phân Biệt, Chân Như, Chánh Trí và còn thuyết minh thêm nữa là Như Như. Năm Pháp đây đều thâm nhiếp nơi ba Tự Tánh: như Danh tức là chỉ cho Biến Kế Sở Chấp và Tướng cùng Phân Biệt tức là pháp của Y Tha Khởi. Tướng là căn cứ nơi pháp mà đặt tên, như đặt tên là Sắc, Thọ, v.v..., nghĩa là căn cứ nơi sự thật của Sắc, của Thọ, v.v... mà thiết lập danh xưng. Các thứ danh xưng nói trên chính là của Biến Kế Sở Chấp; riêng Tướng thì thuộc Sắc và Phân Biệt thì thuộc Tâm Tâm Sở, cả hai đều của pháp Y Tha Khởi. Chân Như và Chánh Trí thì thuộc chỗ thâm nhiếp của Viên Thành. Nguyên do Chánh Trí đây chính là chỉ cho Chánh Hạnh không điên đảo và nương nơi Chánh Trí này có thể biết rõ nào là chân thật, nào là không phải chân thật mà chứng được Chân Như. Trong Chánh Trí, năm Pháp và ba Tự Tánh đều nhiếp lấy lẫn nhau, nhưng theo Du Già và Thành Duy Thức Luận giải thích thì không giống nhau, mặc dù Thành Duy Thức Luận cũng có đề cập đến nghĩa đây, chẳng qua hiển bày một thứ giống nhau của nó để xác định riêng khác. Như Thành Duy Thức Luận nói rằng ba Tự Tánh và năm Pháp đều nhiếp lấy lẫn nhau và bốn thứ như Danh, Tướng, Phân Biệt và Chánh Trí đều nương nơi Pháp Y Tha Khởi. Còn Chân Như chính là pháp Viên Thành Thật. Năm Pháp thì có thâm nhiếp Biến Kế Sở Chấp mà Biến Kế Sở Chấp thì không thâm nhiếp năm Pháp; đây

QUÊ HƯƠNG MÙA BÃO LŨ

*Bên thềm nặng hạt mưa rơi
Giọt rơi trên lá, giọt trôi vào lòng.
Ngoài kia mưa vẫn mênh mông
Phải đâu đất khách muôn trùng xa xôi.*

*Chiều nay bên quán trọ đời
Nghe mưa tê tái về nơi quê nhà.
Nào nùng từng hạt mưa sa,
Tang thương trút xuống quê ta ngậm ngùi!*

*Chạnh niềm đất mẹ xa xôi
Gió điên cuồng gió, nát lời nước mây
Ai đâu cảm hết đau này
Sẻ chia một tấm lòng, đây nghĩa tình!*

*Đêm tàn rồi để bình minh
Khổ đau sẽ hết, đến bình minh thôi!
Quê cha, đất tổ bao đời,
Nhớ từ muôn thuở ngọt lời quê hương.*

*“Nhiều điều giữ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng”
Chiều nay mưa gió nào nùng,
Chạnh lòng lữ khách tình chung quê nhà!*

thơ **MẠC PHƯƠNG TỬ**
South Dakota, chớm đông 2020

là Du Già Duy Thức chỗ quyết đoán khác lạ như thế. Theo Du Già Duy Thức giải thích Y Tha thì bao quát cả nhiệm và tịnh, nguyên vì Chánh Trí mặc dù là thanh tịnh nhưng cũng bao quát Y Tha ở trong. Biện Trung Biên Luận so với Du Già Duy Thức thì có chỗ không giống nhau. Chỗ khác nhau của Biện Trung Biên Luận so cùng với Du Già Duy Thức chính là như quyền đầu của Biện Trung Biên nói rằng: Hư Vọng Phân Biệt thì có, nghĩa là Y Tha do nương nơi hư vọng cho nên chỉ nói có phần nhiệm, còn Vô Đảo Hành của phần tịnh Y Tha thì lại nhiếp vào Viên Thành; cho nên Luận này khác nhau với Duy Thức. Do đó, nghĩa rộng của Viên Thành nơi Luận này thì bao quát cả Chân Như và Tịnh Y Tha. Nghĩa hẹp của Y Tha chỉ nhiếp lấy ô nhiễm mà thôi. Còn Y Tha của Thành Duy Thức Luận thì rộng bao quát cả nhiệm và tịnh; nghĩa hẹp của Viên Thành là chỉ nhiếp lấy Chân Như Không Tánh mà thôi, đây là hai chỗ không giống nhau.

b/9- Sai Biệt Chân Thật:

Bài Tụng:

“Lưu chuyển cùng an lập, tà hạnh, căn cứ ban đầu thì có hai; Thật Tướng, Duy Thức, Tịnh, Chánh Hạnh, căn cứ sau cùng thì có một.”

Giải Nghĩa:

Đây là giải thích sai biệt chân thật có bảy. Ở trong Kinh Luận khác gọi là bảy thứ Chân Như, còn ở trong Luận này gọi là bảy thứ Chân Thật: 1- Lưu Chuyển Chân Thật, 2- Thật Tướng Chân Thật, 3- Duy Thức Chân Thật, 4 - An Lập Chân Thật, 5- Tà Hạnh Chân Thật, 6- Thanh Tịnh Chân Thật, 7- Chánh Hạnh Chân Thật.

Trong đây Lưu Chuyển Chân Thật chính là sanh tử lưu chuyển tất cả pháp hữu lậu sanh diệt. An Lập Chân Thật chính là an lập quả bảo của chúng sanh trong ba cõi, đây tức là Khổ Đế. Tà Hạnh Chân Thật chính là phiền não và nghiệp lực, đây tức là Tập Đế. Ba thứ Chân Thật như thế đều là chân thật nương nơi Biện Kế Sở Chấp và Y Tha Khởi để làm sáng tỏ. Còn bốn thứ chân thật dưới đây là Thật Tướng, Duy Thức, Thanh Tịnh và Chánh Hạnh chỉ nương nơi một chân thật sau cùng của Viên Thành để làm sáng tỏ. Thật Tướng Chân Thật tức là Tướng Không của các pháp, nghĩa là trong tất cả các pháp Sanh Không Pháp Không đã được làm sáng tỏ chính là thật tướng của các pháp. Duy Thức Chân Thật chính là tổng nhiếp tất cả pháp hữu vi vô vi, đều là do Duy Thức biến hiện, Tánh của vô vi cũng là do Duy Thức biến hiện, cho nên gọi là Duy Thức Chân Thật. Thanh Tịnh Chân Thật chính là Thanh Tịnh Niết Bàn Diệt Đế được hiển bày sau khi lìa khỏi sự nhiễm ô. Chánh Hạnh Chân Thật chính là Chánh Hạnh Đạo Đế của công năng chứng đắc chân thật. Bốn thứ đây đều là nương nơi Viên Thành để thuyết minh, cho nên gọi là Viên Thành Thật Sở Nhiếp.

(còn tiếp)



QUẢ BÁO của VIỆC GÂY TẠO CHIẾN TRANH

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Gây tạo chiến tranh, giặc giã, xung đột, mâu thuẫn là một tập tính cố hữu của con người. Từ thuở hồng hoang cho đến hiện đại, nhân loại chưa bao giờ ngưng nghỉ các mâu thuẫn và xung đột giữa các cá nhân, sắc tộc, vùng lãnh thổ, quốc gia mà dường như nó đang diễn ra trên thế giới ngày càng quyết liệt và nặng nề hơn.

Có vẻ quan niệm “chân lý trong tay kẻ mạnh” đã thích ứng với nhiều người, đang là định hướng sống cho số đông nên chạy đua vũ trang, hiện đại hóa quân đội vẫn là ưu tiên hàng đầu của các nhà lãnh đạo cùng các thể chế chính trị. Và hậu quả là chiến tranh, khói lửa, bom đạn vẫn triển miên, ngăn được chỗ này lại bùng phát nơi kia, gây chết chóc thương vong vô số cho dân lành vô tội.

Dường như nhân loại từ xưa đến nay đành bất lực với thực trạng xung đột, chiến tranh, bắn giết. Đơn giản chỉ vì chấp thủ cái tôi, bản ngã; tham, sân, si là tập tính cố hữu của chúng sinh. Con người hiện đại hiểu biết và nhân văn hơn nhưng cũng không vượt thoát sự chi phối mãnh liệt của ba phiền não gốc rễ này. Đặc biệt là tham lam, muốn mình có được nhiều thứ. Khi lòng tham không thỏa mãn, tự động lòng sân hận phát khởi, thế là tranh chấp và bạo lực xảy ra.

“Một thời, Phật ở tại thành Vương-xá... cho đến Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân thể to lớn mọc đầy lông, lông bén nhọn như dao, rọc lửa, trở lại cắt đứt chính thân thể, đau đớn tận xương tủy... cho đến Phật bảo các Tỳ-kheo:

Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương-xá này, ưa thích chiến tranh, dùng đao kiếm chém giết người.

Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ.

Nay vì dư báo địa ngục này nên nó phải

chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.” (Kinh Tạp A-hàm, kinh số 514)

Đạo Phật chủ trương hòa bình, lấy từ bi hóa giải hận thù, lấy sự xả buông để khắc chế tham ái. Chiến tranh, xung đột, bạo động là biểu hiện rõ ràng của tham lam, sân



hận và si mê. Học theo Phật để buông xả thù hận, từ bỏ đao kiếm. Hai nhân tố cốt tủy mà Phật giáo có thể hiển tạng cho thế giới để hóa giải xung đột, thiết lập hòa bình chính là trí tuệ và từ bi.

Trí tuệ là thấy rõ “chân lý trong tay kẻ mạnh” chỉ là tạm thời. Không ai yếu bại hoài mà cũng chẳng ai mạnh thắng hoài. Tất cả đều vô thường và bị đổi thay. Mặt

khác, khi dùng sức mạnh để đè bẹp đối phương, cai trị họ với bàn tay sắt máu sẽ tạo ra trường thù hận, nghiệp chướng nặng nề. Quả báo của việc gây chiến và tàn sát, giết chóc nặng nề phải đọa địa ngục nhiều kiếp. Khi mãn hình phạt thống khổ của địa ngục, tái sinh làm ngựa quý “thân thể to lớn mọc đầy lông, lông bén nhọn như dao, rọc lửa, trở lại cắt đứt chính thân thể, đau đớn tận xương tủy”.

Hình ảnh ngựa quý “lông tự cắt thân, đau đớn cùng cực” này ngoài ý nghĩa y báo khổ đau tương ứng với chánh báo giết hại còn cho thấy một sự dẫn dắt, trần trở về những tội lỗi sát hại của tự thân đã gây tạo trong chiến tranh. Các hội chứng tâm thần, ám ảnh, đau khổ của cựu binh bước về từ cõi chết minh chứng rất rõ điều này. Nên hãy thấy rõ bản chất khổ đau của xung đột dù thắng hay thua để yêu thương và tha thứ nhằm thiết lập hòa bình, an vui cho nhân loại và muôn cả loài.

CÁI THIÊN VÀ HẠNH PHÚC

Nguyễn Thế Đăng

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Từ thời thơ ấu, chúng ta đã biết thiện ác, tốt xấu là gì. Ăn cơm vung vãi đầy bàn là xấu, dơ dáy không tắm rửa là xấu, viết chữ cầu thả là xấu, ăn nói thô tục chửi thề là xấu... Và ngược lại là tốt.

Trong các chuyện cổ tích, luôn luôn chúng ta muốn một kết thúc có hậu: kẻ ác phải thua, người tốt phải thắng, công chúa thì không thể lấy một kẻ gian thần bạc ác, mà phải lấy một hoàng tử anh hùng trung chánh, "cứu vật vật trả ơn" chứ không phải cứu vật vật trả oán, Bụt thì giúp cô Tấm chứ không giúp cô Cám... Tất cả chuyện cổ tích trên thế giới đều như thế: Cái thiện phải thắng cái ác.

Trong trí óc ngây thơ hồn nhiên, chúng ta vẫn mong đợi một sự công bình trong trận chiến giữa thiện và ác, và nếu có những giọt nước mắt tuổi thơ thì chúng ta khóc cho người thiện bị chà đạp, bị đọa đày, chứ không khóc cho người ác. Chúng ta luôn luôn có khuynh hướng yêu thích cái thiện.

Và cũng từ thuở nhỏ, chúng ta biết đem lại sự bằng lòng, niềm vui cho cha mẹ, không muốn cho cha mẹ buồn. Chúng ta biết thế nào là niềm vui, một chút hạnh phúc khi cứu một con vật bị nạn, khi cho bạn một viên kẹo, cho bạn chơi chung một món đồ chơi, biết yêu thích những đức tính tốt đẹp của cha mẹ, thầy cô, anh em, bạn bè.

Biết thiện ác, biết thích cái thiện, ghét cái ác như một bản năng trong mỗi người chúng ta. Càng lớn lên, với giáo dục, với văn hóa, sự phân biệt thiện ác, cái tốt đẹp và cái xấu xa càng rõ ràng và tạo nên sự phán đoán giá trị của con người. Người bình thường chúng ta không ai khen Hitler về những trại tập trung và lò hơi ngạt,

không ai khen Pol Pot về việc giết hàng triệu người Campuchia. Và chúng ta đều khen ngợi trí thông minh, lòng nhân ái của Einstein, sự kiên cường vì tự do cho nhân dân mình của Nelson Mandela...

Tóm lại, chúng ta không thể nào ca ngợi những tính xấu của con người, và chính những đức tính tốt đẹp của một số người đã đưa họ lên hàng những vĩ nhân.

Không nghi ngờ gì, con người được phân biệt với các loài khác vì sự biết phân biệt thiện ác, tốt xấu, biết việc gì nên làm và không nên làm. Cuộc đời làm người chính là sự loại bỏ cái xấu, cái ác và trồng thêm, làm tăng trưởng những đức tính tốt, thiện. Hai câu kết của truyện Kiều:

*Thiên căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.*

Cuộc đời người, sự tiến hóa của con người là cái tâm phải đầy dẫy những thiện căn. Với Phật giáo, biết phân biệt thiện ác không chỉ là một đặc trưng xác

nhận tính chất con người, mà hơn nữa, nó là điều kiện tất yếu để một chúng sinh có thể tái sinh làm người.

Lịch sử loài người, lịch sử của từng con người, là cuộc tranh đấu đầy gian khổ, có khi đau đớn, để cái thiện cái tốt chiến thắng cái ác cái xấu, cái chân cái đúng chiến thắng cái giả cái sai, cái đẹp chiến thắng cái xấu. Thế nên trên đỉnh cao nhân loại, những con người đã hoàn thành phần nào cuộc chiến thắng ấy luôn luôn được tôn vinh. Thế nên Đức Phật có danh hiệu là Người Chinh Phục, Người Chiến Thắng (The Conqueror, the Victorious One).

Con người là loài có ưu thế vì bằng ý thức của mình biết hướng đến Chân Thiện



Mỹ và là loài có khả năng đạt đến Chân Thiện Mỹ. Lịch sử loài người, sự tiến hóa của con người không gì khác hơn là hướng tới Chân Thiện Mỹ trong mọi mặt của cuộc sống, thoát khỏi những xiềng xích của cái đối nghịch Chân Thiện Mỹ vẫn cầm tù mình, và cuối cùng đạt đến Chân Thiện Mỹ hoàn toàn. Không có một ngành học thuật, nghiên cứu nào, một hoạt động nào của con người mà không hướng đến ít nhất một trong ba cái đó. Không có người nào mong muốn mình và xã hội càng ngày càng xấu ác hơn, càng ngày càng giả dối sai lầm hơn, càng ngày càng xấu xí hơn. Chính vì hướng đến Chân Thiện Mỹ, thực hiện Chân Thiện Mỹ mà loài người có văn hóa và văn minh. Và càng hướng đến và thực hiện Chân Thiện Mỹ thì con người càng trở nên có văn hóa và văn minh. Và càng hướng đến và thực hiện Chân Thiện Mỹ thì con người càng trở nên có văn hóa và văn minh.

Cái thiện bao trùm toàn bộ cuộc sống con người, có mặt ở mọi ngóc ngách của đời sống. Ở đây chúng ta chỉ nói về sự cho. Cho là một điều thiện và cái đối nghịch với nó, trộm cướp là cái xấu, cái ác. Thế nên việc cho được gọi là việc từ thiện.

Ngay từ nhỏ chúng ta biết đến niềm vui của sự thiện, của lòng tốt, của sự cho. Mới sinh ra được vài tháng, người nào đến với ta bằng thiện cảm, vuốt má ta, cười với ta, chúng ta cười lại dù chưa biết nói, chưa biết nghe. Ở tiểu học, nghe lời cha mẹ cầm một lon gạo đưa cho người đi xin, cứu con chim bị thương, thả một con bướm bị nhốt trong phòng cứ đâm đầu vào ngọn đèn, cho con mèo ăn...chúng ta thấy vui. (Tiếc thay khi lớn lên, trong một xã hội tranh giành, ít người còn nhớ thời thơ ấu chúng ta đã từng là một Bò-tát nhỏ như thế nào).

Làm một việc thiện nhỏ, chúng ta thấy vui. Có ai tự ý làm một việc thiện mà thấy khổ chưa? Thế thì nếu thiện cần phát triển nơi con người chúng ta, nơi thân khẩu ý chúng ta, hẳn là có hạnh phúc. Và đương nhiên, nếu thiện cần, sự thiện, lòng tốt hoàn toàn đầy đủ, tràn ngập thân tâm chúng ta, hẳn là hạnh phúc càng bao la sâu thẳm.

Chúng ta có thể định nghĩa thiện là làm tốt, làm lành cho mình và cho người khác vật khác và làm ác làm xấu, làm hại cho mình và cho người khác vật khác. Thiện là khuynh hướng tự nhiên của con người, là bản năng của con người. (Chỉ cần trong thiện cần có thể dịch thành bản năng, một chữ thông dụng của phương Tây). Sống theo bản năng thiện ấy, chúng ta cảm nhận niềm

vui, hạnh phúc. Nhưng chúng ta vẫn thấy có sự lúng túng, khó khăn: cho mà đôi khi tiếc, đôi khi đau khổ. Làm việc thiện mà đôi khi dẫn vật, khổ nhọc. Nói lời êm dịu làm vui lòng người thì khó hơn là chỉ trích, gây thương tổn cho họ.

Cái gì ngăn cản chúng ta làm điều thiện? Cái gì ngăn cản ta cảm nhận niềm vui và hạnh phúc? Đó là 'cái ta' và đi liền theo nó là 'cái của ta'. Tất cả mọi cái ác suy cho cùng đều bắt nguồn từ cái ta và cái của ta. Tất cả mọi tội ác, trộm cướp, tham nhũng, hại người, làm và bán đồ giả, chế biến thực phẩm có hại cho sức khỏe, gây tai nạn giao thông...tất cả và tất cả đều đến từ cái ta và những lực lượng hùng hậu của nó là tham, sân, si, kiêu mạn, đố kỵ....Hóa ra cái ác chính là cái ta, một cái ta hiểu sai mình, tách lia với mọi sự và đứng lên trên mọi sự. Đã thế, còn được trang bị bằng rất nhiều cại xấu ác.

Ở một mức độ cao hơn của nhận thức, chúng ta thấy cái ta là nguyên nhân của mọi cái ác. Suốt ngày tất cả ý đều xoay quanh cái ta, tất cả khẩu (lời nói) đều lấy cái ta làm điểm quy chiếu duy nhất, tất cả hoạt động của thân đều vì cái ta. Đời sống rồi lại chỉ là sự quanh quẩn trong một vòng vây của cái ta, ngoài ta ra không có gì hết. Cái ta làm chúng ta cô lập với thế giới, với người khác, với toàn bộ đời sống. Thấy một cái gì, nghe một cái gì, nghĩ một điều gì....cái ta tức khắc nhảy vào, gom mọi sự về nó, cho chỉ mình nó thôi. Con người bình thường chúng ta bị nhốt vào, bị giam cầm trong sự thống trị tuyệt đối của cái ta rất nhỏ hẹp nhưng nó tự cho nó là tất cả vũ trụ. Người khác và thế giới không còn hiện hữu; nếu hiện hữu là hiện hữu qua sự nhuộm màu của cái ta. Bị giam cầm, ở tù chung thân trong cái ta ấy, chúng ta khổ đau, mà cô đơn là một thành phần. Đó là tình cảnh con người, qua những nhân vật vô danh của Kafka, qua Roquentin trong Buồn nôn (La Nausée) của J.P. Sartre, qua Meursault trong Người xa lạ (L'Étranger) của Albert Camus, và qua những nhân vật phân mảnh của văn học hậu hiện đại.

Cái ta của chúng ta chỉ là một phần của cuộc sống chúng ta, một phương tiện của đời sống thực sự bao la của chúng ta. Chẳng có ai cho rằng một móng tay mình là tất cả vũ trụ, rồi cả đời ôm ấp hôn hít nó, thậm chí vì nó làm làm điều ác, họa chẳng chỉ có trẻ nít hoặc người điên. Người trưởng thành về tinh thần, về tâm linh thì không thế. Họ vẫn có cái ta, sử dụng cái ta như một phần cuộc sống của họ ở đời, nhưng cái ta đó chỉ là



một hạt cát trong số cát sông Hằng là tất cả chúng sanh không thể đếm hết mà thôi.

Ở mức độ cao hơn của nhận thức con người, nếu hoàn toàn chấp vào cái ta thì cái ta đó là kẻ thù ác. Và ngược lại, cái thiện là sự nói lòng, sự giải phóng khỏi cái ta. Cái thiện là sự thoát khỏi xiềng xích của cái ta và đặt cái ta vào đúng vị trí của nó: một bọt biển trong đại dương chứ chẳng phải là tất cả đại dương. Và như đã nói ở trên, cái thiện là hạnh phúc thì không cái thiện nào bằng, không hạnh phúc nào bằng sự giải phóng khỏi cái ta: như Tôn Ngộ Không bay vọt lên trời cao tự do khi đã thoát khỏi sự đè nặng của năm quả núi ngũ uẩn chịu đựng từ bao kiếp đến nay.

Từ đó chúng ta có cái thiện thật sự và hạnh phúc thật sự. Dĩ nhiên, không ai không có hạnh phúc mà có thể cho người khác hạnh phúc.

Phật giáo là con đường của sự thiện, từ những sự thiện có thể tìm thấy ở bất cứ nơi đâu đến sự thiện tối hậu. Đó là con đường của sự thiện, nghĩa là con đường của hạnh phúc. Hạnh phúc của Phật giáo không phải là một hạnh phúc tĩnh tại, không hành động. Nhưng làm sao có thể vừa hành động vừa giải thoát? Hành động là karma, là nghiệp. Dù là hành động tốt, nghiệp tốt, vẫn là sự trói buộc. Làm thế nào để có được sự đồng thời hạnh phúc của chính mình và của người khác? Chẳng phải cái gì chúng ta cho đi thì cái ấy mất mát nơi chúng ta sao? Có thể nào có thứ hạnh phúc mà càng cho đi thì càng có nhiều thêm? Nhưng với Phật giáo, hạnh phúc thật sự thì phải như vậy. Như thế mới nói đến chuyện lợi mình lợi người và đồng thời hạnh phúc cho cả hai bên.

Vấn đề này là một trong nhiều chủ đề của Kinh Kim Cương. Ở đây chúng ta chỉ trích ra một đoạn để học tập, để sống theo.

"Bồ-tát hãy không có chỗ trụ mà cho. Nghĩa là chẳng trụ sắc mà cho, chẳng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp mà cho. Nay Tu Bồ Đề! Bồ-tát nên cho như thế, chẳng trụ nơi tướng. Nếu Bồ-tát không trụ vào tướng mà cho, thì phước đức ấy (hạnh phúc ấy) là không thể suy nghĩ, không thể đo lường".



CHỈ LÀ LỜI HỎI THĂM

*nỗi bất hạnh đến với mỗi người khác nhau
địa cầu còn đầy đau khổ
bên này bên kia
dịch corona, lũ lụt, cháy rừng
chính trị, khủng bố, giết người
chiến tranh, thù hận, di dân
bầu cử, chủng tộc da đen da trắng da vàng
khí hậu, môi sinh, đói khát
chưa kể đau khổ riêng tư: thất tình, mất việc,
ốm đau
hành tinh rên siết
con người khủng hoảng*

*một tiếng hỏi thăm thật ngắn
một câu trả lời OK
nghe tin bạn già cùng gia đình an mạnh
niềm vui nho nhỏ mùa thu
trong nỗi đau lớn toàn cầu*

bạn ơi viết cho tôi một chữ...

thơ **THY AN**

cuối tháng 10-2020 mùa dịch

KHỔ THÁNH ĐỂ

Chân Hiền Tâm

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Tôi đến với Phật pháp vì ... quá khổ.
Khổ, vì mọi thứ được đặt nền tảng trên cái "quá sướng". Sướng trong hiện tại, dù hiện tại đó đã thành quá khứ, mà có lẽ cả trong quá khứ, là những kiếp về trước khi phước báu khá đầy đủ. Nó đã ghi lại dấu đó trong tiềm thức của tôi, nên khi mới khổ chút, đã thấy khổ vô vàn, khổ cùng cực. "Nhà giàu đứt tay ăn mày đổ ruột". Chuyện tất nhiên trong thế giới này. Một thế giới mà giá trị của pháp không phải tự bản thân nó gầy dựng giá trị cho nó mà được hình thành bằng sự đổi đãi hoặc tương đãi, [1] Phật gọi là Duyên khởi.

Cái sướng ở quá khứ làm duyên để tôi cảm nhận cái khổ trong hiện tại. Và chính cái khổ đó lại là duyên giúp tôi đến với Phật pháp. Không khổ ít ai nghĩ đến Trời Phật. Khổ và hạnh phúc là một cặp đối đãi làm nên giá trị cho nhau. Lão Tử chiêm nghiệm và ghi lại trong Đạo Đức Kinh: "*Thiên hạ đều biết cái đẹp này là đẹp, cái kia xấu. Đều biết cái thiện này là thiện, cái kia là bất thiện. Có và không sinh nhau, khó và dễ làm thành nhau, dài và ngắn so nhau, cao và thấp úp nhau, âm và thanh hòa nhau, trước và sau theo nhau...*" Cái này luôn có mối liên hệ với cái kia. Nhờ cái kia mới có cái này. Mọi thứ ở thế gian đều hình thành theo cách như thế. "*Dù chư Như Lai xuất hiện ở đời hay không xuất hiện ở đời, bản chất các pháp là thế. Vẫn quyết định tánh ấy. Vẫn theo duyên như thế*". Là theo duyên "*Do duyên sinh, lão tử có mặt*"[2].

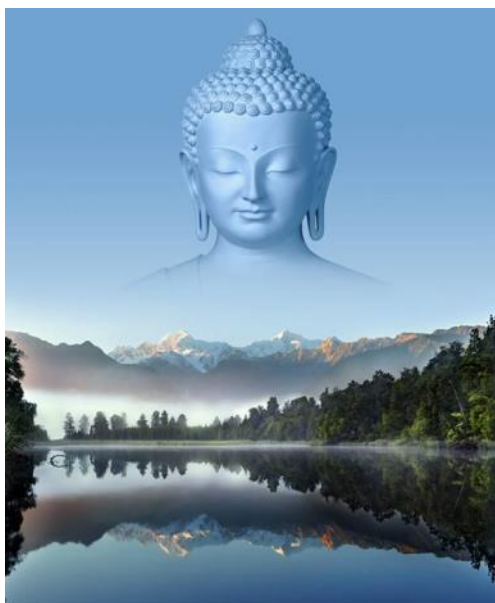
Khổ và tập

Khổ, là một chỉ phần trong Tứ thánh đế. Song nếu chỉ nói đến "khổ" mà cho là "khổ

thánh đế" thì kinh Niết Bàn nói: "*Nói khổ đó, chẳng phải là Tứ thánh đế, vì nếu nói khổ là khổ thánh đế thì tất cả trâu, dê, lừa, ngựa cùng người ở địa ngục lẽ ra đều có thánh đế*".

[3] Nhưng trâu dê lừa ngựa không phải là thánh. Nên biết, "khổ" nếu không đi liền với "tập", "diệt" và "đạo" thì "khổ" chỉ là khổ, không phải là "khổ thánh đế". Kinh nói: "*Người nào không tu tập như vậy thì gọi là khổ, không phải khổ thánh đế*". Là "*Tu tập được giải thoát và chứng biết như thật Như Lai thường trụ không có biến đổi*". [4] Khổ chỉ được gọi là "khổ thánh đế" khi có sự tu tập và chứng biết. Tức không là "tập," "đạo" và "diệt." Vì thế nói đến "khổ thánh đế" là phải nói đến "tập," đến "diệt," đến "đạo."

Schopenhauer, một triết gia ở thế kỷ thứ XIX nói về nỗi khổ ở thế gian như sau: "*Nếu ta chỉ cho một người thấy rõ những khổ đau và cay cực ghê gớm mà cuộc đời của y phải chịu đựng miên viễn, y sẽ vô cùng kinh hãi. Và nếu ta dẫn người lạc quan kinh niên qua những bệnh viện, chốn y viện, nhà tù, phòng tra tấn, cũi nhốt nô lệ, qua bãi chiến trường và hành quyết... thì cả những người lạc quan kia cuối cùng cũng sẽ hiểu được bản chất của cái thế giới tốt đẹp nhất trong mọi thế giới khả hữu này. Từ đâu Dante đã lấy tài liệu cho địa ngục của ông nếu không phải từ chính thế giới thực thụ của chúng ta? Và rồi ông đã làm nó trở thành một địa ngục rất đặc biệt. Trái lại, khi mô tả thiên đường và những lạc thú của nó, Dante gặp một khó khăn không thể vượt, vì thế giới chúng ta không cung cấp một chút gì về điều đó*". [5] Một cái nhìn được người đời cho là vô cùng bi quan, nhưng không hề thiếu tính xác thực. Ít ai dám



nói thế giới này không khổ.

Người ta không nhận ra khổ hoặc có nhận ra cũng không biết do đâu có khổ và bản chất thực của khổ là gì. Cho nên, dù cách giải quyết khổ không sai, là phá bỏ những gì mang đến khổ cho mình, nhưng kết quả không mấy khả quan. Nếu khả quan, có khi lại tạo ra những nhân khổ mới. Bởi chỉ biết phá bỏ cái khổ từ ngoại cảnh mang đến mà gốc tạo khổ là ở bản thân thì không biết đến.

Với luận Đại Thừa Khởi Tín, “khổ” đơn giản chỉ vì động. **“Động tức có khổ. Vì quả chẳng lia nhân”**. Cái gì động? Tâm động. Bởi bất giác tâm động mà có quả khổ sinh tử. Do tâm bất giác vọng động mà xuất hiện thế giới và chúng sinh. Nói gần hơn chút nữa. Con người khổ là vì có “tập.” “Tập” là sự tích tụ, là chi phần thứ hai trong Tứ thánh đế. Tâm bất giác vọng động rồi xuất hiện sự tích tụ. Vì tích tụ mà có khổ. Vọng động ra sao, tích tụ thế nào chỉ có Phật và hàng đại Bồ-tát mới thấu được, nhưng không vì thế mà ta không kiểm nghiệm được nó ở những việc nhỏ nhặt trong đời sống thường ngày.

Nghiện, là một dạng của tích tụ. Sự tích tụ của vô số các hành động như nhau, có thể khác nhau ở mức độ nhưng hình thức và nội dung thì không khác. Chúng được lặp đi lặp lại nhiều lần và trở thành thói quen. Nghiện, là hình thức của một thói quen đã thành nặng ký. Nghiện bất cứ thứ gì đều khiến ta trở thành nô lệ cho thứ đó. Khổ xuất hiện khi sự thỏa mãn không được đáp ứng. Song với cái nhìn của đạo và những người mà quan niệm tự do là trên hết thì nô lệ, bản chất của nó đã là khổ, không đợi đến khi sự thỏa mãn không được đáp ứng mới thấy khổ. Khổ nhất là từ cái khổ đó, do muốn thoát khổ, ta lại gây tạo thêm nhiều nhân khổ mới.

Thế gian này có rất nhiều thứ khiến ta bị nô lệ. Làm một kẻ nô lệ tình nguyện. Tiền tài, danh vọng, tình cảm, danh dự v.v... Ta tình nguyện hiến dâng đời mình cho chúng và đánh mất viên minh châu vô giá trong mỗi người.

“Khổ” và “tập,” ở mặt khái niệm và giải thích, không có gì khó hiểu. Nhưng để thực hiểu về chúng, đòi hỏi ta phải như thật biết thế nào là “khổ”, là “tập.” Kinh Lăng Già Tâm

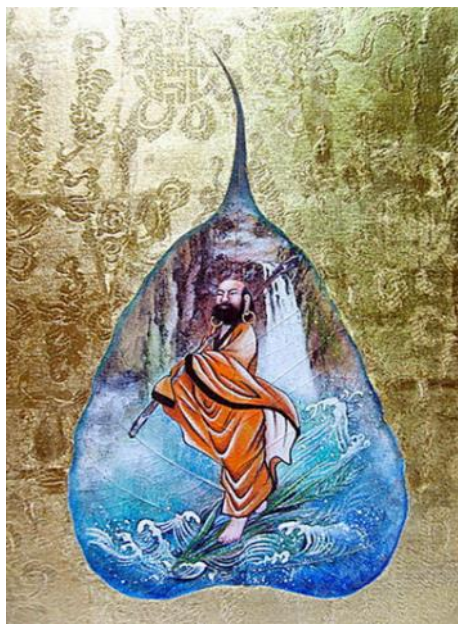
Ấn có đề cập đến ba tướng thánh trí mà Bồ-tát phải tu học, trong đó có tướng “Chỗ tự nguyện của tất cả chư Phật,” là chỗ chư Phật trước tự nguyện tu sinh. Đại sư Hàm Thị bàn rằng: **“Kinh Anh Lạc nói: ‘Chưa qua khổ để khiến qua khổ để, chưa hiểu tập để khiến hiểu tập để, chưa an đạo để khiến an đạo để, chưa được diệt để khiến được diệt để’. Đây là bốn hồng thệ, y nơi giáo Biệt và Viên, đều duyên hai thứ Tứ thánh đế hữu tác và vô tác. Chính là tướng Phật trước tự nguyện. Bồ-tát phát tâm không đồng với Nhị thừa”**.

[6] Kinh qua khổ để là một trong bốn hồng thệ của hàng Bồ-tát Đại thừa. Bồ-tát tu hành không sợ khổ xứ. Bởi không tự bản thân mình trải qua, không thể hiểu khổ là gì. Cũng không thể hiểu được tha nhân khổ ra sao mà động lòng từ bi. Không khổ, khó từ bỏ những gì mang đến khổ. Cũng khó nhận ra gốc của khổ. Không nhận ra được thì khó mà giải quyết khổ cho đến nơi đến chốn.

Vào khổ xứ mà có “đạo” và “diệt” làm nền tảng thì khổ là môi trường giúp tâm người tu thêm vững vàng. Cũng là nơi để kiểm nghiệm cái gọi là “đạo” và “diệt” mà mình đã thực hành và thực chứng. Bởi tướng thánh trí cuối cùng mà Bồ-tát phải đạt là “Tất cả chỗ, chứng được cảnh giới tự tâm hiện lượng”. [7] Không kinh qua khổ xứ, sao biết “đạo” mình học, “diệt” mình chứng ứng duyên đã tới đâu? Phồn vinh và hưởng thụ là quả báo của phúc đức, nhưng cũng là nhân của sự yếu hèn. Cảnh tĩnh lặng, cần thiết cho việc tu tập và an định tự tâm, song nếu bám vào đó để tìm một sự thanh nhàn thì thành họa cho bản thân. Xem ra, thứ mà người đời cho là quả báo của phúc đức, với người tu cũng chỉ là một loại khổ xứ đáng tỉnh giác hơn cả nghịch cảnh. Bởi nghịch cảnh, khiến con người muốn ly. Thuận cảnh, khiến con người dễ bám víu.

Muốn thẩm thấu được tính Duyên khởi của vạn pháp cũng phải từ thế giới sai biệt mà vào. Kinh nói: **“Bồ-tát không bỏ các thứ sai biệt đã có ở thế gian và xuất thế gian mà được chỗ thâm bày của phi 108 câu.”** [8]

Nói chung, không có phần “chư Phật trước tự nguyện tu sinh” thì mọi thứ chỉ hạn cuộc trên sách vở. Song kinh luận không thể tải hết những gì mà chư Phật muốn nói



với chúng sinh. Vì thế, chưa qua khổ để khiến qua khổ để...

Chết là khổ. Vì nó là sự ra đi, chia lìa, phân tán. Có những sự phân tán thấy hãi hùng và đau đớn, không phải chỉ cho người chết mà cả cho người sống, như hàng loạt các vụ tai nạn xảy ra gần đây. Chết là một trạng thái mà có lẽ sau đó, con người không còn cơ hội để rút kinh nghiệm. Nhưng đa phần đều sợ chết vì nó vẫn in đậm nét dấu đó trong tiềm thức của mình về những lần chết trước. Một sự ẩn tàng chi phối con người khá mạnh khi đủ duyên, khiến ta sợ hãi khi nghĩ về cái chết. Cho đến khi giác ngộ được bản chất của chết là gì.

Sinh cũng khổ. Một đứa bé ra đời là cả một sự kỳ diệu của tạo hóa nhưng cũng chất khá nhiều khổ não trong đó. Chưa lần nào đau đớn mà tôi thực sự giác ngộ "đời là bể khổ" khi sinh con gái đầu lòng. Chỉ là chưa đủ năng lực tình giác trong thân một trẻ sơ sinh để biết cái khổ trong vai trò sở sinh. Song khóc thét, không phải là trạng thái sung sướng hay vui mừng. Con nít chỉ khóc khi nó đau, hoặc nhu cầu ăn uống không được thỏa mãn hay ít nhất là đang cảm nhận một cảm giác bất an khi phải rời khỏi môi trường quen thuộc, một dạng của sự tích tụ, nhân duyên tạo ra khổ.

Còn khoảng giữa của sinh và tử? Không thiếu những khoảng đau khổ hư vọng. Đây đây những bất ổn và lo toan.

Bất an, lo lắng v.v... không phải là trạng thái hạnh phúc khi bạn chưa giác ngộ được bản chất của nó và đặt nó trong tầm kiểm soát của bạn.

Tôi không chỉ có một mình. Tôi có gia đình. Có một ít bạn bè và người thân cùng láng giềng. Kiểm một người thứ hai như chồng tôi không phải dễ. Tìm cho ra những đứa con như tôi đang có, không có nhiều. Nhưng tôi vẫn nói với bạn rằng tôi không thấy có gì phức tạp hơn đời sống một gia đình. Đời sống xã hội không phải không phức tạp (nơi nào có tập thể, nơi đó có ít nhiều phức tạp), nhưng vì nó "không phải là của mình," mình không phải đối diện chung chạ nhiều như cùng trong một nhà, nên với tôi đời sống gia đình vẫn là đời sống phức tạp nhất.

Đơn giản đã được phức tạp hóa vì những ý thích và quan niệm không trùng nhau, nhưng lại không biết cách buông xả để hòa hợp. Vì những thứ không thuộc tôi đã trở thành của tôi, nhưng vẫn không thể là của tôi. Sự khác biệt về ý nghĩ cũng như lối sống giữa các thế hệ trong cùng một gia đình khiến mọi chuyện dễ phát sinh. *"Chúng ta không hạnh phúc khi đã kết hôn nhưng không kết hôn chúng ta lại không*

hạnh phúc. Chúng ta bất hạnh khi ở một mình, bất hạnh trong xã hội. Chúng ta giống như những con nhím tụ lại cùng nhau để sưởi ấm và cảm thấy bất tiện khi quá ép lại gần nhau, nhưng lại khổ sở khi rời xa nhau." [9] Đó là những mâu thuẫn mà con người trong xã hội ngày nay hay gặp phải. Ai dục kéo con người lại gần nhau nhưng quan điểm, định kiến, sở thích và thói quen khác nhau khiến con người không chịu đựng nổi nhau.

Ái dục, gần như là thứ chỉ đạo và chi phối suy nghĩ cũng như hành động của con người. Cảm giác hoan lạc hạnh phúc trong ái dục, dù chỉ là trên mặt tinh thần, cũng khiến con người dễ dính mắc vào đó. Không phải chỉ người đời, ngay cả người tu cũng không thoát được. Có khi còn mê mờ hơn cả người đời. Cho đến khi mặt duyên khởi của cái hoan lạc ấy xuất hiện. Khổ. Mọi lỗi người ta ra được ít nhiều. Nhờ khổ, mới biết tình giác mà tính chuyện lìa bỏ. Không thì cũng như người đời, yêu thương, trông mong và cũng thể hiện sự tranh dành ghen tuông một cách rất tự nhiên, quên mất mình đang mặc chiếc áo thanh tịnh của Như Lai. Bởi tập tính ái dục ẩn sâu trong tiềm thức. Dù duyên liền sinh khởi và đẩy lực lôi mình đi. Chỉ khi khổ xuất hiện mới dừng được ít nhiều. Xem ra, ở mặt nào đó, "khổ" chính là "đạo." Vì nó giúp ta từ bỏ.

Nietzsche, trong một phút yếu đuối đã si tình cô nàng Lou Salomé nhưng Lou Salomé không đáp lại. Chàng thất vọng và bỏ ra đi. Đi từ Ý đến những miền cao của dãy Alpes ở Sil, không yêu đàn ông cũng không yêu đàn bà mà chỉ cầu nguyện cho con người có thể siêu việt. Trên những miền cao cô quạnh đó, chàng thanh niên đã cảm hứng:

Tôi ngồi đây chờ đợi, chờ đợi hư vô

Đã vượt ngoài thiên ác...

Bây giờ tôi thường thức

Ánh sáng và bóng râm

Chỉ có ngày, hồ, ban trưa, thời gian vô tận...

Nhưng bỗng nhiên bạn hỏi ! Một đã thành hai.

Và Zarathustra lướt qua cạnh tôi.

Những câu văn chất đầy mùi đạo: Một tâm thức vượt ngoài thiên và ác, chỉ biết đến những gì đang hiển bày trong hiện tại. Và tâm tử bi nở hoa: "Hỡi những vì sao vĩ đại! Hạnh phúc của người sẽ là gì, nếu không có những người mà người chiếu cho họ ánh sáng?" [10]

Tuy vậy, "khổ" không phải là "đạo." Bởi nó giúp người ta từ bỏ nhưng lại không cho người ta một con đường dẫn đến thiên đường hay niết bàn. Người ta có thể từ bỏ cái khổ này nhưng có khi lại bước sang cái khổ khác. Chúng ta loay hoay trong những được,

mất, hơn, thua... không có lối thoát và bế tắc với những suy nghĩ và hành động của mình. Cuối cùng là điên hay tự tử. Một cách mà chúng sinh thường dùng để giải quyết nỗi thống khổ ở đời.

Mười mấy năm trước, tôi đã nhìn thấy cảnh này tại bệnh viện Sài Gòn: Một người phụ nữ đã tự tử bằng thuốc rầy. Cô nhập vào thân người con gái của gia đình mà cô oán hận và nhảy ra đường cho xe đụng để gia đình đưa cô gái vào đúng cái giường mà cô đã chết. Người mẹ khóc lóc van xin, nhưng người phụ nữ đau đớn dẫm vào ngực mình mà nói: "Bà van xin tôi buông tha con bà, nhưng còn cái nóng bức đau đớn tôi đang chịu đây, ai buông tha cho tôi?" Thuốc rầy và nỗi uất hận khi chết đã làm cô đau đớn nóng bức không nguôi. Chỉ muốn trả thù. Tôi là ở đó. Khổ có khi giúp ta từ bỏ nhưng có khi... Cho nên, cần "đạo".

Có "đạo" để nhận ra "khổ," nhận ra gốc của "khổ." Muốn hết "khổ" cũng phải nhờ "đạo". Vì thế "đạo" được lập thành một chi phần riêng trong Tứ thánh đế. Nó là nhân đưa đến thiên đường hay niết bàn, chính là "diệt."

Phần đoạn sinh tử khổ Biến dịch sinh tử khổ

Theo luận Đại Thừa Khởi Tín, khổ có hai thứ: Khổ của phàm phu và khổ của thánh nhân.

Thánh nhân vẫn còn khổ?

Ngoại trừ Phật, còn lại chưa ai hết động. Dù động ở thánh nhân không thô phù như ở phàm phu nhưng cũng là động. "*Động tức có khổ, vì quả chẳng lìa nhân*". Song hình thức và mức độ khổ của hai không như nhau.

Phàm phu khổ vì danh lợi, cơm ăn, áo mặc, bất như ý mà khổ v.v... Phật nói chúng sinh có tám thứ khổ: Sinh, lão, bệnh, tử, ghét mà ở gần nhau, thương lại phải xa nhau, muốn mà không được, và cuối cùng là ngũ ấm thanh khổ. Luận Du-già Sư Địa thì nói tám khổ là lạnh, nóng, đói, khát, không được tự do, tự làm khổ lấy mình, bị người khác bức bách, phải chịu ở một tư thế nào đó trong suốt thời gian dài.[11]

Thánh nhân khổ, vì chưa chứng được hoàn toàn tâm chân như, vẫn còn chịu cái khổ biến dịch vi tế của chuyển thức mà gốc trợ nó là Căn bản vô minh, là Vô minh trụ địa nói trong kinh Thắng Man. Vậy nên nói thánh nhân khổ là so với bốn đức thường, lạc, ngã tịnh của Phật mà nói khổ. Không như khổ của phàm phu, do nghiệp trói

buộc mà khổ.

Phần đoạn sinh tử, theo luận Thành Duy Thức [12], là các nghiệp hữu lậu do thể lực của phiền não chướng làm duyên trợ giúp mà chiêu cảm ra quả Dị thực thô phù trong ba cõi với thân mạng sống lâu hay chết yếu. Do sức nhân duyên mà có sự hạn định, nên gọi là Phần đoạn sinh tử.

Luận Đại Thừa Khởi Tín nói "*Tăng trưởng phân biệt sự thức huân tập khiến*

cho phàm phu phải chịu cái khổ do nghiệp trói buộc." Là đối với cảnh trước mắt, không biết duy tâm sở hiện, khởi phân biệt mà sinh yêu ghét. Từ cái yêu ghét đó sinh ra khổ vui, thức tâm khởi niệm tương ưng chẳng dứt. Đối với cảnh ưa thích sinh tâm chấp thủ tham muốn. Với cảnh không ưa thích, sinh tâm sân giận rồi tìm cách xa lìa. Từ đó mà tạo nghiệp. Y nghiệp đã tạo mà thọ báo, không thể tự tại, nên nói bị nghiệp trói buộc.

Bất tư nghi biến dịch sinh tử, là các nghiệp vô lậu do thể

lực của sở tri chướng làm duyên trợ giúp chiêu cảm ra quả Dị thực với thân mạng thù thắng vi tế. Do sức bị nguyện mà thân mạng này chuyển dịch không hạn định, nên gọi là biến dịch. Vì do định vô lậu làm duyên trợ giúp chiêu cảm, diệu dụng khó lường, nên nói "bất tư nghi". Thân biến dịch này là ý sinh thân (tùy ý nguyện mà sinh) của hàng Bồ-tát.

Luận Đại thừa Khởi Tín nói: "*Nghiệp thức căn bản huân tập khiến cho A-la-hán, Bích Chi Phật và tất cả Bồ-tát phải chịu cái khổ sinh diệt*". Tự thể chân như không có tự tánh, bất giác mà có vô minh. Vô minh huân trở lại chân như biến chân như thành nghiệp thức. Từ nghiệp thức đó mà có chuyển thức và hiện thức v.v... tức Tam tế và Lục thô.

Nếu lấy Trí tướng trong Lục thô làm mốc thì phàm phu có đủ 9 tướng. Thánh nhân, tùy địa vị sâu cạn, chỉ bị các tướng từ Trí tướng trở lên chi phối. Như La-hán, phạm hạnh đã thành, không còn sinh tử, tức không còn bị nghiệp trói buộc, nên không bị cái khổ của phàm phu chi phối. Nhưng vì chưa chứng chân như, chưa mãn thành quả Phật, nên vẫn bị chuyển thức chi phối mà nói khổ.

Thân Biến dịch tuy là sinh tử khổ của thánh nhân nhưng là thành quả tu hành của hàng phàm phu trong một giai đoạn nào đó. Cho nên, với phàm phu, Biến dịch sinh tử không gọi là khổ. Chỉ gọi là khổ khi phàm phu đã thành thánh nhân và đứng ở gốc độ Tam tế Lục thô mà xét. Luận Đại Thừa Khởi Tín chỉ nói phàm phu chịu cái khổ



của Phần đoạn sinh tử, không nói chịu hai cái khổ là Phần đoạn và Biến dịch. Lý của pháp Duyên khởi là vậy, niết bàn của hạng này có khi vẫn là khổ của hạng kia.

Theo Lăng Già Tâm Ấn,[13] phải là hàng Bồ-tát từ Sơ địa (đã đoạn hết kiến hoặc) trở lên mới có ý sinh thân. Song luận Đại Thừa Khởi Tín lại nói "tất cả Bồ-tát" là do "nhiếp vào phương tiện ngôn mà nói. Vì mỗi vị cuối cùng đều đến Phật địa".[14]

A-la-hán, Bích Chi Phật và hàng Bồ-tát đại lực đã đoạn hết phiền não chướng (Tứ trụ địa), nên không còn thọ thân Phần đoạn đời sau. Muốn tu Bồ-tát hạnh để được quả bồ-đề, phải nương thân Biến dịch, tức dùng nguyện lực của thẳng định vô lậu, mà trở lại tam giới hành Bồ-tát đạo.[15]

[1] Đối đãi: Đợi có đối nhau mới thành. Như ngón tay áp út, bản thân nó không dài, không ngắn. Chỉ khi so với ngón dài hơn là ngón giữa thì nó thành ngắn. So với ngón ngắn hơn là ngón út thì nó mới có giá trị dài.

Tương đãi: Đợi nhau mà thành. Như ngón tay được hình thành từ nhiều duyên, do tứ đại hợp thành.

[2] Bài kinh Thánh Cầu - Kinh Trung Bộ.

[3] Kinh Đại Bát Niết Bàn - HT Trí Tịnh dịch.

[4] Phẩm Tứ đế - kinh Đại Bát Niết-bàn quyển 1.

[5] Câu Chuyện Triết Học - Will Durant - Trí Hải và Bửu Đích dịch.

[6] Kinh Lăng Già Tâm Ấn - Đại sư Hàm Thị chú giải - Bản dịch của HT Thanh Từ.

[7] Đại sư Hàm Thị.

[8] Kinh Lăng Già Tâm Ấn - Đại sư Hàm Thị trực giải. HT Thích Thanh Từ dịch.

[9] Schopenhauer - Câu Chuyện Triết Học của Will Durant. Bản dịch của Trí Hải và Bửu Đích.

[10] Câu Chuyện Triết Học của Will Durant. Bản dịch của Trí Hải và Bửu Đích.

[11] Tự điển Phật Học Huệ Quang.

[12] HT Thích Thiện Siêu dịch và chú. Phần Biến dịch và Phần đoạn sinh tử đều được trích ra từ luận này.

[13] Lăng Già Tâm Ấn - Đại sư Hàm Thị trực giải. HT Thanh Từ dịch

[14] Lời của Tổ Hiền Thủ trong Hoa Nghiêm Thám Huyền Ký - Phẩm Thập Hạnh.

[15] Luận Thành Duy Thức - HT Thiện Siêu dịch và chú thích.

SAU LỤT, LÀM BÀI THƠ VỀ CỎ...

*ôi cỏ xanh, người buốt chân trời
người bám chùm rễ số phận
bằng ngón tay hồn nhiên vào đất
ngã xuống xuyên giữa ngực
tan vào đất đâm chồi vẫn cỏ
màu xanh không cần cơ may
trên gương mặt mong manh và xanh
không ai thấy mắt của ngọn cỏ
âm thâm oan khuất sương đêm
thôi, gương mặt cỏ xanh không thể hiện
hình
nước mắt để làm gì
nước mắt được gì đâu...
cỏ xanh bây giờ là ký hiệu lặng im
chỉ còn hoa hồng
màu đỏ chiếc gai kêu lên đau đớn
ở góc vườn có dòng suối quanh co
viên theo cánh hoa trong một nghi lễ đầy
nặng
chiếc bầy mùa xuân đã giăng ra
và chú chim giả vờ bay về ca hát
những gợi ý về cỏ được viết thành tập
như tập ảnh của phóng viên chiến trường
sau chớp pháo
cỏ hiện lên không phải cả cánh đồng mà rõ
đến từng
gân máu mong manh
những gợi ý về cỏ là bầu trời
ánh sáng dội lên như một bộ phim
trích đoạn lịch sử
sau này nằm phủ bụi trên kệ sách
những gợi ý về cỏ là con chữ
nhẫn nại
miêu tả những gì đã biến mất
nhanh đến chóng mặt
gợi ý về cỏ là linh hồn
oan khuất cả khi ngừng đập
nước mắt để làm gì
nước mắt được gì đâu...*

thơ LÊ VINH TÀI

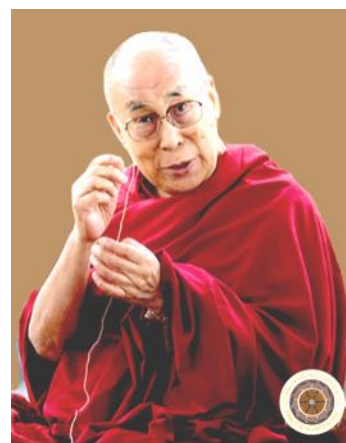
ĐẠO ĐỨC VƯỢT KHỎI TÔN GIÁO

Nguyên bản: ETHICS BEYOND RELIGION

His Holiness the Fourteenth Dalai Lama

Hiệu đính: Alexander Berzin

Chuyển ngữ: *Tu Uy-n*



TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Nhìn Lại Việc Nhấn Mạnh Vào Những Trình Độ Thứ Yếu Khác Nhau

Anh chị em thân mến, tôi cực kỳ vui mừng có cơ hội để nói chuyện với quý vị. Trước nhất, tôi luôn luôn thích để nói rõ ràng rằng khi tôi nói chuyện với mọi người, xin hãy tự nghĩ như một con người. Đây là tôi muốn nói rằng, đừng nghĩ "tôi là một người Thụy Sĩ", "Tôi là người Ý Đại Lợi", hay "Tôi là người Pháp." Thông dịch viên cho tôi không nên nghĩ rằng ông ấy là người Pháp! Tôi cũng không nên nghĩ tôi là người Tây Tạng. Xa hơn nữa, tôi không nên tự nghĩ mình là một Phật tử, bởi vì thường thường trong bài nói chuyện của tôi, cách để sống hạnh phúc, đời sống ít bị phiền não là trên căn bản sự hiện hữu của một con người.

Mỗi người trong bày tỉ người chúng ta muốn một đời sống hạnh phúc, và mỗi cá nhân có quyền để đạt đến mục tiêu ấy. Nếu chúng ta nhấn mạnh vào những trình độ khác biệt thứ yếu như "tôi là người Tây Tạng", thế thì nó làm cho tôi dường như quan hệ với Tây Tạng hơn. Cũng thế, "tôi là Phật tử" cho thấy một loại cảm nhận gần gũi với những người Phật tử khác, nhưng tự động tạo nên một loại khoảng cách nho nhỏ nào đó với những đức tin khác.

Loại quan điểm này thật sự là một nguồn gốc của các rắc rối, kể cả nhiều rắc rối và vô số bạo động mà con người đối diện trong quá khứ và tiếp tục đối mặt trong thế kỷ 21. Bạo động không bao giờ xảy ra nếu quý vị xem người khác là những con người, giống như chính quý vị. Không có lý do gì để giết hại lẫn nhau; nhưng khi chúng ta quên lãng sự duy nhất của loài người và thay vì tập trung vào những trình độ thứ yếu khác nhau như "quốc ta tôi" và "quốc gia họ", "tôn giáo tôi" và "tôn giáo họ", chúng ta tạo nên những sự phân biệt và quan tâm hơn cho

những con người của chính chúng ta và những thành viên của tôn giáo chúng ta. Thế rồi, chúng ta bắt chấp quyền lợi của người khác và ngay cả không tôn trọng sự sống của kẻ khác. Nhiều vấn nạn chúng ta đối diện ngày nay sinh khởi từ căn bản này, của việc nhấn mạnh và đặt nặng quá nhiều trên những thứ khác biệt thứ yếu.

Bây giờ, công thức duy nhất cho điều này là suy nghĩ một cách hợp lý về chính chúng ta trên trình độ của những con người, mà không có những phân biệt và rào cản. Khi tôi diễn thuyết, thí dụ, nếu xem tôi như một Phật tử Tây Tạng và có lẽ ngay cả hơn thế ấy nếu tôi tự nghĩ như "Đức Thánh Thiện Đạt Lai Lạt Ma", điều này tạo nên một loại khoảng cách nào đó giữa thánh chúng và chính tôi, như vậy là không thông minh. Nếu tôi chân thành quan tâm đến sự cát tường của quý vị, tôi phải nói với quý vị trên trình độ như những người anh chị em con người, cùng là những con người như chính tôi. Thật sự rằng chúng ta giống nhau: tinh thần, cảm xúc, và thân thể. Quan trọng hơn nữa, mọi người muốn một đời sống hạnh phúc không có bất cứ khổ đau nào, và tôi cũng giống như vậy, cho nên chúng ta sẽ nói chuyện trên trình độ này.

Đạo Đức Thế Tục

Đạo đức thế tục liên hệ liên hệ rất nhiều đến những nhân tố sinh học, nhưng niềm tin tôn giáo là điều đây chỉ có loài người có. Trong loài người, niềm tin được phát triển nhưng chắc chắn không phải là một nhân tố sinh học. Đạo đức thế tục bao phủ toàn bộ dân số 7 tỉ người. Như tôi đã đề cập hôm qua, từ 7 tỉ người, một tỉ người tuyên bố chính thức họ là những người không tín ngưỡng, và nếu chúng ta nghĩ về 6 tỉ người cho là những người có tín ngưỡng, thì có rất

nhiều người trong ấy là sai lạc. Có những tai tiếng, bóc lột, tham nhũng, lừa đảo, dối trá, và bắt nạt. Điều này, tôi nghĩ, qua việc thiếu vắng một sự tin tưởng chân thành vào những nguyên tắc đạo đức. Thế nên, ngay cả tôn giáo cũng bị sử dụng cho những mục tiêu sai quấy. Cho dù tôi có đề cập đến điều ấy hôm qua hay không, đôi khi tôi thật sự nghĩ rằng tôn giáo đã dạy chúng ta nguy hiểm. Chúng ta nói những lời như “từ ái” và “bi mẫn”, nhưng trong thực tế chúng ta không hành động như thế, và có rất nhiều thành kiến.

Tôn giáo nói về những thứ dễ thương này trong một cung cách truyền thống, chứ không phải trong cách thật sự nối kết với trái tim của chúng ta. Đây là do người ta thiếu những nguyên tắc đạo đức hay thiếu niềm tin về giá trị của những nguyên tắc đạo đức. Bất chấp một người là có tín ngưỡng hay không tín ngưỡng đi nữa thì chúng ta cũng cần suy nghĩ một cách nghiêm túc hơn vấn đề giáo dục con người về những nguyên tắc đạo đức này như thế nào. Và trên điều này, quý vị có thể thêm tôn giáo vào, và nó trở thành một tôn giáo chân thành thật sự. Tất cả những tôn giáo, như tôi đã đề cập hôm qua, đều nói về những giá trị này.

Phát Triển Hành Xả Vào Lãnh Vực Cá Nhân

Trong thế kỷ trước, trong khi người ta giết nhau, cả hai phía đều cầu nguyện Thượng Đế. Khó khăn thay! Ngay cả ngày nay đôi khi quý vị thấy những cuộc xung đột nhân danh tôn giáo, và tôi nghĩ cả hai phía đều cầu nguyện Thượng Đế. Tôi đôi khi đùa rằng, dường như Thượng Đế bị bối rối! Ngài quyết định như thế nào, với cả hai phía đều đang cầu nguyện đến ngài, tìm cầu sự gia hộ? Thật khó khăn. Một lần nọ ở Argentina trong một buổi thảo luận với những nhà khoa học và một số lãnh tụ tôn giáo, mặc dù đó không phải là một cuộc gặp gỡ liên tôn, nhưng tôi đã gặp một nhà vật lý học tên là Maturana. Ông là thầy giáo của Varela và tôi đã gặp ông trước đây ở Thụy Sĩ, và rồi ở Argentina, nhưng rồi không gặp nữa từ dạo đó. Trong bài nói chuyện, ông đề cập rằng như một nhà vật lý học, ông không nên dính mắc nhiều với lãnh vực khoa học của ông. Do vậy, đây là một sự thừa nhận tuyệt vời và thông tuệ mà tôi đã học được.

Tôi là một Phật tử, nhưng tôi không nên phát triển sự dính mắc đối với Đạo Phật bởi vì dính mắc là một cảm xúc tiêu cực. Khi chúng ta phát triển sự dính mắc, thì quan điểm của chúng ta trở nên thành kiến. Một khi tâm thức chúng ta trở thành thành kiến, thì chúng ta không thể thấy mọi thứ một cách khách quan.

Đó là tại sao đối với những người liên hệ



trong những xung đột nhân danh tôn giáo, trong hầu hết mọi trường hợp, tôi nghĩ nguyên nhân thật sự không phải là niềm tin tôn giáo, nhưng đúng hơn, đó là những quan tâm kinh tế và chính trị. Nhưng đối với một số trường hợp, chẳng hạn những người theo trào lưu tôn giáo chính thống, họ quá bị dính mắc với tôn giáo của họ và rồi thì do bởi điều đó, họ không thể thấy giá trị của những truyền thống tôn giáo khác.

Sự thừa nhận của Maturana đối với tôi là một lời ý tưởng lớn. Như một kết quả của cuộc gặp gỡ với nhiều người, tôi ngưỡng mộ nhiều truyền thống khác và dĩ nhiên tôi hy vọng là tôi không là một người bảo thủ hay cực đoan tôn giáo. Đôi khi tôi nhớ lại một lần tôi ở Lourdes, miền nam nước Pháp. Tôi là một khách hành hương, trước tượng của Chúa Giê-su, tôi lấy một ít nước. Tôi đã đứng trước tượng và quán chiếu trong tâm tôi, và đã nghe về hàng triệu người qua hàng thế kỷ đã viếng thăm nơi này, tìm kiếm sự bình an, với một số người bệnh tật, qua đức tin của họ và một loại phước lành nào đó đã được chữa trị. Thế đấy, tôi đã quán chiếu về những điều này và cảm nhận sâu sắc lòng từ ân với Kí Tô Giáo và gần như rơi nước mắt. Và rồi một lần khác, một điều lạ kỳ đã xảy ra ở Fatima, Bồ Đào Nha. Chung quanh là những người Thiên Chúa Giáo và Kí Tô Hữu, chúng tôi có một thời khắc ngắn trong thiên quán im lặng trước bức tượng nhỏ của Đức Mẹ Maria. Khi tôi và mọi người sắp rời đi, tôi quay lại và bức tượng thật sự mỉm cười với tôi. Tôi nhìn đi nhìn lại, và vắng, bức tượng mỉm cười. Tôi cảm thấy rằng Đức Mẹ Maria thế nào đấy đã cảm thông với cung cách không phân biệt tôn giáo của tôi! Tuy nhiên, nếu ở lâu hơn và thảo luận về triết lý với bà thì có thể nhiều vấn đề phức tạp hơn sẽ xảy ra!

Thế nào đi nữa, dính mắc ngay cả với tôn giáo của chính chúng ta cũng không tốt. Đôi khi tôn giáo tạo ra xung đột và chia rẽ và

đây thật sự là một vấn đề nghiêm trọng. Tôn giáo đáng lẽ là một phương pháp để tăng trưởng từ bi và tha thứ, vốn là những biện pháp để chữa trị sân hận và thù oán. Thế nên, nếu tự tôn giáo tạo thêm thù hận đối những niềm tin tôn giáo khác, điều nay giống như một loại thuốc đáng lẽ để trị bệnh, nhưng thay vì thế lại tạo thêm nhiều bệnh tật. Làm gì bây giờ? Tất cả những thứ đáng buồn này một cách căn bản là qua một sự thiếu vắng niềm tin trong những nguyên tắc đạo đức, cho nên tôi tin rằng chúng ta cần những sự thực tập và những nhân tố đa dạng để hiện thực một nỗ lực chân thành để thúc đẩy những đạo đức thế tục.

Chủ Nghĩa Thế Tục Và Việc Tôn Trọng Người Khác

Bây giờ trên vấn đề đạo đức thế tục. Tôi biết rất rõ cựu quyền Thủ Tướng Ấn Độ, Advani. Có một lần ông đã đề cập rằng đoàn truyền hình Canada phỏng vấn đã hỏi ông là trên căn bản nào mà việc thực tập dân chủ ở Ấn Độ thành công. Ông đã trả lời rằng trong hàng nghìn năm ở Ấn Độ, truyền thống đã luôn luôn tôn trọng người khác, mặc cho những cuộc tranh cãi hay những quan điểm khác nhau. Ông nói với tôi rằng khoảng ba nghìn năm trước, quan điểm của "triết lý hư vô", the Charvaka, đã phát triển ở Ấn Độ. Những thủ lĩnh của các quan điểm triết lý khác đã phê phán và lên án quan điểm của họ, nhưng thủ lĩnh của triết lý hư vô vẫn được gọi là "rishi", có nghĩa là hiền nhân. Đây là một biểu hiện cho thấy rằng mặc cho những bất đồng hay những cuộc thảo luận nóng bỏng, thì vẫn có sự tôn trọng. Nó có nghĩa là chúng ta cũng phải tôn trọng những người không tin ngưỡng.

Hôm qua tôi đã nói với một số người bạn của tôi, một số là người Ki tô và một số là người Hồi giáo có hơi bảo lưu về chính chữ "chủ nghĩa thế tục". Tôi nghĩ đó là vì trong cuộc cách mạng Pháp và cách mạng Xô Viết đã có một xu hướng chống lại tôn giáo. Nhưng tôi muốn làm rõ sự phân biệt giữa tôn giáo và thể chế tôn giáo, vốn là hai vấn đề khác nhau. Làm sao một người biết phải trái lại chống tôn giáo? Tôn giáo có nghĩa là từ ái và bi mẫn, và không ai có thể phê phán những thứ này. Tuy nhiên, thể chế tôn giáo là điều gì đó khác biệt. Trong thời kỳ cách mạng Pháp và Xô Viết, trong cả hai trường hợp, tầng lớp thống trị thật sự ngược đãi đám đông. Hơn thế nữa, tầng lớp thống trị được sự ủng hộ hoàn toàn của những thể chế tôn giáo, và thế cho nên một cách hợp lý, nhằm để phát triển sự quyết tâm chống lại tầng lớp thống trị thì nó cũng bao gồm cả việc chống lại những thể chế tôn giáo. Do vậy, có một loại xu hướng nào đó chống lại tôn giáo hay

Thượng Đế.

Ngay cả ngày nay, nếu có một loại lợi dụng nào đó đang xảy trong những thể chế tôn giáo kể cả trong cộng đồng Phật giáo Tây Tạng, thì chúng ta phải chống lại điều này. Sự thực tập của tôi là hai năm trước tôi đã chấm dứt truyền thống bốn trăm năm của thể chế Đạt Lai Lạt Ma tự động trở thành lãnh tụ thể quyền và giáo quyền của người Tây Tạng. Tôi đã chấm dứt nó, một cách tự nguyện, vui vẻ và tự hào. Những thứ như vậy thật sự làm tổn hại giá trị chân chính của tôn giáo, hay giáo pháp. Thế nên, chúng ta phải thực hiện một sự phân biệt giữa những thể chế hay tổ chức tôn giáo, với những sự thực hành và những thông điệp tôn giáo thật sự.

Theo quan niệm của Ấn Độ về chủ nghĩa thế tục, thì chẳng bao giờ có cảm nhận tiêu cực về tôn giáo, mà đúng hơn là sự tôn trọng tất cả các tôn giáo, cũng như sự tôn trọng cho những người không tin ngưỡng. Tôi nghĩ điều này rất thông tuệ. Chúng ta thúc đẩy điều này như thế nào? Qua thuyết giảng? Không. Thế thì qua một sự cầu nguyện nào đó? Không. Nhưng qua giáo dục, vâng. Chúng ta tiếp nhận sự giáo dục về vệ sinh thân thể. Vậy thì tại sao chúng ta không giáo dục về vệ sinh cảm giác hay tinh thần, những kiến thức cơ bản về vấn đề chăm sóc một tâm hồn khoẻ mạnh như thế nào? Không cần nói về Thượng Đế hay kiếp sống tới, hay Đức Phật hay niết bàn, nhưng chỉ đơn giản về vấn đề phát triển thành một con người hạnh phúc với một tâm thức. Một con người hạnh phúc làm nên một gia đình hạnh phúc, vốn làm nên một cộng đồng hạnh phúc. Do vậy, tôi nghĩ chúng ta cần một số bài học về vệ sinh cảm giác.

Vệ sinh cảm xúc

Vệ sinh cảm xúc là gì? Nó có nghĩa là chăm sóc những nhân tố vốn tàn phá tâm thức tinh lặng của chúng ta, hay sự hòa bình của tâm hồn. Những nhân tố này như những bệnh tật tinh thần, do bởi những cảm xúc tiêu cực này không chỉ tàn phá niềm hòa bình của chúng ta, tâm thức lành mạnh của chúng ta, mà chúng cũng tàn phá năng lực tinh thần của chúng ta để phán xét thực tại. Điều này tạo ra rất nhiều tổn hại vì khi chúng ta đầy dẫy sân hận, thì chúng ta không thể thấy thực tại và tâm tư chúng ta trở nên thành kiến. Cũng thế với dính mắc, chúng ta không thể thấy thực tại một cách đúng đắn. Đây là một loại bệnh của tâm thức. Bản chất tâm thức của chúng ta tinh giác và vì thế bất cứ một loại nhân tố tinh thần nào làm giảm thiểu năng lực tinh giác này là một thứ tiêu cực.

Vệ sinh cảm xúc do vậy là việc làm giảm thiểu những loại cảm xúc này và việc nuôi

dưỡng năng lực tinh thần của ta cho trong sáng và tĩnh lặng, đây là một tâm thức lành mạnh. Nhằm để làm việc này, trước nhất chúng ta phải trau dồi và phát triển sự thích thú để làm việc này. Không có sự thích thú, chúng ta không thể bắt người khác thực thi như vậy được. Không có luật lệ hay thể chế bắt người ta phải làm như vậy. Cho nên việc này phải hình thành qua lòng nhiệt tình cá nhân, vốn hiện thực khi chúng ta thấy giá trị trong việc làm như vậy. Và những giá trị này là những thứ mà chúng ta phải giảng dạy.

Những Khám Phá Của Khoa Học Về Tâm Thức Và Cảm Xúc

Bây giờ chúng ta có thể tham khảo với khoa học. Trước đây, khoa học hiện đại tập trung trên vật chất, nơi mà chúng ta có thể đo lường. Tôi nghĩ là ở cuối thế kỷ 20 và bây giờ, bắt đầu thế kỷ 21, ngày càng nhiều các nhà khoa học đang thật sự cho thấy một sự thích thú trong tâm thức và những cảm xúc của nó, bởi vì có một sự nối kết gần gũi giữa tâm thức và cảm xúc của nó khi nói đến sức khỏe. Một số nhà khoa học đang nói "tâm thức khỏe mạnh, thân thể khỏe mạnh". Những nhà y khoa cũng nói rằng sự sợ hãi, sân hận và thù oán liên tục thật sự tàn phá hệ thống miễn nhiễm của chúng ta, trong khi một tâm thức tử bi yêu thương duy trì một cách căn bản và thậm chí có thể gia tăng sức khỏe thân thể. Rõ ràng chúng ta biết rằng đối với những người có hạnh phúc tinh thần, những tác động tích cực cho thân thể của họ là rất lớn.

Việc Nhận Ra Những Hoàn Cảnh Tích Cực Và Tiêu Cực

Trong đời của tôi, vào lúc 16 tuổi, tôi đã tiếp nhận nhiều trách nhiệm, và hoàn cảnh trở nên rất khó khăn. Rồi thì vào lúc 24 tuổi, tôi đánh mất quê hương và bây giờ sống hầu hết cuộc đời tôi như một người tị nạn. Trong khi đó, có rất nhiều khổ đau và rắc rối bên trong Tây Tạng, và dân tộc đặt nhiều hy vọng và niềm tin ở tôi. Nhưng tôi thì bất lực. Tuy nhiên, niềm hòa bình của tâm thức đã cho phép tôi thấy tất cả việc này một cách thực tế hơn. Như ngài Tịch Thiên đã nói, nếu những khó khăn có thể giải quyết thì không cần phải lo lắng. Và nếu có một hoàn cảnh khó khăn mà không có khả năng để vượt qua, thế thì lo lắng nhiều cũng vô ích. Điều này rất thực tế, cho nên tôi thực tập những thứ này.

Thật rất quan trọng để nhìn vào mọi việc trong một cách thực tế hơn và cũng để thấy tất cả mọi thứ là liên hệ với nhau. Bất cứ điều gì xảy ra, thì phải có một ảnh hưởng tích cực nào đó. Trong trường hợp của tôi, tôi đã trở thành một người tị nạn, nhưng do bởi

điều này tôi đã có cơ hội để gặp gỡ nhiều người và học hỏi rất nhiều quan điểm. Tôi đã gặp những người hành khất, lãnh tụ, học giả từ những lãnh vực khác nhau, và những người chống đối tôn giáo. Điều này rất hữu ích, bởi vì nếu vẫn ở bên trong Tây Tạng, tôi nghĩ kiến thức của tôi chỉ bằng phân nửa so với bây giờ. Do thế, nói một cách, thì đó là một thảm kịch kinh khủng, nhưng nhìn vào cách khác nó đã cho tôi nhiều cơ hội tốt. Nếu chúng ta nhìn vào những khía cạnh đa dạng, rồi thì chúng ta thấy, à cũng tốt. Những điều xấu xí có thể xảy ra, nhưng có thể có những thứ tốt đẹp nào đó ở bên trong.

Dân tộc Tây Tạng trong quá khứ hơi cô lập, nhưng bây giờ sự suy nghĩ của họ đã rộng rãi hơn nhiều. Qua hàng thế kỷ, người Tây Tạng đã sống trong trạng thái như ngủ, nhưng bây giờ họ đã thức dậy. Như vậy là tốt quá! Thế nên thấy đây, nếu chúng ta nhìn từ những khía cạnh khác nhau, chúng ta có thể tìm thấy một số điều tích cực. Đây là một sự hỗ trợ lớn lao trong việc duy trì sự an bình của tâm hồn. Hiện tại, nhiều người bạn già đã nổi khuôn mặt của tôi vẫn trông trẻ như thế nào ấy khi tôi gặp họ, và vì thế một số người này đã hỏi bí mật của tôi. Tôi thường nói với họ rằng tám hay chín giờ ngủ giúp cho sự an bình của tâm hồn. Thật sự đây chắc chắn là một nhân tố, nhưng điều lợi lạc chân thật là những thể trạng tâm thức và tinh thần thế nào ấy hòa bình và tĩnh lặng.

Một tâm thức tĩnh lặng thậm chí giúp chúng ta hồi phục từ những việc như giải phẫu. Khi tôi phải giải phẫu túi mật, thật sự rất nghiêm trọng. Những nhà giải phẫu sau đó nói với tôi rằng thông thường cuộc giải phẫu mất khoảng mười lăm đến hai mươi phút, nhưng trong trường hợp của tôi rất nghiêm trọng nên họ phải mất đến gần ba giờ, vì túi mật của tôi phình to đến gần gấp đôi, với nhiều máu. Nhưng rồi thì tôi đã bình phục sau năm ngày như thế. Do vậy một tâm thức tĩnh lặng và một thái độ lạc quan thật sự hỗ trợ cho việc duy trì một thân thể khỏe mạnh, và rồi nếu điều gì đấy không may xảy ra thì quý vị sẽ bình phục một cách mau chóng. Sự hòa bình của tâm thức thật sự là một nhân tố rất quan trọng của sức khỏe.

Vẻ Đẹp Bên Trong Chống Lại Vẻ Đẹp Bên Ngoài

Tôi cũng sẽ đề cập ở đây, phần thì đùa và phần thì trêu chọc, rằng một số người thích tiêu xài nhiều tiền vào son phấn. Một số người lại muốn sử dụng những màu sắc khác nhau trên khuôn mặt của họ - xanh dương, xanh lục và những màu khác. Nó trông không đẹp lắm, nhưng họ nghĩ là rất đẹp! Người ta dường như chú ý nhiều vào vẻ đẹp bên ngoài. Trong một lần nói chuyện công

công, có một người tóc xanh dương, thật rất bất thường. Cho nên dĩ nhiên vẻ đẹp bên ngoài là quan trọng, nhưng điều quan trọng nhất là vẻ đẹp bên trong. Những người ấy tiêu rất nhiều tiền cho vẻ đẹp bên ngoài, nhưng xin hãy chú ý hơn với sự xinh đẹp bên trong, vốn là tốt đẹp hơn nhiều.

Tâm Thức Và Những Cảm Xúc Như Một Chủ Đề Học Thuật

Chúng ta đang nói về những khám phá khoa học. Sự hòa bình tinh thần thật sự của tâm thức là then chốt. Căn bản cho sự hòa bình của tâm thức là sự tự tin và sức mạnh nội tại, vốn đến từ sự thực tập từ ái và bi mẫn, với một ý nghĩa tôn trọng người khác và quan tâm cho sự cát tường của họ. Đây là đạo đức thể tục.

Từ nhà trẻ cho đến đại học, chúng ta có thể giáo dục về tâm thức và về vấn đề chăm sóc những cảm xúc của chúng ta như thế nào. Chủ đề thật là rộng lớn, và có nhiều giải thích về tâm thức và những cảm xúc của chúng ta cùng sự nối kết giữa chúng. Chúng ta có thể thấy một loại nguyên nhân và hệ quả, nơi mà nếu điều gì đó xảy ra ở phần này của tâm thức, thì sẽ có điều gì đấy xảy ra ở đâu đấy. Cho nên để đối phó với điều này, chúng ta cần một cung cách quan tâm

ng nghiêm túc mà trong ấy tâm thức và toàn thể não bộ là liên kết với nhau.

Chủ đề rộng lớn này thật đáng giá để nghiên cứu học tập. Trong vài năm qua ở Hoa Kỳ, các nhà khoa học đã và đang thực hiện những thí nghiệm về căn bản của kiến thức này, và một số kết quả thật cụ thể đã hiện diện. Như một kết quả, bây giờ đã có những chương trình giáo dục về đạo đức thể tục. Giờ đây, chúng ta cũng cam kết để xây dựng một dự thảo chương trình quan tâm đến đạo đức phẩm hạnh căn cứ trên chủ nghĩa thể tục, vốn có thể thích hợp trong lĩnh vực giáo dục thể tục.

Thính chúng, và đặc biệt có những nhà giáo dục và tư tưởng nào ở đây, nên suy nghĩ hơn về điều này và nếu có một cơ hội nào thuận tiện, chúng ta nên có những thảo luận nào đó về chủ đề này. Hệ thống giáo dục hiện tại dường như thiếu vắng những bài học về đạo đức phẩm cách, cho nên hầu hết mọi người đều phải dựa vào những giáo lý tôn giáo cho việc này. Dĩ nhiên điều này là tốt, nhưng có những người không thích thú với tôn giáo và thấy khó khăn để chấp nhận những khái niệm tôn giáo. Điều này làm nó khó khăn hơn. Do vậy, chúng ta cần một cung cách thể tục, để cho có một sự chấp nhận phổ quát.



MÙA LŨ



*Tháng mười lạt tràn đông
Biết đường nào mệnh mông
Tai ương và khổ nạn
Đâu chỉ mỗi nhà nông*

*Cả phố phường thị trấn
Mái nhà cách vài phân
Người chết gia tài mất
Cơn lũ dữ trào dâng*

*Xưa mỗi năm một lần
Giờ năm vài ba bận
Thủy lợi và thủy điện
Xả lũ bắt cần dân*

*Mùa khô thì tích trữ
Nước thiếu điều ngắt ngư
Đến khi trời mưa lũ
Xả nước, sợ đập hư*

*Biệt phủ toàn gổ quý
Tiền, vàng chẳng thiếu chi
Rừng núi rung nước mắt
Dân vật vờ cu li*

*Bị đê đầu cời cỏ
Đời khôn khó trăm bề
Quan nhếch mép cười chê
Ký sinh trùng, hãy nhớ!*

thơ

TIỂU LỤC THẬN PHONG

Mùa lũ, 2020

Tôi xin tạm chấm dứt. Bây giờ xin đặt câu hỏi.

HỎI & ĐÁP

HỎI: *Thưa Đức Thánh Thiện, trong bình luận sau cùng của ngài đã chạm đến câu hỏi mà tôi sắp hỏi, nhưng nhằm để có một câu trả lời trọn vẹn, tôi sẽ hỏi ngài một lần nữa nếu ngài không phiền. Với việc quan tâm đến sự giảng dạy đạo đức thế tục tại các trường học và đại học, thì ngài có đang hành động để phát triển một chương trình giáo huấn thích hợp với mọi người không? Nếu thế, ngài có bất cứ tổ chức giáo dục hay tài chính nào hỗ trợ cho ngài không?*

ĐÁP: Ở Ấn Độ, với sự hỗ trợ của một vài trường đại học ở Delhi, chúng tôi đã bắt đầu làm việc để hình thành một chương trình phác thảo, như tôi đã đề cập ở phía trước. Rồi thì chúng tôi cũng có Viện Tâm Thức và Đời Sống. Ở Hoa Kỳ, những thành viên cá nhân trong lãnh vực của riêng họ ở những nơi như Đại học Wisconsin, Emory, Stanford và v.v... đã tiến hành việc giáo dục với đạo đức thế tục. Và những tổ chức này chúng tôi đã mở rộng sang Âu châu. Sắp tới chúng tôi sẽ thiết lập một trụ sở ở trong hay gần Delhi. Đến bây giờ đơn giản là chúng tôi đang làm việc này. Một khi chương trình đã sẵn sàng, rồi thì có lẽ chúng tôi có thể huấn luyện một số giáo viên, và điều gì đó sẽ xảy ra. Có thể nó hữu dụng và chúng ta sẽ thấy.

HỎI: *Thưa Đức Thánh Thiện, tôi yêu hành tinh và mọi thứ tạo nên nó, trái đất, cây cỏ, và loài vật, và những con người hấp dẫn như chúng ta. Nhưng những con người này vẫn đang phá hoại hành tinh, với có lẽ nhiều thứ rất nhỏ và đơn giản như mua những chai nhựa, và rồi thì những thứ lớn và quan trọng hơn như tàn phá rừng. Tôi biết rằng tôi phải nhẫn nại hơn nhưng khi tôi thấy rằng sự sống đang chết và đau khổ, có rất nhiều sân hận từ trong lòng tôi và tôi muốn đấu tranh. Do vậy, câu hỏi của tôi là, có một loại sân hận lành mạnh chứ? Tôi có thể đấu tranh với sự yêu thương không?*

ĐÁP: Sân hận như tôi đề cập trước đây, là liên hệ với động cơ. Do thế, sân hận vì quan tâm đến điều gì đó hay người khác là một thứ, và sân hận bị thúc đẩy bởi thù ghét là điều gì đấy rất khác biệt.

HỎI: *Thưa Đức Thánh Thiện, cảm ơn ngài đã hiện diện ở đây. Thật là tuyệt vời để được thấy ngài và lắng nghe ngài. Tôi có một câu hỏi rất đơn giản. Nếu ngài có thời gian rồi rảnh ngày mai, ngài muốn làm gì? Cảm ơn.*

ĐÁP: Thường thường, bất khi nào có thời gian thì tôi đọc kinh điển, chính yếu là kinh điển Tây Tạng. Trong Phật giáo Tây Tạng, chúng tôi có 300 bộ, 100 bộ là lời của

chính Đức Phật, gần giống như Thánh kinh. Rồi thì chúng tôi có 200 bộ luận giải. Thế nên tôi thường nói với người Tây Tạng rằng những thứ này không phải là đối tượng để tôn thờ, nhưng là những tài liệu để học hỏi. Trong khi tôi nói với những người khác điều này, thì tự chính tôi cũng đang cố gắng để đọc những quyển sách này. Vậy thì có rất nhiều sách chưa được học hỏi. Và có lẽ nếu tôi có hai ngày nghỉ ngơi, thế thì tôi muốn đi đến một nơi với những ngọn núi tuyết. Tôi muốn thấy tuyết hơn!

HỎI: *Thưa Đức Thánh Thiện, ngài đang nói về 6 tỉ người có tín ngưỡng và có lẽ một tỉ người là vô thần trên hành tinh. Tôi có ấn tượng rằng có một nhóm thứ ba của những người không còn cảm thấy thoải mái với những tổ chức tôn giáo truyền thống nhưng cũng không là những người vô thần, và đang tìm kiếm tâm linh vượt ngoài hệ thống tôn giáo. Ngài sẽ khuyến bảo họ như thế nào?*

ĐÁP: Nhiều năm trước đây ở Stockholm, tôi đã gặp một nhóm nhỏ. Họ không thích những truyền thống hay tôn giáo hiện tại nhưng vẫn đang tìm kiếm một loại tâm linh. Vâng, có những người như vậy. Tuy nhiên, tôi thấy rằng những gì quý vị gọi là "tân thời đại (new age)", hay lấy nơi này một ít, nơi kia một ít và tạo nên một phối hợp mới, thì không hữu dụng lắm!

Tôi nghĩ thật là tốt khi không chỉ hài lòng với những nhu cầu vật chất, mà cố gắng và tìm kiếm những giá trị sâu xa hơn là rất tốt. Thật đáng giá để phân tích đời sống của chúng ta, và để thấy rằng sự hạnh phúc của chúng ta không đến từ một loại hài lòng cảm giác nào đấy. Như khi nhạc đang biểu diễn, chúng ta cảm thấy hài lòng, nhưng nếu nó ngừng lại thì sự hài lòng chấm dứt. Ở trình độ tinh thần, để có một cảm giác mệnh mạng của niềm tin hay từ bi yêu thương – sự toại nguyện đến từ điều này thì bền lâu hơn nhiều.

HỎI: *Đối với ngài, điều quan trọng nhất trong đời sống của một con người là gì?*

ĐÁP: Tôi luôn luôn nói với mọi người rằng mục tiêu cuộc sống của chúng ta là để có một đời sống hạnh phúc. Bây giờ nhằm để đạt được sự hạnh phúc hay sung sướng, thì nó không lệ thuộc vào những năng lực hay kinh nghiệm cảm quan, mà đúng hơn là nên lệ thuộc vào thể trạng tinh thần của chúng ta. Do vậy, như tôi thường nói, chúng ta phải chú ý nhiều hơn vào những giá trị nội tại của chúng ta. Cảm ơn rất nhiều

*Fribourg, Switzerland, April 2013 Slightly
edited by Alexander Berzin*

<https://studybuddhism.com/en/buddhism-in-daily-life/universal-values/ethics-beyond-religion>

LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐOẠN TRỪ CÁC LẬU HOẶC?

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

DẪN NHẬP

Đã sanh làm kiếp con người, có ai mà không khổ? Cái khổ nó theo mình từ nhỏ đến khi khôn lớn, và sẽ khổ hoài cho tới khi trút hơi thở cuối cùng. Nhưng chết rồi cũng chưa hết khổ. Vì tâm thức của bạn người sẽ bị nghiệp lực dẫn đi tái sanh. Nếu đời sống hiện tại, con người biết tu hành, làm việc thiện lành tránh việc hung ác, thường tạo nhiều phước báo, thì khi chết được tái sanh làm người. Ngược lại sống ở đời với tâm địa ác độc, xấu xa, luôn gây phiền não khổ đau cho người khác, thì sau khi chết bị đọa vào một trong ba đường khổ: súc sanh, ngạ quỷ hay địa ngục. Và cứ thế hết đời này qua đời khác, chúng sanh cứ như vậy chịu trôi lăn, lặn ngụp, đắm chìm trong bể khổ đường mê, không bao giờ thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử.

Mô tả về nỗi khổ của con người, Đức Phật giảng rất rõ trong bài kinh Tứ Diệu Đế. Con người khổ là do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính là do tham dục, khát ái về các món: tài, sắc, danh, thực, thùỵ... nhằm phục vụ thỏa mãn sáu giác quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Vì lòng tham lam khao khát không bờ bến, nên nó luôn thúc đẩy con người có những hành động bất kể tốt hay xấu, ngay cả việc hại người cũng không từ nan, miễn sao đạt mục đích thì thôi. Chính lòng tham vô đáy đó, khiến con người lúc nào cũng dẫn vật lo âu phiền não cho dù thành công hay thất bại.

Sau khi chứng ngộ Tam Minh đặng quả vị A-La-Hán Vô Thượng Chánh Giác, hoàn thành con đường giải thoát. Đức Phật đã xác

định con người bị luân hồi sanh tử là do lậu hoặc. Chấm dứt lậu hoặc là chấm dứt luân hồi sanh tử. Như vậy bậc A-La-Hán là những bậc không còn luân hồi sanh tử nữa. Nghĩa là đã đoạn trừ mọi lậu hoặc. Chúng ta là người phàm phu đang gánh chịu nhiều phiền não khổ đau. Nay đi tìm chân lý giải thoát, cần phải hiểu rõ lậu hoặc là cái gì? Và làm thế nào để đoạn trừ các lậu hoặc đó?



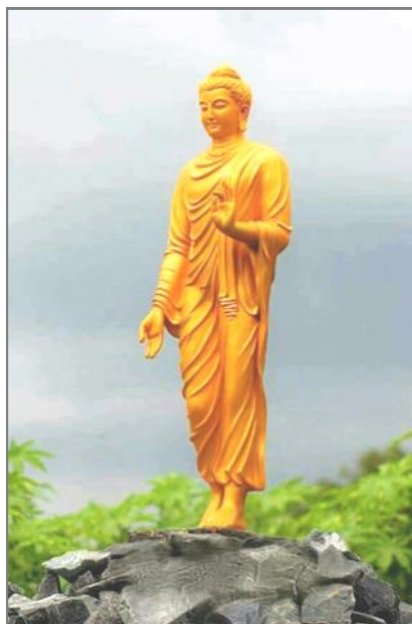
LẬU HOẶC LÀ GÌ?

"Lậu hoặc" dịch theo âm tiếng Hán. Chữ gốc là "Āsava" (Pāli) hay "Āsrava" (Sanskrit). Lậu có nghĩa đen là chất mù rỉ chảy từ thân cây. Hoặc có nghĩa là dơ bẩn, ô uế hay là mê mờ, mê lẫn.

Trong giáo pháp nhà Phật, hai từ "lậu hoặc" nhằm ám chỉ những chất dơ bẩn, như là những dòng máu mù hôi tanh dơ dáy, không ngừng rỉ chảy làm ô nhiễm tâm trí chúng sanh. Chất dơ bẩn đó là những đam mê ghiền nghiện không thể từ bỏ được, nó huân tập từ nhiều đời và tiếp tục tạo thêm ở đời này. Lậu hoặc chính là những tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, bao gồm thành kiến, thiên kiến, định kiến, là lòng ích kỷ, là những ý nghĩ ác độc hại người, lợi mình... Nó chính là nguyên nhân khiến chúng sanh bị trầm luân trong biển khổ và luân hồi sinh tử triền miên trong các cõi: Trời, Người, Asura, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục. Lậu hoặc chia làm bốn loại, đó là: Dục lậu, Hữu lậu, Kiến lậu và Vô minh lậu.

1. Dục lậu (Kāmasava): Từ Kāma có nghĩa là cõi dục, là thế giới vật chất, nơi chúng sanh đang tạm dung thân. Vì sống

trong cõi dục nên chúng sanh ham muốn những đối tượng bên ngoài do giác quan tiếp xúc. Nếu Dục đi kèm với lậu thì cái tham muốn này mang tính chất xấu xa, đồi bại, hư hỏng, dơ bẩn, lấm lạc. Dục lậu như là chất keo có năng lực lôi cuốn làm say đắm tất cả chúng sanh. Nó khiến con người bám chặt vào tiền tài, vật chất, nhà cửa, xe cộ, vàng bạc, nữ trang, bám chặt vào nhan sắc nhục dục, nó khiến chúng sanh ham thích chạy theo danh vọng, ham muốn được nổi tiếng, tham ăn tham ngủ v.v... Dục lậu chi phối cuộc sống của con người, nó lôi kéo chúng sanh vào con đường đam mê không lối thoát. Tóm lại, dục lậu là tất cả những ham muốn đắm say của cái vật chất, những thù hận hay thú vui đam mê tình ái, sắc dục ngũ trần....



2. Hữu lậu (Bhavāsava): Chỉ cho sự tham ái, dính mắc, chấp thủ thân này có thật, mong muốn luôn có mặt trong đời này để hưởng thụ, cũng như mong ước được tái sanh lên các cõi Trời của các vị Phạm thiên (Brahma) có sắc hình vi tế và Phạm thiên vô sắc. Trong ý nghĩa này chúng ta có thể hiểu Hữu lậu có ba dục là: Dục hữu, Sắc hữu và Vô sắc hữu. Dục hữu hay Dục cầu, tương tự như Dục lậu. Còn Sắc hữu và Vô sắc hữu, là muốn nói đến sự ham mê, mong muốn được chứng đắc các tầng thiên để thọ hưởng thiên lạc như hỷ, lạc, xả ...

3. Kiến lậu (Ditthāsava): Là cái nhìn thấy biết sai lệch, những tư tưởng, những triết lý, quan niệm sai lạc mà cho là đúng. Chấp thủ vào những điều sai lạc đó, đưa đến sự đối kháng, tranh chấp để bảo vệ quan điểm của riêng mình. Đó là Kiến lậu. Kiến lậu là những phiền não thuộc về sở tri, về kiến thức, về quan niệm. Trên mặt chính trị, đảng phái, tôn giáo, hội đoàn, Kiến lậu là sự cố chấp, xuân động, dễ đưa đến hỗn loạn, chiến tranh, hận thù... làm tổn thương đến giá trị tinh thần, lòng nhân ái, làm mất đi công bằng và lẽ phải giữa con người với con người. Nếu Dục lậu, Hữu lậu gây phiền não tâm, thì Kiến lậu gây phiền não trí.

4. Vô minh lậu (Avijjāsava): Là trạng thái bất tri, tức trạng thái vô minh không hiểu biết cuộc sống của con người liên quan đến Tứ Diệu Đế, Ngũ Uẩn, Thập Nhị Nhân Duyên... Nghĩa là không biết gì về khổ, về nguyên nhân gây ra khổ, sự chấm dứt khổ và con đường chấm dứt khổ. Nói cách khác là

không biết gì về tiến trình sinh diệt của ngũ uẩn, của mười hai nhân duyên khởi. Không hiểu nên không nhận ra "Cái Ta" hay "Cái Ngã" chỉ là "Ngã giả" không thực chất tính, không thực thể, nên nó Vô thường, Vô ngã, trống rỗng là tánh Không... nên cứ bám chặt vào quan điểm sai lầm, cho rằng ngũ uẩn này chính là mình, "là Ta, của Ta, Tự ngã của Ta".

Tóm lại, Vô minh là trạng thái tâm không sáng suốt, không tỉnh thức, không tỉnh giác, thiếu hiểu biết. Vì Vô minh che mờ khiến người ta có những hành động lấm lạc, gieo trồng các vọng nghiệp, gọi chung là lậu hoặc, khiến con người phải chịu trôi lăn trong vòng sanh tử.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐOẠN TRỪ CÁC LẬU HOẶC?

Nhằm giải quyết bài toán "làm thế nào để đoạn trừ các lậu hoặc?", Đức Phật đã đưa ra nhiều phương cách tu tập như: Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Thần Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo... Hành giả thích hợp với pháp môn nào thì hành trì pháp môn đó!

Đặc biệt, bài "Kinh Tất Cả Các Lậu Hoặc" (Sabbāsava Sutta) nằm trong Trung Bộ Kinh (Majjhima Nikāya) do Cổ Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch sang Việt Ngữ, Đức Phật đã đưa ra một số phương pháp diệt trừ lậu hoặc. Bài pháp này Đức Thế Tôn đã giảng tại thành Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp-Cô-Độc) cho các vị tỳ-kheo.

Ngài dạy rằng: "Này các tỳ-kheo, do "không như lý tác ý" các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng. Này các tỳ-kheo, do "như lý tác ý" các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt. Này các tỳ-kheo, có những lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ".

KHAI TRIỂN BÀY PHÁP DIỆT TRỪ LẬU HOẶC

Tâm phàm phu là tâm chất chứa những

chất ô nhiễm bị Phật ví như “hồ nước đục” vì tâm trí lúc nào cũng tối tăm mờ mịt với những ý nghĩ, đưa tới hành động, lời nói tạo nghiệp xấu xa, trong đạo Phật gọi là Ý nghiệp, Thân nghiệp và Khẩu nghiệp. Ba nghiệp này bị lậu hoặc chi phối, thúc đẩy, khiến những ý nghĩ, lời nói và hành động điên đảo tạo làm phiền não cho chính mình và những người xung quanh. Muốn trong sạch hóa tâm phàm phu, muốn thanh tịnh ba nghiệp, muốn ra khỏi vòng kiềm tỏa của khổ đau, của luân hồi sanh tử, hành giả phải tu tập để đạt được trạng thái tâm Vô lậu.

Tâm Vô lậu là tâm hoàn toàn trong sạch, không còn lậu hoặc, tập khí. Đó là tâm sáng suốt thấy biết như thật các pháp, không còn phân biệt nhị nguyên, nghĩa là không vướng bận với chuyện quá khứ, cũng không suy luận suy đoán gì ở tương lai. “*Kinh Tất Cả Các Lậu Hoặc*” dạy muốn đạt được tâm Vô lậu, hành giả có bảy cách tu theo pháp môn “*Như Lý Tác Ý*”. Chúng ta thử tìm hiểu ý nghĩa của các pháp đó như thế nào.

- “**Như lý tác ý**” là khởi ý, tác ý suy nghĩ những việc thiện lành đạo đức thích hợp với lời dạy của Đức Phật. “**Phi như lý tác ý**” là khởi ý chấp nhận những ý tưởng có hại cho mình và cho người, những ý tưởng làm cản trở việc hành trì các pháp tu trên con đường giải thoát. Thí dụ như năm triền cái: tham, sân, hôn trầm, trạo hối và nghi là năm chướng ngại trong việc hành thiền khiến trí huệ tâm linh không có cơ hội phát sáng.

1. Lậu hoặc được đoạn trừ do “Tri kiến”: Pháp này, hành giả phải xử dụng “*tri kiến*” để diệt trừ lậu hoặc. Tri kiến là sự hiểu biết của ý thức. Nhờ có sự hiểu biết của ý thức, hành giả mới áp dụng được pháp “*Như Lý Tác Ý*” mà không áp dụng pháp “*Phi Như Lý Tác Ý*” để đoạn trừ lậu hoặc. Tri kiến có hai mặt: Chánh tri kiến và Tà tri kiến.

1-1: Tà tri kiến: Là tri kiến ác, là những hiểu biết sai lầm, không đúng với chánh pháp, đi ngược với đạo đức làm người, gây buồn khổ cho mình và đau khổ cho người.

2-1: Chánh tri kiến: Đây là tri kiến thiện lành, cũng là chi thứ nhất trong Bát Chánh Đạo. Muốn có Chánh tri kiến, hành giả phải gần gũi với các bậc Thánh, các bậc Chân Nhân để được thấy, nghe, học hỏi, tu tập thuần thực pháp của các bậc này. “*Kinh Tất Cả Các Lậu Hoặc*” dạy rằng: “... *Này các tỳ-kheo, ở đây có kẻ phàm phu ít nghe, không được thấy các bậc Thánh, không được thấy các bậc Chơn Nhơn, không thuần pháp các bậc Chơn Nhơn, không tu tập pháp các bậc Chơn Nhơn, không tuệ tri các pháp cần phải tác ý, không tuệ tri các pháp không cần phải tác ý...*” Có học hỏi pháp từ các bậc Thánh, bậc Chơn Nhơn, hành giả mới tuệ tri được

pháp nào cần tác ý thì tác ý, để dứt lậu chưa sanh không sanh khởi hay dứt lậu đã sanh được đoạn trừ; và pháp nào không cần tác ý thì không nên tác ý.

- **Các pháp cần tác ý là:** Đoạn tham, đoạn sân, đoạn si, nghĩa là tu tập từ bỏ, đoạn diệt tâm tham, sân, si. Tác ý liả bỏ, đoạn diệt tham, sân, si là “*Như Lý Tác Ý*”. Người có tri kiến thiện là người chọn pháp tu đúng với Phật pháp, thuận với đạo đức, là người có Chánh tri kiến.

- **Các pháp không cần tác ý là:** Chấp thân ngũ uẩn có thật, dính mắc với tham, sân, si, mạn, nghi, tài, sắc, danh, thực, thù. Người luôn tác ý sống với những tướng trạng này là đang xử dụng pháp “*Phi Như Lý Tác Ý*” khiến lậu hoặc chưa sanh sẽ sanh khởi, và lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng. Đây là hạng người nuôi dưỡng trong tâm Tà kiến.

Nhờ có tri kiến, mà hành giả biết chọn lựa pháp nào là pháp “*Như Lý Tác Ý*”, và “*Phi Như Lý Tác Ý*” để đoạn trừ lậu hoặc.

2. Lậu hoặc được đoạn trừ do “Phòng hộ”: Pháp thứ hai, Phật dạy là “*pháp Phòng Hộ*”. Để tâm không bị dính mắc sinh khởi lậu hoặc vì tham đắm với sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Hành giả phải phòng hộ sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Phòng hộ bằng cách nào? Trong cuộc sống hằng ngày khi giác quan tiếp xúc với ngoại cảnh, hành giả cần có sự cảnh giác, giữ chánh niệm nội tâm, an trú với chánh kiến, nghĩa là không để tâm chạy theo trần cảnh rồi phân biệt, khen chê, thương ghét.

Áp dụng “*pháp như lý tác ý*” nhận ra sự thật về bốn chân lý: “*Đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là con đường đưa đến khổ diệt*”. Nhờ tác ý như thế diệt trừ được ba kiết sử: thân kiến, nghi ngờ (Phật Pháp Tăng) và giới cấm thủ. Ngoài ra, hành giả không nên “*phi như lý tác ý*” những pháp không cần tác ý, vì nó sẽ khiến các lậu hoặc chưa sanh sẽ sanh khởi và các lậu hoặc đã sanh sẽ gia tăng.

Đây là công phu giữ gìn phòng hộ thuộc giới học. Học rồi phải thực hành. Sự phòng hộ các căn, giúp chế ngự được các tâm lý gây nên tàn hại, nhiệt não gọi là “*phòng hộ đoạn trừ*”. Tiến xa hơn, hành giả tu tập bằng cách đi vào công phu thiền Huệ hay thiền Định.

- **Thiền Huệ:** Thực tập pháp Như Thật (Yathabhūta). Khi giác quan (sáu căn) tiếp xúc với đối tượng (sáu trần). Đối tượng như thế nào, thấy biết như thế ấy, giữ tâm yên lặng (không nói thầm trong não), nghĩa là không để ý thức chen vào phê phán, khen chê. Pháp này giúp hành giả làm chủ được sự suy nghĩ của mình. Tu tập thuần thực hành giả sẽ đạt được “*Như Thật Tri Kiến*”.

- **Thiền Định:** Thực tập pháp Thở

(Ānapānasati) hay pháp Không Nói (không nói thầm trong não). Thực tập an trú trong các Tánh. Khi Tánh Giác có mặt, thì Vọng tâm vắng mặt. Vọng tâm là tâm bị chi phối bởi lậu hoặc. Khi vọng tâm vắng mặt thì lậu hoặc cũng vắng mặt.

3. Lậu hoặc được đoạn trừ do “Thọ dụng”: Thọ dụng là sử dụng các phương tiện sống để hỗ trợ công phu tu tập giải thoát, thực hành phạm hạnh. Những thứ mà hành giả cần thọ dụng trong đời sống hằng ngày là: y phục, thức ăn, thuốc men, sàng tọa chỗ ở. Xem những thứ này chỉ là phương tiện giúp ngăn ngừa nóng, lạnh, tránh bị ruồi, muỗi hay các loài bò sát xúc chạm. Sử dụng quần áo chỉ nhằm mục đích che đậy sự trần truồng, chứ không phải để làm đẹp. Ăn uống chỉ nhằm nuôi thân khỏe để có sức mà tu. Tóm lại thọ dụng vừa đủ chứ không hưởng thụ, giải trí hay thỏa mãn sự đòi hỏi thích thú của bản ngã.

Nếu không thọ dụng như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu thọ dụng như lời Phật dạy thì các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy sẽ không còn nữa. Cách thọ dụng như vậy đoạn trừ được các lậu hoặc.

4. Lậu hoặc được đoạn trừ do “Kham nhẫn” : Con người sống trong cộng đồng xã hội, thường phải đương đầu với nhiều tranh chấp bất công. Đôi khi phải đối mặt với những hiểu lầm, vu khống, mạ lỵ. Nếu không tập tánh kham nhẫn chịu đựng thì chỉ chuốc lấy những phiền não khổ đau. Là người tu giải thoát, hành giả lại cần phải tu hạnh kham nhẫn nhiều hơn, để vượt qua những trở ngại khi lạnh, lúc nóng. Kham nhẫn chịu đựng những khi đói khát hay kham nhẫn với những sự xúc chạm do ruồi, muỗi, các loài bò sát mang tới. Hành giả cũng phải tập tánh kham nhẫn các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ, khi bị đau nhức nhức liệt v.v... Nếu không kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não sẽ sanh khởi. Chịu đựng và vượt qua được những khó khăn đó, thì lậu hoặc do kham nhẫn được đoạn trừ.

5. Lậu hoặc được đoạn trừ do “Tránh né”: Có những thứ mang lại nguy hiểm phiền não, mà hành giả không thể đối trị bằng “*tri kiến, phòng hộ, thọ dụng hay kham nhẫn*” mà phải “*như lý tác ý tránh né*” như tránh voi dữ, ngựa dữ, bò dữ, chó dữ, rắn rít, rừng rậm gai góc, hố sâu, vực thẳm, vũng lầy. Tránh xa những người say sưa, hung bạo, điên rồ. Tránh lại vắng những nơi nguy hại gây tai tiếng. Nếu không tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nhờ tránh né, mà hành giả tránh được những nguy hiểm, lo âu, sợ hãi, tránh được những bực bội phiền não. Cho

nên mới nói các lậu hoặc nhờ “tránh né” mà được đoạn trừ.

6. Lậu hoặc được đoạn trừ do “Trừ diệt”: Ở đây, hành giả phải thường biết và thường quan sát trạng thái tâm của mình, không chấp nhận dục niệm, sân niệm hay các ác bất thiện pháp khởi lên. Hành giả phải “*như lý tác ý*” tận diệt, từ bỏ những tà pháp kể trên, không cho tồn tại. Nếu không trừ diệt thì các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Cho nên hành giả phải biết pháp nào cần giữ và pháp nào phải đoạn trừ, diệt bỏ. Như vậy thì các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy mới không còn nữa.

7. Lậu hoặc được đoạn trừ do “Tu tập” : Pháp thứ bảy “Tu tập Thất Giác Chi”. Thất giác chi là bảy Bồ đề phần, là nhóm thứ sáu trong 37 Bồ đề phần, còn gọi là 37 phẩm trợ đạo. Thất giác chi gồm có: Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh an giác chi, Định giác chi, và Xả giác chi.

1-7: Niệm Giác Chi: Là yếu tố đầu tiên cần phải khởi lên và tu tập viên mãn mới đưa đến giác ngộ. Niệm Giác Chi này chính là Chánh Niệm trên lộ trình tu tập pháp Bát Chánh Đạo. Chánh niệm thực hành cần có bốn: Niệm Thân là nhớ đến chú tâm quan sát các cảm giác nơi thân. Niệm Thọ là nhớ đến chú tâm quan sát nơi thọ. Niệm Tâm là nhớ đến chú tâm quan sát nơi tâm. Niệm Pháp là nhớ đến chú tâm quan sát nơi pháp.

Tu tập Chánh niệm hay Niệm Giác Chi là rèn luyện tâm từ thói quen vọng động tham sân si nhiều lậu hoặc đã ăn sâu tử vô thủy... nay có thói quen mới tỉnh lặng với cái Biết Không Lờ.

2-7: Trạch pháp giác chi: Khi thành tựu Niệm Giác Chi, nghĩa là Niệm Giác đã đầy đủ rồi, thì hành giả có sự phân biệt tư duy, suy lường pháp môn nào thiện, pháp môn nào bất thiện, pháp môn nào đưa đến giải thoát. Sự quan sát thông tuệ này được xem là huệ căn, huệ lực. Một sự chọn lựa đến chỗ cuối cùng không còn sự chọn lựa nào khác. Điều này có nghĩa là hành giả đã thông đạt tất cả pháp môn và chọn ra được một pháp môn thích hợp với căn cơ của mình để hạ thủ công phu. Sự chọn lựa theo Chánh kiến này gọi là Trạch Pháp Giác Chi.

3-7: Tinh tấn giác chi: Khi đã chọn lựa pháp môn tu tập rồi thì nỗ lực tinh tấn hành trì. Tinh tấn trong bốn oai nghi, dùng phương pháp Tứ Chánh cần để tu tập. Đó là ngăn ngừa ác tâm không để nó sinh khởi và chấm dứt ác tâm nào đã lỡ sinh khởi. Cố gắng phát khởi các thiện tâm và duy trì các thiện tâm đó. Khi Niệm Giác Chi (Chánh Niệm) có mặt liên tục trên đối tượng là hành giả có đủ bốn yếu tố Chánh Cần. Sự nỗ lực tinh tấn trong lúc hành thiền đòi hỏi hành giả



sự khéo léo điều chỉnh để quân bình trạng thái tâm, không quá nhiều nỗ lực cũng không quá ít. Tinh tấn quá sức khiến tâm dao động ra khỏi đề mục tu tập. Còn như tinh tấn quá ít hay lơ là khiến tâm dật vờ buồn ngủ.

4-7: Hỷ Giác Chi: Khi Tinh tấn tu tập, đẹp được tham sân si là những pháp bất thiện thì có niềm hân hoan hởi hửng trong tâm tự khởi lên. Đức Phật từng kể lại kết quả khi đạt sơ thiền, tâm của Ngài tràn đầy hỷ lạc. Hỷ lạc này là do Ngài "*ly dục, ly bất thiện pháp*" mà sinh. Khi đạt được những tầng thiền cao hơn thì hỷ lạc gia tăng thấm đẫm cả thân tâm. Sự hân hoan hỷ lạc của hành giả lúc này gọi là Hỷ Giác Chi.

5-7: Khinh An Giác Chi: Nhờ tinh tấn tu tập loại trừ các ác pháp tham, sân, si. Hành giả nhập vào sơ thiền có tâm có tứ. Nhờ duyên này mà các pháp khác cũng yên lặng, đó gọi là trạng thái thuận khinh an ở mức độ thứ nhất. Hành giả tiếp tục tinh tấn công phu, Ngôn hành, Ý hành trong tâm vắng bật, hành giả thể nhập nhị thiền, tâm tứ yên lặng gia tăng mức độ khinh an thứ hai. Và cứ thế mức độ hỷ lạc và khinh an mỗi lúc gia tăng nhiều hơn. Đến khi hơi thở ngưng từng chập, trong kinh gọi là "*tịnh tức*" thì thân tâm của hành giả khinh an đến mức tối diệu, không có khinh an nào khác vượt qua nó. Đó gọi là Khinh An Giác Chi.

6-7: Định giác chi: Hành giả lần lượt trải nghiệm qua bốn tầng thiền định: Sơ định, Nhị định, Tam định, Tứ định. Đạt được tứ định, tâm hành giả hoàn toàn định tĩnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không vui, không buồn, không hạnh phúc cũng không khổ đau nghĩa là Tâm được giải thoát, được hoàn toàn tự do không dính mắc với bất kỳ tướng trạng nào. Tâm lúc bấy giờ là Tâm Vô lậu, là an trú tâm. Tâm tĩnh lặng trống rỗng với dòng nhận thức biết không lời gọi chung là Định bất động hay Định Giác Chi.

7-7: Xả giác chi: Tâm định tĩnh, bình thản, tự tại, là tâm giải thoát không hệ lụy với mọi đối tượng. Tất cả mọi pháp đều bình đẳng nên không có gì buông cũng không có

gì giữ. Tâm thanh thản, an trú vào tánh tịch tịnh... thì đó gọi là Xả Giác Chi. Tâm Xả rất quan trọng. Hành giả an trú trong tâm Xả khi học pháp môn nào hay làm bất cứ việc gì đều thản nhiên không vướng bận.

Tóm lại tu tập, duy trì Chánh Niệm, an trú trong tâm Xả qua pháp "*Thất Giác Chi*" hành giả loại trừ được tham sân si tức ly dục ly bất thiện pháp. Như vậy các lậu hoặc do tu tập được diệt trừ.

KẾT LUẬN

Tập khí, lậu hoặc là nguồn gốc tạo Nghiệp chịu cảnh Sanh, Già, Bệnh, Chết tức luân hồi sanh tử. Ngoài ra, còn những thứ khác tiềm ẩn trong tâm của chúng sanh đó là Kiết sử, Tùy miên cũng là bà con dòng họ của lậu hoặc.

Vì lậu hoặc là nguyên nhân gây khổ đau phiền não không phải chỉ một đời hiện tại, mà nó còn là nhân tố khiến chúng sanh phải chịu trầm luân khổ lụy trong nhiều đời nhiều kiếp vị lai. Những ai tinh ngộ muốn được giải phóng ra khỏi ngục tù sanh tử thì mới tìm cách tu tập. Còn đa phần chúng sanh mãi mê ngập lặn hưởng thụ ái dục, tạo vô số nghiệp lành hay nghiệp dữ. Nghiệp cũng là tên gọi khác của lậu hoặc.

Đức Phật là bậc đại giác ngộ, đã thực chứng trên thân và tâm, đã tìm ra con đường giải thoát. Nhưng trước đó, Ngài cũng chỉ là một con người bình thường phải chịu cảnh "*bị sanh, bị già, bị chết*" như bao nhiêu chúng sanh khác. Vì muốn thoát ra khỏi cái vòng lẩn quẩn "*sanh, già, bệnh, chết*", Đức Phật đã từ bỏ ngai vàng, điện ngọc, vợ đẹp, con xinh... xuất gia tìm đạo giải thoát cho mình và cho chúng sanh. Trải qua nhiều gian lao thử thách, Ngài đã thanh lọc được "*hồ nước đục*" thành "*hồ nước trong*", và sau cùng chứng được "*cái vô sanh*". Đã vô sanh thì không có già, không có chết. Không chết nghĩa là "*bất tử*".

Muốn trở thành con người bất tử, Đức Phật dạy phải tận diệt lậu hoặc. Và Ngài đã đưa ra nhiều phương pháp tu tập, trong số đó có bài kinh "*Tất Cả Các Lậu Hoặc*". Bài kinh này có ghi lại bảy pháp tu diệt trừ các lậu hoặc. Mặc dù Đức Thế Tôn giảng cho các vị tỳ-kheo, nhưng là cư sĩ chúng ta cũng có thể áp dụng được.

Riêng về pháp thứ bảy, là pháp "*tu tập diệt lậu hoặc*", Đức Phật dạy chúng ta thực hành "*Thất Giác Chi*". Như đã trình bày ở trên "*Thất giác chi*" gồm bảy chi phần: Niệm Giác Chi, Trạch Pháp Giác Chi, Tinh Tấn Giác Chi, Hỷ Giác Chi, Khinh (an) Giác Chi, Định Giác Chi, Xả Giác Chi.

Sau khi tìm hiểu ý nghĩa của bảy chi này. Chúng ta thấy có hai luận hướng, hai cái nhìn. Một cái nhìn thuộc về "*bản thể luận*" và

cái nhìn thuộc về “hiện tượng luận”.

- Về mặt hiện tượng luận, thì bảy chi có sự khác biệt về ý nghĩa, nên hành giả phải tu tập từng pháp và thành tựu theo thứ tự thời gian .

- Về mặt bản thể luận, thì ngay trong Chánh Niệm (Niệm Giác Chi) đã có sáu chi kia rồi. Vì nếu thiếu Trạch Pháp Giác Chi thì sẽ không có Chánh Niệm. Nếu thiếu Tinh Tấn Giác Chi cũng không đạt được Chánh Niệm. Nếu thiếu Hỷ Giác Chi hay Khinh An Giác Chi cũng không có Chánh Niệm. Nếu không có Định hay không có Xả Giác Chi thì không có Chánh Niệm - Ngược lại nếu không đạt được Chánh Niệm thì các chi kia cũng không xuất hiện. Như vậy nếu hành giả thành tựu một giác chi nào trong số bảy giác chi thì cũng có nghĩa là hành giả đã thành tựu luôn bảy giác chi. Đây là sự liên hệ giữa các pháp với nhau về mặt duyên khởi theo bản thể luận.

Về câu hỏi: “Làm thế nào để đoạn trừ các lậu hoặc?” Thực ra có nhiều pháp. Pháp “Thất Giác Chi” là pháp nằm trong số 37 pháp (trở đạo) mà Đức Thế Tôn đã giảng dạy. Nhưng nhìn chung thì các pháp tu tập đều nằm trong tam lậu học: **Giới-Định-Huệ**.

Bài viết về “các pháp đoạn trừ các lậu hoặc” chỉ được soạn ở mức độ căn bản cho những ai mới bước vào cửa đạo, nên chắc chắn còn nhiều thiếu sót, kính thỉnh chư tôn đức từ bi giảng dạy thêm.

Trong thời gian đại dịch Covid-19 vẫn còn hoành hành. Kính cầu nguyện bình an đến với tất cả mọi người. Khi ra khỏi nhà xin nhắc quý vị nhớ mang khẩu trang và ráng giữ khoảng cách 2 mét (social distancing). Về nhà nhớ rửa tay và thoa alcohol-aloe vera thật kỹ để tránh bị lây lan.

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(Chân Tâm thiền đường)

AI OI, MAU DỪNG LẠI!

Bão Linfa, bão số 9, bão Molave ...

Những cái tên vô nghĩa

Những cơn số vô hồn

Đang tàn phá miền Trung

Cuồng phong mưa lũ!

Sạt lở đập đôn

Dân chúng khốn khó,

Người người cùng chịu chung!

Nhà tan cửa nát

Xóm làng thương vong

Thiên-tai giáng xuống,

Nhân-tai thi công

Bao nhiêu năm đồn rừng, xả lũ

Mặc sức tàn phá tài nguyên

Rừng hoang sơ như sa mạc

Đập thủy điện mọc liên miên

Hậu quả thế nào, can chi thắc mắc

Miền tiền chảy vào túi quan quyền

Không vui, mà chỉ đầy thêm!

Chức sắc, nhà cao cửa rộng

Lũ lụt nào dám tới đây!

Tiền mua được mọi thứ

Mua cả lòng người, đen trắng đổi thay!

Nhưng ai ơi có biết

Luật nhân quả không sai mấy may

Chỉ là sớm hay muộn

Gieo nhân, quả sẽ hiển bày

Ai ơi, mau dừng lại

Những nhân-tai, rồi nhân-tai

Đề khi thiên-tai có tới

Cũng không quá đọa đây!

Nam Mô Bồ Tát Quán Thế Âm

Nghe tiếng kêu thương

Xin cứu độ muôn loài

Hiểm nguy, khổ lụy đang chập chùng bủa vây!

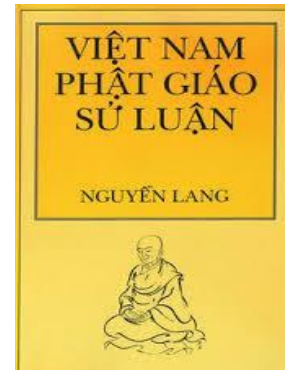
Nam Mô Bồ Tát Ngàn Mắt, Ngàn Tay

thơ **HUỆ TRÂN**

(Tào-Khê tịnh thất – ngày gió lớn!
Vọng về miền Trung khổ nạn!)



CHÙA LINH QUANG VÀ CHÙA TỪ ĐÀM Ở TRUNG VIỆT



(Chương XXXIII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

CHÙA LINH QUANG VÀ SƠN MÔN TĂNG GIÀ Ở TRUNG VIỆT

Thiền sư Mật Khế, như ta đã biết, là một trong những vị giảng sư đầu tiên của hội An Nam Phật học. Ông lại còn có công trong việc xây dựng tổ chức Sơn môn Tăng già và thành lập các trường Sơn môn Phật học và An Nam Phật học. Sư đệ của ông là thiền sư Mật Thể đã đóng góp nhiều về phương diện biên khảo và dịch thuật, và cũng đã từng lớn tiếng hô hào "cải tổ sơn môn" gây nên nhiều phản ứng lớn trong giới tăng già, phản ứng thuận cũng có mà nghịch cũng có. Sự tham dự của Mật Thể vào Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng là một hiện tượng mới trong Phật giáo.

Ngoài hai vị đệ tử này, thiền sư Giác Tiên chùa Trúc Lâm còn có hai vị đệ tử khác cũng đã đóng góp khá nhiều cho việc xây dựng đoàn thể tăng già tại Thừa Thiên và Trung Việt. Đó là các thiền sư Mật Hiển và Mật Nguyên.

Từ cuối 1946 trở đi, Sơn môn Tăng già Thừa Thiên đã bắt đầu hoạt động trở lại với

sự cố gắng của hai thiền sư huynh đệ này. Thiền sư Mật Hiển kế thế trú trì chùa Trúc Lâm, còn thiền sư Mật Nguyên được sơn môn chỉ định về trú trì chùa Linh Quang. Chùa này bắt đầu từ năm 1951 đã chính thức trở thành trụ sở trung ương của Sơn môn Tăng già Thừa Thiên và Trung Việt.

Chùa Linh Quang được xây dựng năm 1852, và thiền sư Liễu Triệt là tổ khai sơn [9]. Chùa được thiền sư Nguyên Cát chùa Quốc Ân đảm nhiệm trách vụ trú trì từ năm 1882 sau khi thiền sư Liễu Triệt mất. Năm 1914 thiền sư Đắc Căn kế vị thiền sư Nguyên Cát. Năm 1920, thiền sư Phước Hậu kế vị thiền sư Đắc Căn.

Năm 1944 các lớp đại, trung và tiểu học của trường Sơn môn Phật học được dời về chùa Linh Quang và thiền sư Trí Thủ được giao phó trách nhiệm giám viện của trường và trú trì của chùa. Tháng Sáu năm 1946, Sơn môn Tăng già Thừa Thiên quyết định dời trường về chùa Báo Quốc, và trách vụ trú trì chùa Linh Quang được giao phó cho thiền sư Mật Nguyên.

Năm 1947 trong khi thiền sư Trí Thủ khai giảng Phật học đường Trung Việt tại chùa Báo Quốc thì các thiền sư Mật Hiển tại Trúc Lâm và Mật Nguyên tại Linh Quang cũng bắt đầu tích cực xây dựng tổ chức Sơn môn Tăng già Trung Việt. Thiền sư Mật Nguyên được Sơn môn Thừa Thiên cử làm chánh trị sự vào đầu năm 1951. Trong thời gian liên lạc với tăng sĩ các tỉnh ở Trung Việt để thành lập Sơn môn Tăng già Trung Việt ông ra công trùng tu ngôi chùa này. Mùa Đông năm 1951, đại biểu tăng sĩ quy tụ về chùa Linh Quang để họp đại hội đồng. *Sơn môn Tăng già Trung Việt* được thành lập từ đại hội đồng này và thiền sư Mật Hiển chùa Trúc Lâm được công cử làm trị sự trưởng.



CHÙA LINH QUANG, HUẾ

Thiền sư Tịnh Khiết được suy tôn làm Tạng Lâm Pháp Chủ. Văn phòng của Sơn môn Tăng già Trung Việt cũng được đặt tại chùa Linh Quang.

Mùa hè năm 1952, Sơn môn Tăng già Trung Việt tổ chức một mùa kết hạ an cư tại chùa Linh Quang cho tăng sĩ đại biểu từ các tỉnh miền Trung về. Mùa kết hạ này đã thắt chặt được mối đồng tâm giữa các sơn môn địa phương và trung ương. Từ đó năm nào tại chùa Linh Quang cũng có tổ chức an cư kết hạ cho chư tăng. Đầu năm 1960 vì nhu cầu mới, chùa Linh Quang lại được trùng tu một lần thứ hai để có đủ cơ sở cho sự hành đạo của sơn môn.



Hòa thượng THÍCH MẬT NGUYỄN
1911 - 1972

THIÊN SƯ MẬT NGUYỄN

Thiền sư Mật Nguyễn đảm nhiệm trách vụ trị sự trưởng Sơn môn Tăng già Trung Việt từ năm 1954. Ông rất xứng đáng trong trách vụ này, vì ngoài học lực vững chãi về nội điển, ông còn có tài tổ chức và hành chánh. Ông sinh năm 1911 tại làng Phú Xuân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Tên đời của ông là Trần Quốc Lộc. Năm 1926 ông xuất gia theo hầu thiền sư Giác Tiên ở chùa Trúc Lâm và được thể độ năm 19 tuổi, pháp danh là Tâm Như. Ông được theo học trưởng Sơn môn Phật học ở Tây Thiên. Năm 1937 ông vào Bình Định thọ đại giới đàn Tịnh Lâm ở lại học thêm nội điển với thiền sư Phước Huệ chùa Thập Tháp. Năm 1946, ông khởi sự lập chùa Bảo Tràng Huệ Giác tại Hòa Tân (Bình Định), nhưng chiến tranh đã phá hủy công trình này. Về Huế, ông được Sơn môn Thừa Thiên giao phó trách vụ trú trì chùa Linh Quang trong đại hội ngày 10.4.1946.

Ông được mời làm giảng sư cho hội An Nam Phật học từ hồi hai mươi tuổi, khi còn là sa di. Đầu năm 1951, ông làm chánh trị sự Sơn môn Thừa Thiên và cuối năm ấy được mời dạy tại Phật học đường Báo Quốc. Năm 1954, ông được bầu cử làm trị sự trưởng Sơn môn Tăng già Trung Việt. Ngày 10.9.1959, trong đại hội Giáo hội Tăng già Toàn quốc kỳ II, tại chùa Ân Quang Sài Gòn, ông được bầu làm trị sự phó Giáo hội Tăng già Việt Nam kiêm nhiệm chức vụ ủy viên nghi lễ của giáo hội này.

Năm 1964, ông được mời làm phó đại diện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại miền Vạn Hạnh. Năm 1965, Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn mời ông vào ban giảng huấn. Năm 1968 ông được công cử vào chức vụ chánh đại diện Miền Vạn Hạnh của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất kiêm

chánh đại diện tỉnh Thừa Thiên và thị xã Huế. Ông đã dịch các kinh *Giải Thâm Mật* và *Vô Lượng Thọ*, tác phẩm *Tâm Duy Thức Luận* của Thái Hư và viết một số bài đăng trong các tạp chí *Viên Âm*, *Giác Ngộ* và *Liên Hoa*. Ông tịch ngày 18.8.1972 tại chùa Linh Quang Huế, thọ 62 tuổi. Sau khi ông mất, chùa Linh Quang được đặt dưới sự chăm sóc của sư huynh ông là thiền sư Mật Hiển, lúc ấy đang làm đặc ủy tăng sự của Tỉnh Giáo hội Thừa Thiên.

Sơn môn Tăng già Trung Việt từ năm 1959 đã cho phát hành nguyệt san *Liên Hoa* do thiền sư Đôn Hậu chùa Linh Mụ làm chủ nhiệm và thiền sư Đức Tâm chủ

bút. Tòa soạn của tạp chí này được đặt tại chùa Diệu Đế. Cộng tác với tạp chí này có nhiều vị tăng sinh đang du học tại ngoại quốc.

CƯ SĨ CHƠN AN

Hội Việt Nam Phật học, hậu thân của hội An Nam Phật học, bắt đầu được hoạt động từ 1948 và đặt trụ sở tại số 1B đường Nguyễn Hoàng, Huế. Cư sĩ Chơn An Lê Văn Định được mời làm hội trưởng đầu tiên của hội. Những nhân vật hoạt động nhất của hội đều là những người đã từng hoạt động trong hội An Nam Phật học cũ, trong đó có các ông Vương Hưng Luyện và Nguyễn Văn Quý.

Cư sĩ Chơn An là một nhà cựu học, đã từng làm tuần vũ tỉnh Phan Thiết trong chính phủ Nam Triều. Ông đã từng được học Phật với thiền sư Giác Tiên và thiền sư Phước Huệ. Năm 1948 ông là một nhân sĩ không giữ chức vụ nào trong chính quyền. Ông là người rất thiết tha với vấn đề thống nhất Phật giáo. Trong thời gian phục vụ tại hội Việt Nam Phật học, ông đã xúc tiến mạnh mẽ việc Việt hóa và thống nhất hóa nghi lễ của giới cư sĩ. Nhiều bài sấm văn, tác bạch và phát nguyện văn trong cuốn *Nghi Thức Tụng Niệm* của giới cư sĩ (được Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất chuẩn y năm 1964) đã được ông biên soạn. Thiền sư Thiện Siêu, giảng sư của hội Việt Nam Phật học và trú trì chùa Từ Đàm,



đã giúp ông tận lực trong việc biên soạn những văn kiện nghi lễ này.

Ông thọ giới Bồ tát tại gia ở Giới Đàn Phật học Viện Nha Trang năm 1958, lúc ông được 78 tuổi. Nhân dịp này ông đã viết bài phát nguyện sau đây, đây ý thức cảnh giác và phản tỉnh:

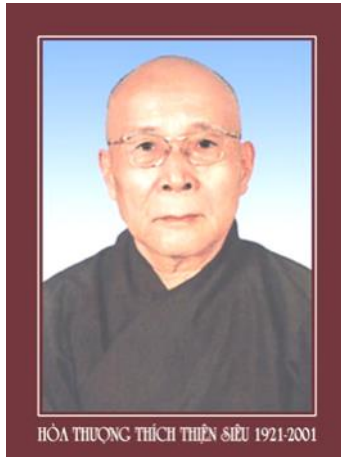
*Sự trục nhãn tiền quá
Lão tòng đầu thượng lai
Trót làm mê đắm đuổi hình
hài
Đếm đốt đã sáu tuần thêm
sáu tuổi
Triều quận trong ngoài rong
ruổi*

*Nợ áo xiêm lườn cúi lấy làm vinh
Bởi căn trần bưng bít tâm linh
Không thấy đạo bồ đề cao cả.
Vạn pháp duyên sanh đô thị giả
Toán lại danh lợi hữu hoàn vô
Bể trần ai sóng dợn lô nhô
Cảnh phù thế cái vui lồng cái khổ
Thân tập nhiệm không sớm lo tự độ
Đợi kiếp nào cho hiển lộ Pháp thân?
Trước đài sen Vô Thượng Năng Nhân
Sụp mình lạy nguyện làm đệ tử:
Giới Bồ Tát con thể trọn giữ
Đời đời noi đại sự độ sanh
Mong cho thể giới an lành. [10]*

Cư sĩ Chơn An chỉ làm hội trưởng hội Việt Nam Phật học trong ba niên khóa đầu. Đến năm 1950, thiền sư Trí Thủ được bầu làm hội trưởng hội Việt Nam Phật học.

GIỚI TĂNG SĨ ĐỨNG RA ĐẢM NHIỆM GUỒNG MÂY LÃNH ĐẠO

Đây là lần đầu tiên một vị tăng sĩ đứng ra làm hội trưởng của một hội Phật học. Từ đây trở đi, chức vụ hội trưởng hội Việt Nam Phật học luôn luôn được đảm nhiệm bởi các phần tử tăng già. Diễn biến này là một sự kiện rất đáng chú ý. Các chức vụ trong Viện Hóa Đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất sau này đều do các phần tử tăng già đảm nhiệm: Đây không phải là sự ngẫu nhiên mà là một diễn biến hợp lý. Tại miền Trung, cơ sở của Phật giáo đã được xây dựng rất sớm ở cấp huyện và xã một cách vững vàng. Ở Thừa Thiên, có thể nói rằng không nơi nào là không có tổ chức *khuôn hội* và *niệm Phật đường*. *Khuôn hội* tức là tổ chức của hội Việt Nam Phật giáo ở đơn vị xã. Khi cơ sở của Phật giáo đã được tổ chức khá hoàn bị như thế thì sự chờ đợi và mong mỏi của tín đồ ở cấp lãnh đạo cũng tăng trưởng một cách đáng kể. Các thiền sư trong lúc giảng dạy và hóa đạo đã chứng tỏ học thức và khả năng lãnh đạo của mình, do đó, người



tín đồ bắt đầu nhìn vào họ như những bậc lãnh đạo thực sự và hoan hỉ thấy họ ngồi ở cấp tổng trị sự hơn là thấy những Phật tử cư sĩ cũng "cư sĩ" như mình.

Thiền sư Trí Quang lên làm hội trưởng hội Việt Nam Phật học từ năm 1954. Năm sau, tuy đại lão thiền sư Giác Nhiên đứng ở cương vị hội trưởng, ông vẫn thực sự điều khiển công việc của hội trong vai trò phụ tá. Trí Quang là một trong những tăng sĩ đã được đào tạo tại trường An Nam Phật học, và đã tốt nghiệp trường này. Năm 1954, ông đã 31 tuổi, nghĩa là đã khá trưởng

thành để đảm nhiệm một trách vụ lãnh đạo. Thiền sư Trí Nghiễm mà sau này được biết dưới pháp hiệu Thiện Minh đã được gửi về các tỉnh cao nguyên và bình nguyên miền Nam Trung Việt để củng cố lại cơ sở của hội Việt Nam Phật học từ năm 1949. Trí Nghiễm cũng tốt nghiệp một lần với Trí Quang và năm Trí Quang được 31 tuổi thì Trí Nghiễm cũng đã 33 tuổi. Đó là những vị tăng trẻ tuổi, xuất sắc cả về phương diện nội điển lẫn tài năng tổ chức. Thiền sư Trí Nghiễm đã xây dựng được cơ sở vững chắc cho hội Việt Nam Phật học tại các tỉnh Lâm Viên, Đồng Nai Thượng, Khánh Hòa, Phan Rang và Phan Thiết. Thiền sư Trí Quang từ năm 1954 đến 1957 trong khi giữ trách vụ hội trưởng tổng trị sự hội Việt Nam Phật học đã cho tái bản tờ *Viên Âm* và tích cực sáng tác và biên khảo. Tờ *Viên Âm* do một tay ông chủ trương vừa chăm sóc vừa biên tập. Ông dịch *Luận Chí Quán*, *Luận Đại Thừa Khởi Tín* rồi biên tập *Cuốn Sách Nhỏ Của Người Xuất Gia* và *Cuốn Sách Nhỏ Của Người Tại Gia*. Hai "cuốn sách nhỏ" này nói lên được ý hướng của ông về vấn đề đào tạo những người Phật tử tăng già và cư sĩ mẫu mực. Về "mẫu mực" của người xuất gia, ông đưa ra hình ảnh hai vị cao tăng là Huệ Năng và Cưu Ma La Thập và biên tập các cuốn *Ngài Huệ Năng* và *Ngài La Thập*. Rồi ông dịch *Luận Đại Trượng Phu*, biên tập *Lịch Sử Truyền Bá Phật Giáo*, *Vang Bóng Đức Từ Phụ*. Ông cũng dịch *Tử Bi Thủy Sám Pháp*, *Dược Sư Sám Pháp* và *Lương Hoàng Sám Pháp*.

Đồng thời với Trí Quang và Trí Nghiễm còn có Trí Đức (tức là thiền sư Thiện Siêu), cũng là người cùng tốt nghiệp trường An Nam Phật học. Ở chức vụ trú trì chùa Từ Đàm, thiền sư Thiện Siêu làm giảng sư cho hội Việt Nam Phật học, giảng dạy tại Phật học đường Báo Quốc và biên tập tạp chí *Viên Âm*. Ông tiếp tục công trình dịch và chú thích kinh *Lãng Nghiễm* mà cư sĩ Tâm Minh làm được nửa chừng trên tạp chí *Viên Âm* cũ.

Kiến thức về nội điển rất vững chãi, ông bắt đầu dịch các kinh trong bộ *Trường A Hàm*, kinh *Pháp Cú* và một số các tác phẩm Phật học viết bằng văn bạch thoại như *Nhất Cá Khoa Học Giả Nghiên Cứu Phật Kinh Đích Báo Cáo* của kỹ sư Uông Trí Biểu. Khi Phật học viện Hải Đức ở Nha Trang được thành lập năm 1956, ông được mời làm đốc giáo.

Thiền sư Thiện Minh (tức Trí Nghiễm) sau khi xây dựng cơ sở vững chãi cho Phật giáo tại các tỉnh miền Nam Trung Việt đã trở về Huế và làm hội trưởng của tổng trị sự hội Việt Nam Phật học từ năm 1958 đến 1962. Về phương diện tài tổ chức và hành chính, thiền sư Thiện Minh xuất sắc hơn cả hai vị đồng liêu của ông là Trí Quang và Thiện Siêu. Ông là một người thông minh, đổi cơ nhanh chóng. Trong những buổi đại hội đồng khó khăn ông thường được mời làm chủ tọa bởi vì ít ai hơn được ông trong trách vụ ấy. Năm 1963 chính ông đã đứng làm trưởng phái đoàn Ủy ban Liên pháp Bảo vệ Phật giáo để thương thuyết một phái đoàn liên bộ của chính phủ Ngô Đình Diệm, và đã dẫn phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ và các vị bộ trưởng cùng đại biểu chính phủ vào thể phải ký bản *Thông Cáo Chung*, trong đó những yêu sách của Phật giáo đã được chính phủ làm thỏa mãn. Thời gian 1958 - 1962 là một khoảng thời gian khó khăn trong đó áp lực của chính quyền Ngô Đình Diệm càng lúc càng trở nên nặng nề đối với Phật giáo đồ.

(còn tiếp)

[9] Xem *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, quyển II, trang 233.

[10] Nguyệt san *Phật Giáo Việt Nam*, số 20 và 21, năm Mậu Tuất (1958).



LOAY HOAY GIỮA CON ĐƯỜNG

*Một lần đến chơi
Ngõ mình về lại
Đông quê ơi!
Giữa thảo nguyên con đường dài
Bật ngàn cỏ
Mênh mông đất trời
Hạt mần nào gieo trong tâm nảy nở trong phút
giây
Về đây!
Chốn xa xưa trong quá khứ
Như đã từng ư?
Ngôi nhà nhỏ giữa đồng cỏ hoa
Ngày gieo trồng gặt hái
Đêm đốt nến làm thơ
Mùa xuân em tết hoa đại đội đầu
Nằm dài nhìn em mê say
Hạ thảo nguyên
Sông trọn vẹn
Lá vàng rơi vào rừng hái hạnh nhân, nhặt hạt dẻ
Tuyết rơi ngoài cửa sổ
Lò sưởi bập bùng ta có em.
Gã du tử làm thơ
Trong phút chốc mà mấy lần hoá thân
Rời đông quê
Về lại thành
Đường phố muôn màu sống động
Hồn lông lộng mênh mông
Yêu biết mấy con đường chiều
Và đêm khuya vũ trường mê hoặc
Hộp đêm mờ ảo nhân ảnh khách làng chơi
Động và tĩnh
Tình và mê
Làn ranh mập mờ
Đời nối tiếp đời
Con mơ chưa hề thỏa mãn
Dòng tử sanh bất tận
Ngược xuôi loay loay giữa con đường*

thơ DU TÂM LÃNG TỬ

CHẤP THỦ LÀ ĐÁNG SỢ

Lâm Thanh Huyền

Minh Chi dịch

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Người học Phật vì chăm chú mặt trí tuệ, cho nên thường coi nhẹ phần tri giác của cảm quan. Sự thật, phần tri giác cảm quan cũng là hết sức quan trọng. Chính tác dụng của sáu thức giúp chúng ta mở mang trí tuệ. Mở mang trí tuệ như thế nào?

Chính là nhờ đoạn trừ vô minh và chấp thủ.

Vô minh và chấp thủ là hết sức đáng sợ. Hãy lấy một câu chuyện xảy ra trong nhà tôi để minh họa.

Một ngày, con tôi từ ở trường đem về nhà một hộp đựng các con tằm, khiến tôi phải lo lắng không biết phải nuôi những con tằm như thế nào. Bởi vì lúc còn nhỏ tôi đã từng nuôi tằm thất bại. Tôi hỏi con tôi: "Con đem các con tằm về nhà nuôi chúng thế nào? Có lá dâu cho chúng ăn không?" Con tôi nói: "Có lá dâu. Hợp tác xã Phúc Lợi của nhà trường có bán, 10 đồng một bao." Tôi nghe mà giật mình. Bây giờ tiến bộ tới mức lá dâu cũng có bán! Tôi lại hỏi: "Ngày Chủ nhật hợp tác xã không bán lá dâu thì làm thế nào?" Con tôi trả lời: "Không lo, ngày thứ bảy mua thêm một bao đem về bỏ tủ lạnh."

Thế là việc nuôi tằm ở trong nhà bắt đầu. Tôi thường hỏi con tôi: "Nếu chẳng may, hợp tác xã của trường thiếu lá dâu thì thế nào?"

"Không sao đâu! Làm sao thiếu được! Nếu thiếu hàng thì thiên hạ sẽ đại loạn; bởi vì, ở nhà trường, hầu như học trò nào cũng nuôi một hộp dâu tằm."

Quả nhiên, có một ngày, điều tôi lo lắng đã biến thành sự thật. Trời mưa to, hợp tác xã Phúc Lợi của trường thiếu lá dâu bán. Con tôi đi học và nói với tôi: "Ba ơi, thiên hạ đại loạn rồi, không có lá dâu biết làm thế nào đây!"

Tôi chỉ còn cách lái xe hơi đưa con tôi đến các nơi có thể có lá dâu ở Đài Bắc như

Bắc Đầu, Nội Hồ, nhưng cuối cùng cũng không tìm ra. Thực là bi thảm? Chắc là các con tằm phải chết mất!

Con tôi bỗng có suy nghĩ độc đáo: "Này ba, con không tin rằng con tằm lại chịu chết đói mà không ăn một lá cây gì khác hay sao? Chúng ta hãy thử xem." Tôi nói: "Được chứ!" Con tôi bèn đi hái về 10 lá cây thật tươi, mềm rải trong hộp nuôi tằm.

Thế nhưng, lá nào chúng cũng không chịu ăn!

Lúc bấy giờ, cả con tôi cũng cảm thấy mấy con tằm chấp trước quá đáng. Con tôi nói với các con tằm rằng: "Chúng mày ăn một cái lá rồi chết lẫn cả ra hay sao? Tao không tin!" Mấy con tằm vẫn

không chịu ăn. Con tôi lại nói: "Nhất định bọn tằm ăn lá dâu thành thói quen rồi. Nếu khi chúng mới sanh ra mà bắt chúng ăn một loại lá khác thì chúng sẽ chịu ăn ngay." Tôi nói: "Đúng như vậy sao? Vậy chúng ta hãy thử xem!"

Để tìm ra đáp án, chúng tôi ngày nào cũng ra sức nuôi tằm. Tằm biến thành ngài, sanh ra trứng. Trứng chuyển màu đen vài ngày thì chúng tôi khẩn trương đi hái các loại lá khác cho tằm ăn, hy vọng các con tằm mới sẽ bỏ được tập quán ăn lá dâu.

Đáp án thì chắc các vị đã biết rồi. Các con tằm nhất định không chịu ăn các loại lá khác. Kỳ lạ thật, chúng chưa có tập quán ăn lá dâu mà vẫn không chịu ăn các loại lá không phải lá dâu. Cuối cùng đành phải đem lá dâu về cho chúng ăn. Lá dâu vừa rải ra, các con tằm tranh nhau ăn rạo rạo, như là chúng khiêu vũ, nhảy múa vậy!

Lúc ấy, tôi cảm khái nghĩ rằng, sự chấp thủ thói quen thực là đáng sợ.

(trích *Tin Tức Từ Biển Tâm*)





TRUYỀN THỐNG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa ACE Lam viên thương mến,
Nói đến “truyền thống” chúng ta thường chỉ nghĩ ngay đến những ngày truyền thống của các ngành [ngày Dũng của ngành Nam, ngày Hạnh của ngành Nữ, ngày Hiếu của ngành Vũ] hay những ngày hiệp kỵ... mà quên đi cái truyền thống căn bản là cơ cấu tổ chức và điều hành từ Cấp thấp nhất (Ban Huynh Trưởng Gia Đình) lên đến Cấp cao nhất (BHD Thế Giới) với châm ngôn sáng ngời “Tập Thể lãnh đạo, Cá nhân phụ trách” với điều kiện CẦN và ĐỦ của người lãnh đạo, bởi 2 yếu tố Đạo đức và Khả năng. GDPT chỉ có thể vững mạnh và phát triển đi lên khi và chỉ khi tập thể lãnh đạo trung thành với châm ngôn ấy.

Thật vậy, nếu có một Ban Huynh Trưởng Gia Đình, hay một ban hướng dẫn (BHD) Miền hay BHD Quốc gia nào quên đi điều căn bản ấy rồi lãnh đạo Đơn vị / Miền / Quốc gia ấy với chỉ một vài cá nhân “ôm” hể eeerrret tất cả thì nhất định Đơn vị / Miền / Quốc gia ấy sẽ sớm tàn lụi vì cả lãnh đạo lẫn những người được lãnh đạo sẽ thấy mệt mỏi, chán nản, với những tư duy chấp ngã, những khả năng hạn hẹp và đôi khi thiếu trí tuệ đưa đến những quyết định sai lầm. Còn nói gì đến việc giáo dục, đào tạo lớp kế thừa xứng đáng cho hàng lãnh đạo trong tương lai?

Do đó, người huynh trưởng GDPT nào có trần trở cho tương lai của Áo Lam, đều phải thấy nhiệm vụ thiêng liêng của mình là kế tục và kế thừa xứng đáng Tinh Thần và Truyền Thống cao đẹp của GDPT. Muốn vậy, chúng ta phải sống, làm việc, lãnh đạo và chịu sự lãnh đạo theo tinh thần và truyền thống trong kỷ luật Tự Giác, và tinh thần Từ Bi, Trí tuệ của Phật giáo nói chung, của GDPT nói riêng. Xin thưa TỰ GIÁC không phải là tự tung tự tác, và từ bi trí tuệ chớ không phải độc tài, kỷ luật sắt với cấp dưới, vô lễ, khiếm nhã với trên, cũng không phải dạy cho dẫn em tư tưởng bệnh hoạn “thuận ta thì sống, nghịch ta thì chết” rồi áp dụng những kiểu khen thưởng và kỷ luật điên đảo chưa từng có trong GDPT.

Với chánh niệm, tinh thức, mỗi ACE chúng ta hãy để ra vài phút, suy gẫm về 2 chữ truyền thống và tự soi rọi lại mình xem đã sống đúng tinh thần của người Huynh trưởng lãnh đạo xứng đáng là người Anh / người Chị / người Em đang kế thừa sự nghiệp và sứ mệnh của Người HTR. lãnh đạo GDPT chưa (1).

Thương mến chúc ACE “một ngày như mọi ngày,” sức khoẻ và an lạc trong chánh niệm, tinh thức.

Trân trọng
NAL

(1) Trong GDPT, bất cứ Huynh trưởng nào đã có qua 1 trại huấn luyện, trại HL thấp nhất của Huynh trưởng là trại Lộc Uyển, (đào tạo Đoàn phó) đều được coi như đã ở trong tập



Thiền Sư Daisetsu Teitaro Suzuki

NGƯỜI ĐƯA THIỀN VÀO MỸ

Huỳnh Kim Quang

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

Phật Giáo có mặt ở Mỹ vào giữa thế kỷ thứ 19, qua giới trí thức văn nghệ sĩ và các di dân từ Trung Hoa và Nhật Bản. Nhưng phải đợi đến đầu thế kỷ 20, khi học giả và thiền sư người Nhật Daisetsu Teitaro Suzuki viết sách bằng tiếng Anh truyền bá Thiền Tông tại Mỹ thì mới làm cho Thiền Phật Giáo thành món ăn tinh thần đặc biệt và hấp dẫn không những với người Mỹ mà còn với cả thế giới Tây Phương.

Trong lời giới thiệu cho tác phẩm "An Introduction to Zen Buddhism" [Giới Thiệu Thiền Phật Giáo] của Suzuki được xuất bản năm 1949, nhà tâm phân học nổi tiếng Carl G. Jung đã viết rằng, "*Các tác phẩm của Suzuki về Thiền Tông là nằm trong số những đóng góp tốt nhất cho sự hiểu biết về Phật Giáo sống động mà nhiều thập niên gần đây đã tạo ra... Chúng tôi không thể nói hết sự biết ơn đối với tác giả.*"

Cuộc đời của Thiền Sư Daisetsu Teitaro Suzuki

Daisetsu Teitaro Suzuki sinh ngày 11 tháng 11 năm 1870 và mất ngày 12 tháng 7 năm 1966 tại thành phố Kamakura, Nhật Bản, theo www.en.wikipedia.org. Có nơi nói ông sinh vào tháng 10, nhưng năm sinh của ông thì tất cả tài liệu đều giống nhau. Ông sinh ra tại Honda-machi, Kanazawa, Quận Ishikawa, Nhật Bản. Ông là người con trai thứ tư trong gia đình mà người cha là y sĩ Ryojun Suzuki. Pháp Danh Daisetsu của ông đã được Thầy Bốn Sư của ông là Thiền Sư Soyen Shaku [Thích Tông Diễn] ban cho. Thiền Sư Soyen Shaku cũng là người đầu tiên dạy Thiền ở Mỹ. Giai cấp võ sĩ đạo mà Suzuki được sinh ra đã suy tàn với sự sụp đổ của chế độ phong kiến, buộc mẹ của ông là nữ Phật tử Jōdo Shinshū

đã nuôi dưỡng ông trong hoàn cảnh nghèo đói sau khi cha của ông qua đời. Khi ông đủ lớn khôn để suy nghĩ về số phận của mình được sinh trong bối cảnh này, ông bắt đầu tìm câu trả lời trong nhiều hình thức khác nhau của tôn giáo. Trí tuệ bén nhạy và sâu sắc tự nhiên của ông đã khó chấp nhận một số vũ trụ quan mà ông đã gặp.

Suzuki đã học tại Đại Học Waseda University và University of Tokyo. Suzuki tập trung vào việc học các thứ tiếng Trung Quốc, Bắc Phạn [Sanskrit], Nam Phạn [Pali], và nhiều ngôn ngữ Tây Phương khác. Trong những năm học tại University of Tokyo, Suzuki đã đến thực hành Thiền tại Chùa Engaku-ji [Viên Giác Tự] tại thành phố Kamakura.

Suzuki đã sống và học nhiều năm với triết gia, học giả và nhà văn người Mỹ gốc Đức Paul Carus. Suzuki biết được Carus qua sự giới thiệu của Thiền Sư Soyen Shaku, nhân khi gặp ông ấy tại Đại Hội Tôn Giáo Thế Giới được tổ chức tại Chicago vào năm 1893. Carus lúc đó sống tại thành phố LaSalle thuộc tiểu bang Illinois đã đến gặp Soyen Shaku để nhờ ngài giúp

chuyển dịch và chuẩn bị tác phẩm văn chương tinh thần Đông Phương để xuất bản tại Tây Phương. Soyen Shaku đã đề nghị môn đệ của mình là Suzuki giúp làm việc này. Suzuki sống tại nhà của Carus, đúng hơn là Dinh thự Hegeler Carus, và làm việc với ông, lúc đầu dịch cuốn Đạo Đức Kinh của Lão Tử từ chữ Hán cổ. Tại Illinois, Suzuki bắt đầu phác thảo tác phẩm "Outlines of Mahayana Buddhism" [Đại Cương Về Phật Giáo Đại Thừa].

Riêng Carus thì đã viết cuốn sách đưa ra cái nhìn sâu hơn và tổng quan về Phật



Giáo, có tựa đề "The Gospel of Buddha" [Giáo Thuyết Của Đức Phật]. Thiền Sư Soyen Shaku đã viết giới thiệu cho cuốn sách này, và Suzuki đã dịch cuốn sách sang tiếng Nhật. Lúc đó, sắp bước sang thế kỷ mới, khá nhiều người Tây Phương và Á Châu (gồm Carus, Soyen, và Suzuki) tham gia vào công cuộc phục hưng Phật Giáo trên toàn thế giới mà đã bắt đầu từ từ vào thập niên 1880s.

Vào năm 1911, Suzuki kết hôn với Beatrice Erskine Lane, một sinh viên tốt nghiệp Trường Radcliffe và là tín đồ thông thiên học với nhiều liên hệ với Đạo Bahá'í tại Mỹ và Nhật.

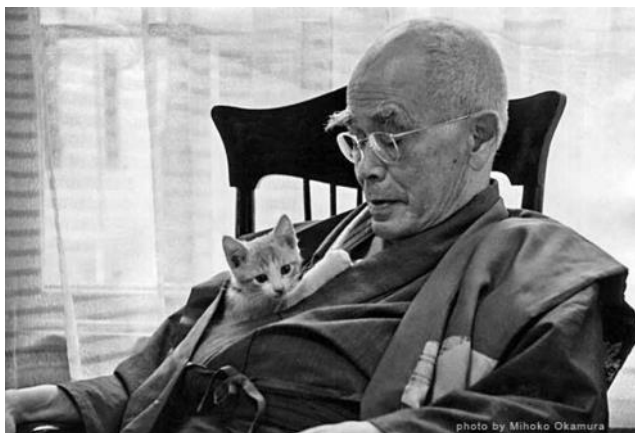
Ngoài việc sống ở Hoa Kỳ, Suzuki cũng đi qua Châu Âu trước khi trở về Nhật làm giáo sư. Vào năm 1909, Suzuki làm phụ tá giáo sư tại Đại Học Gakushuin và tại Đại Học Tokyo. Suzuki và người vợ đã cống hiến tận tình cho sự truyền bá kiến thức về Phật Giáo Đại Thừa. Cho đến năm 1919 họ sống tại một căn nhà thô sơ trên khu đất của Chùa Viên Giác, rồi dọn về Kyoto, nơi Suzuki bắt đầu làm giáo sư thực thụ tại Đại Học Ōtani University vào năm 1921. Trong khi ông ở Kyoto, ông đã đến viếng thăm Tiến Sĩ Hōseki Shin'ichi Hisamatsu, một học giả Phật tử Thiền, và họ đã cùng nhau thảo luận về Thiền tại Shunkō-in [Xuân Quang Viện] trong quần thể của Myōshin-ji [Diệu Tâm Tự].

Năm 1921, năm mà ông dạy tại Đại Học Ōtani, ông và vợ đã sáng lập Hội Phật Giáo Đông Phương. Hội này tập trung vào Phật Giáo Đại Thừa và cung cấp các bài giảng và các buổi hội luận, và xuất bản tạp chí học thuật có tên The Eastern Buddhist [Phật Tử Đông Phương]. Suzuki vẫn duy trì các mối quan hệ với Tây Phương, chẳng hạn, đọc tham luận tại Đại Hội Tôn Giáo Thế Giới vào năm 1936, tại Đại Học London (ông là giáo sư trao đổi trong năm này).

Ngoài việc dạy về thực hành Thiền và lịch sử Thiền Tông, Suzuki còn là một học giả chuyên môn về triết học tương quan, mà trong tiếng Nhật gọi là Kegon, mà ông cho là sự diễn giải trí tuệ của kinh nghiệm Thiền.

Là giáo sư triết học Phật Giáo trong những thập niên giữa thế kỷ hai mươi, Suzuki đã viết nhiều bài giới thiệu và nghiên cứu tổng quát về Phật Giáo, và đặc biệt về Thiền Tông. Ông đã thực hiện chuyến đi thuyết trình tại các đại học Mỹ vào năm 1951, và đã dạy tại Đại Học Columbia từ năm 1952 tới 1957.

Suzuki đặc biệt thích thú vào các thể kỷ hình thành của truyền thống Phật Giáo tại Trung Hoa. Nhiều bài viết của Suzuki bằng tiếng Anh liên quan đến các bản dịch và thảo luận của nhiều văn bản Thiền như Biyan Lu (Blue Cliff Record – Bích Nham Lục) và Wumenguan (Mumonkan/Gateless Passage –



Thiền Sư D.T. Suzuki người đầu tiên đưa Thiền vào Mỹ. (www.brainpickings.org)

Vô Môn Quan), đã ghi lại các cách dạy và những lời dạy của các thiền sư Trung Hoa thời xưa. Ông cũng thích thú trong cách mà truyền thống này, đã từng được du nhập vào Nhật Bản, đã ảnh hưởng đến tính cách và lịch sử Nhật Bản, và đã viết về điều này bằng tiếng Anh trong Thiền và Văn Hóa Nhật Bản.

Ngoài các tác phẩm về Đông Phương nổi tiếng, Suzuki đã dịch Kinh Nhập Lăng Già (Lankavatara Sutra) và viết chú giải về thuật ngữ tiếng Phạn của bộ Kinh này. Ông đã xem xét những nỗ lực của Saburō Hasegawa, Judith Tyberg, Alan Watts và những người khác là những người làm việc trong Viện Nghiên Cứu Á Châu California (California Academy of Asian Studies) mà hiện được biết là California Institute of Integral Studies, tại San Francisco vào thập niên 1950s. Trong những năm cuối đời, ông bắt đầu khám phá niềm tin Jōdo Shinshū [Tịnh Độ Chân Tông] của mẹ ông, và đã giảng dạy về Phật Giáo Tịnh Độ Chân Tông tại các Giáo Hội Phật Giáo Mỹ.

Suzuki đã thực hiện dang dở việc dịch sang tiếng Anh về Kyogyoshinsho [Giáo Hạnh Tín Chứng], giáo thuyết quan trọng của ngài Shinran [Thân Loan], là vị tị tổ của Tịnh Độ Chân Tông. Tuy nhiên, Suzuki đã không cố gắng phổ biến giáo nghĩa Tịnh Độ tại Tây Phương, vì ông tin rằng Thiền là thích hợp với sở thích Tây Phương đối với sự huyền bí của Đông Phương, dù ông được trích thuật nói rằng Phật Giáo Tịnh Độ Chân Tông là "sự phát triển đáng chú ý nhất của Phật Giáo Đại Thừa đã từng du nhập vào Đông Á." Suzuki cũng thích thú với sự thần bí Thiên Chúa Giáo và trong một số sự thần bí quan trọng nhất của Tây Phương, thí dụ, Meister Eckhart, là người mà ông so sánh với các truyền nhân của Tịnh Độ Chân Tông gọi là Myōkonin [Diệu Hào Nhơn]. Suzuki cũng là người đầu tiên mang nghiên cứu về Myōkonin cho các khán giả ngoài Nhật Bản.

Các tác phẩm khác của ông gồm "Essays in Zen Buddhism" [Thiền Luận – 3 cuốn, đã được Trúc Thiên và Thích Tuệ Sỹ

dịch sang tiếng Việt tại Việt Nam trước năm 1975], "Studies in Zen Buddhism" [Nghiên Cứu Về Phật Giáo Thiền], và "Manual of Zen Buddhism" [Cẩm Nang Về Phật Giáo Thiền].

Triết gia người Mỹ William Barrett đã biên soạn nhiều bài viết và khảo luận của Suzuki liên quan đến Thiền trong tuyển tập có tên "Zen Buddhism" được xuất bản vào năm 1956.

Quan điểm của Suzuki về Thiền

Thầy của Suzuki, thiền sư Soyen Shaku, đã viết sách xuất bản tại Hoa Kỳ do Suzuki dịch sang tiếng Anh, đã nhấn mạnh đến gốc rễ Phật Giáo Đại Thừa của truyền thống Thiền. Suzuki thì có quan điểm khác. Theo ông trong nhiều thế kỷ phát triển tại Trung Hoa, Thiền đã hấp thụ nhiều từ Lão Giáo của Trung Hoa bản địa. Suzuki tin rằng các dân tộc Viễn Đông nhạy bén, hay thích ứng, đối với thiên nhiên hơn người Âu Châu hay những người ở miền Bắc Ấn Độ.

Suzuki cho rằng sự giác ngộ của Thiền là mục đích của sự tu tập của truyền thống này, nhưng điều đó là những gì làm nổi bật truyền thống mà nó đã phát triển qua nhiều thế kỷ tại Trung Hoa là cách sống hoàn toàn khác từ các Phật Tử Ấn Độ, theo tác phẩm "Zen and Japanese Culture" [Thiền và Văn Hóa Nhật Bản] của Suzuki do Nhà Xuất Bản của Đại Học Princeton xuất bản năm 1970. Tại Ấn Độ, truyền thống của những vị khổ sĩ đã thịnh hành, nhưng trong hoàn cảnh xã hội Trung Hoa dẫn tới sự phát triển của chùa chiền và hệ thống tập trung tu tập mà trong đó vị trú trì và các tăng sĩ đều thực hiện các công tác thế gian. Những việc này gồm việc làm vườn, làm ruộng, làm thợ mộc, làm kiến trúc, giữ nhà, làm hành chánh, và làm thầy thuốc. Hệ quả là sự giác ngộ tìm kiếm trong Thiền phải đáp ứng tốt đối với các nhu cầu và những thất vọng có thể có của cuộc sống hàng ngày.

Suzuki thường được liên kết với trường phái triết học của Kyoto, nhưng ông không được xem là một trong những thành viên chính của nó. Suzuki thích thú trong nhiều truyền thống khác ngoài Thiền. Sách Thiền và Phật Giáo Nhật Bản của ông đã đi sâu vào lịch sử và phạm vi quan tâm của tất cả các trường phái Phật Giáo Nhật Bản chính.

Trong lúc học tại Đại Học Tokyo, Suzui đã thực hành Thiền tại Viên Giác Tự ở Kamakura lúc đầu với Kosen Roshi. Sau khi Kosen viên tịch, Suzuki tiếp tục học Thiền với người kế nhiệm Kosen tại Viên Giác Tự là Soyen Shaku.

Soyen Shaku dạy Suzuki chủ yếu là nội quán, tĩnh lặng, vô ngôn, ngồi thiền thật nhiều. Suzuki đã mô tả 4 năm học này là cuộc chiến tinh thần, thể chất, đạo đức và trí

tuệ. Trong thời gian tại Viên Giác Tự, Suzuki sống đời sống một tu sĩ. Ông diễn tả cuộc sống này và kinh nghiệm tại Kamakura trong cuốn sách của ông "The Training of the Zen Buddhist Monk" [Sự Tu Tập của Một Tu Sĩ Phật Giáo Thiền].

Suzuki đã miêu tả các khía cạnh của việc tu tập như là: một cuộc sống khiêm tốn; cuộc sống lao động; cuộc sống phụng sự; cuộc sống cầu nguyện và tri ân; và cuộc sống thiền định.

Trong phần tổng luận của tác phẩm "Essays in Zen Buddhism" của Suzuki do Trúc Thiên dịch sang tiếng Việt với tựa đề "Thiền Luận," Suzuki viết về cốt tủy của Thiền như sau:

"Thiền, cốt yếu nhất, là nghệ thuật chiếu kiến vào thể tánh của chúng ta; nó chỉ con đường từ triền phược đến giải thoát. Đưa ta đến uyên nguyên của cuộc sống uống ngụm nước đầu nguồn, Thiền cởi bỏ tất cả những gì ràng buộc chúng ta, những sinh linh hữu hạn, luôn luôn quẩn dưới ách khổ lụy trong thế gian này. Ta có thể nói Thiền khai phóng tất cả năng lực nội tại và tự nhiên tích tập trong mỗi người chúng ta, nguồn năng lực ấy, trong hoàn cảnh thường, bị co rút lại, và vụn tẻo đi, đến không vùng thoát đâu được.

"Thật vậy, thân thể ta có thể ví như một cục "pin" điện, trong ấy tiềm phục một năng lực huyền bí. Khi nguồn nội lực ấy không được vận dụng đúng cách thì, hoặc bị mồi meo mà mai một, hoặc nghịch biến mà phát loạn. Nên đó là chủ đích của Thiền, nhằm cứu ta hoặc khỏi khủng khiếp, hoặc khỏi tàn phế. Tôi muốn nói tự do là vậy, mở thông tất cả nguồn kích động đầy sáng tạo và tử hòa ấp ủ trong con tim chúng ta."

Trong Chương Thứ Năm của bộ "Thiền Luận" (bộ sách này gồm 3 cuốn, Trúc Thiên dịch cuốn một rồi qua đời, Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã tiếp tục dịch cuốn hai và ba) do Trúc Thiên dịch, Suzuki cũng đã lần nữa nhấn mạnh vào điểm cốt lõi giác ngộ của Thiền.

"Tinh yếu của Thiền cốt ở một nhỡn quang mới phóng vào cuộc sống, và vũ trụ nói chung. Thế nghĩa là, để thâm nhập trong đạo Thiền, ta phải vứt bỏ tất cả nếp cảm nghĩ thông thường điều khiển cuộc sống hằng ngày của chúng ta để cố tìm coi biết đâu còn có một đường lối nhận định khác hơn thói thường, hoặc nói đúng hơn, thử xem lối nhận định thông thường có đủ để đáp ứng trọn vẹn và rõ ràng những đòi hỏi của tâm hồn ta không. Nếu ta vẫn cảm thấy không vừa ý gì đó với cuộc sống này, nếu có cái gì trong nếp sống hằng ngày khiến ta như bị vướng mắc, thiếu tự do, theo nghĩa thiêng liêng nhất, ắt ta phải thử tìm ra một cái gì khác ngỏ hầu cuộc sống ta có được một cảm



Hình Đại Hội Tôn Giáo Thế Giới (Parliament of the World's Religions) lần đầu tiên được tổ chức tại Chicago vào năm 1893 mà trong đó cũng lần đầu tiên thiền sư Soyen Shaku là Thầy của Suzuki và D.T. Suzuki đã tham dự để từ đó ông bắt đầu công cuộc truyền bá Thiền vào Mỹ. (www.en.wikipedia.org)

giác ổn định và thoải mái. Thiền đề nghị làm việc ấy cho ta, và doan chắc có được cái nhìn mới ấy thì cuộc đời sẽ diễn ra trong một khuôn mặt tươi mát hơn, thâm trầm hơn, và thỏa đáng hơn.”

Truyền bá Thiền tại Mỹ

Triết gia Charles A. Moore cho rằng Suzuki trong những năm sau cùng của cuộc đời không chỉ là nhà báo tường trình về Thiền, không chỉ là một nhà giải thích, nhưng là một người đóng góp rất lớn cho sự phát triển của Thiền.

Thiền đã được truyền bá vào Hoa Kỳ vào cuối thế kỷ thứ 19 bởi các vị Thầy Nhật Bản là những người đến Mỹ để phục vụ các nhóm di dân Nhật Bản và trở thành quen với văn hóa Mỹ, theo www.en.wikipedia.org.

Sau Thế Chiến Thứ Hai, sự thích thú từ những người Mỹ không phải Á Châu đã gia tăng nhanh chóng. Điều này dẫn đến sự khởi đầu của truyền thống Thiền Mỹ bản địa mà cũng ảnh hưởng rộng lớn đến thế giới tây phương.

Vào năm 1893, Đại Hội Tôn Giáo Thế Giới đã được tổ chức tại Chicago. Nó là một sự kiện để giới thiệu các tôn giáo Châu Á cho các khán giả tây phương. Dù hầu hết các phái đoàn tới dự Đại Hội là Thiền Chúa Giáo của nhiều giáo phái khác nhau, các quốc gia Phật Giáo như Trung Hoa, Nhật Bản, Thái Lan, và Tích Lan cũng đã gửi các đại diện đến dự.

Thiền Phái Lâm Tế Nhật Bản đã được đại diện bởi thiền sư Soyen Shaku [Thích Tông Diễn], là sư phụ của D.T. Suzuki. Các đại diện Phật Giáo khác gồm nhà thông dịch người Nhật Zenshiro Noguchi; Anagarika Dharmapala, giáo sư Tích Lan; và Chandradat Chudhadharn là anh em của Vua Thái Lan Chulalongkorn. Paul Carus cũng đã tham

dự Đại Hội như một quan sát viên. Đại Hội lần đầu tiên tổ chức diễn đàn công khai mà trong đó các Phật Tử có thể diễn thuyết với thế giới Tây Phương. Dharmapala đã gây được ảnh hưởng đặc biệt bởi vì ông nói thông thạo tiếng Anh.

Vào đầu thế kỷ hai mươi, Thiền Lâm Tế là truyền thống Thiền Phật Giáo đầu tiên đã du nhập để bén rễ tại Bắc Mỹ. Dù Soyen Shaku, Nyogen Senzaki và Sokei-an là những thiền sư đầu tiên tiếp cận với khán giả tây phương, nhưng người duy nhất có ảnh hưởng quan trọng là D.T. Suzuki. Suzuki đã truyền bá Thiền với các tác phẩm tiếng Anh của ông.

Vào năm 1951, D.T. Suzuki trở lại Hoa Kỳ để làm giáo sư thỉnh giảng tại Đại Học Columbia, nơi các lớp giảng của ông đã thu hút nhiều người thuộc thành phần ưu tú trong giới văn học, nghệ thuật, và văn hóa. Vào năm 1958, báo Chicago Review đã thực hiện một chủ đề đặc biệt về Thiền, giới thiệu các tác phẩm của các nhà thơ thuộc Thế Hệ Beat cùng với các tác phẩm Thiền được chuyển dịch.

Sau khi Suzuki đặt viên đá đầu tiên để xây dựng ngôi nhà Thiền tại Mỹ, từ đó Thiền đã tiếp tục được truyền bá rộng rãi tại xứ Cờ Hoa, với nhiều vị thiền sư lỗi lạc như Thiền Sư Tuyên Hóa của Trung Hoa, Đức Đạt Lai Lạt Ma của Tây Tạng, Thiền Sư Thích Nhất Hạnh của Việt Nam, và nhiều vị tu sĩ và cư sĩ từ các nước Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan đã truyền bá phương pháp Thiền Chánh Niệm, v.v...

Ngày nay, Thiền Phật Giáo đã được phổ biến khắp Hoa Kỳ và trên thế giới để đáp ứng nhu cầu tâm linh và cuộc sống tại các xã hội văn minh vật chất Tây Phương như một phương pháp trị liệu hữu hiệu đối với đời sống đầy căng thẳng, bất an và khủng hoảng.

CÔNG DỤNG CỦA CHẤT XƠ

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG



Chất xơ (fiber) là một hỗn hợp chất tinh bột nằm trong màng tế bào của các loại thực vật.

Có 2 loại chất xơ:

- Loại không hòa tan trong nước, có trong các loại hạt nguyên trạng, vỏ các loại hạt, rau, trái cây. Các chất này hút rất nhiều nước.

- Loại hòa tan trong nước, có trong rau trái, gạo đỏ, yến mạch oats, lúa mạch (barley).

Nói chung, chất xơ có nhiều trong:

- Lá xanh của các loại rau. Củống lá có nhiều xơ hơn rễ và củ;
- Thực vật tươi, không chế biến
- Vỏ các loại hạt và vỏ rau trái cây;
- Hạt nảy mầm (giá đậu).

Các chất này đều không được tiêu hóa và có rất ít giá trị dinh dưỡng. Tuy nhiên khi ăn vào thì chất xơ có một số tác dụng tốt được nhiều người tin theo và khoa học thực nghiệm cũng phần nào đồng ý.

(trích đoạn từ bài "Chất Xơ" của Bs. Nguyễn Ý Đức)

1- Chất xơ với táo bón

Vì không hòa tan trong nước và khi được ăn với nhiều nước, chất xơ có thể là mồn thuốc an toàn và hữu hiệu để phòng tránh bệnh táo bón. Nó làm mềm và tăng lượng phân để bộ tiêu hóa dễ dàng thải ra khỏi cơ thể. Ngoài ra, khi vào đến ruột già, nó được vi sinh vật tranh nhau ăn, tạo ra nhiều hóa chất có hơi (gas). Các hơi này kích thích ruột già làm người ta mót "đi cầu". Một nhận xét cụ thể là trâu bò ăn cỏ, rơm rất nhiều chất xơ nên phần rất to và mềm.

2- Chất xơ với bệnh viêm túi ruột già:

Trên vách ruột già thường nổi lên những túi nhỏ tý tẹo, mà theo bác sĩ Lauren V. Ackerman của đại học Nữ Ước thì hầu như người lớn nào cũng có. Mỗi khi thức ăn bị

ngưng đọng trong những túi đó thì gây ra tình trạng viêm túi ruột già (diverticulosis). Vì không hòa tan trong nước, chất xơ có thể ngăn ngừa sự thành hình các túi nhỏ đó bằng cách giảm thiểu sự táo bón và giảm sự căng phồng của ruột già trong việc tổng khứ chất phế thải.

Tại Western General Hospital bên Ái Nhĩ Lan, người ta có thể ngăn ngừa sự tái phát ở bệnh nhân mới giải phẫu bệnh viêm túi ruột bằng cách cho ăn nhiều chất xơ.

3- Chất xơ với ung thư ruột già:

Ung thư ruột già hiện giờ đứng hạng thứ nhì trong các loại ung thư ở Mỹ và gây tử vong cho nhiều chục ngàn người mỗi năm. Dinh dưỡng đã được nhắc nhở đến như một cách để phòng ngừa bệnh này.

Viện Ung thư Quốc gia Hoa Kỳ và nhiều tổ chức y tế công tư khác chủ trương và khuyến khích bằng cách giảm tiêu thụ chất béo và tăng thực phẩm có chất xơ. Các khuyến cáo này được kết quả của nhiều nghiên cứu khoa học hỗ trợ.

Có hàng chục cuộc khảo sát đã chứng minh chất xơ có khả năng phòng ngừa bệnh ung thư ruột già. Một cuộc nghiên cứu ở bệnh viện Nữ Ước năm 1989 cho thấy là chất xơ ngăn chặn sự xuất hiện của các mụn thịt thừa (polyp) ở ruột già và hậu môn. Những mụn này có khuynh hướng phát triển thành bướu ung thư.

Năm 1992, tờ công báo của Viện Ung Thư Quốc gia Hoa Kỳ cũng thông báo kết quả một cuộc khảo sát rộng lớn cho thấy chất xơ giúp ngăn chặn sự sinh trưởng của các mụn tiền ung thư (precancerous polyp).

Viện Ung thư Quốc gia Hoa Kỳ, Hội Ung Thư Hoa kỳ khuyên nên dùng từ 25- 30 gr chất xơ mỗi ngày.

4- Chất xơ với bệnh tim mạch:

Bác sĩ James Anderson của Đại Học Y khoa Kentucky, Hoa Kỳ đã dành nhiều chục năm nghiên cứu công dụng chất xơ với bệnh

tim mạch và tiểu đường. Theo ông ta, chất xơ nhất là từ lúa mạch, giảm cholesterol bằng cách làm gan bớt chế tạo mỡ béo LDL và tăng HDL.

Nghiên cứu của bác sĩ Hugh Trowell, Anh quốc, thấy là bệnh tim mạch ở quốc gia này tăng đều cho tới năm 1939 rồi giảm trong thời kỳ chiến tranh, khi mà vì hạn chế thực phẩm dân ăn nhiều lúa mì có nhiều chất xơ. Sau thế chiến bệnh tim mạch lại gia tăng. Một nghiên cứu khác cho người tình nguyện ăn nhiều bơ thì cholesterol lên rất cao, nhưng khi thêm chất xơ vào khẩu phần thì cholesterol giảm xuống tới 20%. Cholesterol cao trong máu đã được coi như nguyên nhân gây một số bệnh tim mạch và là đề tài của nhiều nghiên cứu khoa học cũng như câu chuyện để nói khi mọi người gặp gỡ.

5- Chất xơ với bệnh tiểu đường

Tiểu đường là một nhóm bệnh trong đó đường glucose ở máu lên cao. Bệnh này do hoặc thiếu Insulin hoặc giảm tác dụng của Insulin trong cơ thể. Bệnh rất phổ biến và đưa đến nhiều điều không tốt cho sức khỏe, khả năng làm việc, phẩm chất đời sống con người. Nó cũng ảnh hưởng tới nền kinh tế quốc gia vì số bệnh ngày càng gia tăng, người bệnh hoạn nhiều, rất tốn kém cho sự chăm sóc lâu dài.

Ngoài dược phẩm, hướng dẫn dinh dưỡng và thay đổi nếp sống có thể giúp giữ bình thường đường glucose trong máu. Dinh dưỡng rất công hiệu lại rẻ tiền, an toàn. Theo kết quả các nghiên cứu của các bác sĩ James W. Anderson, thực phẩm có chất xơ có nhiều khả năng bình thường hóa đường trong máu, giảm đường sau bữa ăn, tăng công hiệu của Insulin. Theo ông ta, loại chất xơ hòa tan trong nước rất công hiệu vì nó tạo ra một lớp keo (gel) lỏng ngăn không cho đường hấp thụ vào ruột và có thể làm giảm đường trong máu tới 30%.

Người mắc bệnh tiểu đường cũng hay bị chứng vữa xơ động mạch vì triglyceride lên cao. Bác sĩ Anderson cho hay chất xơ có thể làm giảm loại mỡ này và mỡ xấu LDL và làm tăng mỡ lành HDL.

6- Chất xơ với bệnh mập phì

Người bị phì mập thường vì ăn nhiều, nhất là chất mỡ, mà lại không sử dụng, nên năng lượng dư thừa tích tụ trong cơ thể. Tiết chế ăn uống là điều cần thiết để giảm ký. Phần nhiều thực phẩm giàu chất xơ đều

nghèo chất béo, không có chất dinh dưỡng cho nên là món ăn lý tưởng cho những người muốn xuống cân.

Ngoài ra, thực phẩm giàu chất xơ cần thời gian lâu hơn để ăn nhai, không được tiêu hóa và hấp thụ ở bao tử, thường làm người ta no mau và no lâu, do đó giảm nhu cầu ăn nhiều, một điều kiện để khỏi mập phì. Chất xơ thiên nhiên có công hiệu hơn viên chất xơ.



7- Chất xơ với bệnh ung thư vú

Một nghiên cứu mới đây của Hội Sức Khỏe Mỹ Quốc (American Health Foundation) ở thành phố Nữ Ước cho thấy là cám lúa mì (wheat bran) rất giàu chất xơ không hòa tan trong nước, có khả năng giảm thiểu lượng estrogen trong máu. Từ đó người ta suy đoán rằng chất xơ trong cám lúa mì có thể giảm thiểu nguy cơ mắc bệnh ung thư vú. Các khảo sát về vấn đề này đang còn tiếp diễn.

Kết luận

Mặc dù chất xơ được coi như món quà thiên nhiên mà Thượng Đế tặng cho loài người để tăng cường sức khỏe, như lời bác sĩ Denis Burkitt nói cách đây từ hơn 30 năm, nhưng hầu như chúng ta không tận dụng món quà đó.

Theo các nhà chuyên môn, mỗi ngày nam giới nên tiêu thụ 30gr, nữ ít hơn: 21gr chất xơ. Tuy nhiên nhiều người chỉ ăn rất ít. Có lẽ nhiều người thấy rằng sự ích lợi của chất xơ mới chỉ được biết tới qua kết quả quan sát cách ăn uống của dân chúng, trên các thử nghiệm chứ chưa được khoa học chứng minh.

Trong khi đó, theo thống kê, quý vị lão trường dường như biết tới công dụng của chất xơ cho sức khỏe nên rất năng dùng. Đó là nhờ ở kinh nghiệm của tuổi già. Cho nên các vị này dùng nhiều rau, trái cây để có nhiều chất xơ ngõ hầu sức khỏe được tốt lành hơn.

Mấy điều nên nhớ khi định dùng thêm chất xơ:

- Coi xem mình cần ăn bao nhiêu mỗi ngày rồi tăng dần dần chứ không nên ăn quá nhiều ngay từ lúc ban đầu.
- Nhớ uống thêm nước vì chất xơ hút nước rất mạnh.
- Dùng vừa đủ với nhu cầu.
- Nên ăn nhiều loại chất xơ khác nhau.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức M.D.
www.bsnguyenyduc.com

NHÀ THƠ WOESER: TỪ BẮC KINH VIẾT VỀ TÂY TẠNG

Nguyễn Giác

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Nhà văn nổi tiếng nhất trong nền văn học viết bằng tiếng Trung Quốc để kêu gọi bảo vệ nền văn hóa Tây Tạng có lẽ là Tsering Woesser. Chị là nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhà hoạt động nhân quyền, và là người viết blog nổi tiếng được nhiều giải thưởng văn học và nhân quyền quốc tế. Và đương nhiên Woesser liên tục bị bao vây, cô lập.

Tên Tây Tạng của chị là Tsering Woesser. Chữ Woesser trong tiếng Trung Hoa dịch là Duy Sắc. Tên chị trong ngôn ngữ Trung Hoa là Chéng Wénsà (phiên âm: Trình Văn Tát). Woesser sinh năm 1966 tại Lhasa. Như thế, năm nay chị 54 tuổi. Một phần tư dòng máu trong người nhà thơ Woesser là Hán tộc, và ¾ là Tây Tạng. Ông nội của Woesser là người Hán, một sĩ quan trong quân đội Trung Hoa Quốc Dân Đảng, và thân phụ chị là một sĩ quan cao cấp trong Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân TQ.

Khi Woesser còn rất trẻ, gia đình chị dọn về thị trấn Kham ở tỉnh Tứ Xuyên. Năm 1988, chị tốt nghiệp khoa văn chương Trung Hoa tại đại học quốc dân tây nam Southwest University for Nationalities tại Chengdu (Thành Đô), làm phóng viên nhật báo Ganzi Daily. Tháng 3/1990, chị trở thành Chủ bút tạp chí văn học Tibetan Literature có tòa soạn tại Lhasa và ấn hành bằng tiếng Trung Hoa. Woesser trở thành một thành viên trong Hội Nhà Văn Trung Hoa ("Chinese Writers' Group") – một nhóm nhà văn sắc tộc Tây Tạng viết bằng tiếng Trung Hoa. Từ nơi này, ý thức chính trị hình thành trong suy nghĩ của chị. Sau đó chị về Bắc Kinh sống từ năm 2003 vì bị truy bức chính trị.

Thi tập đầu tiên của Woesser là Tây Tạng Tại Thượng (Tibet Above), do Thanh Hải Nhân Dân Xuất Bản Xã ấn hành năm 1999. Kế tiếp, tác phẩm văn xuôi, gồm nhiều truyện ngắn và tùy bút có nhan đề là Tây Tạng Bút Ký (Notes on Tibet), do Hoa Thành

Xuất Bản Xã ấn hành tháng 1/2003. Tổ chức Tây Tạng lưu vong Tibet Information Network cho biết tác phẩm này bị nhà nước TQ ra lệnh tịch thu từ tháng 9/2003. Vài năm sau, tác phẩm này ấn hành tại Đài Loan với nhan đề Danh Vĩ Tây Tạng Địch Thi, do nxb Đại Khối Văn Hoa in năm 2006.

Đọc bài thơ nhan đề "Quá Khứ" (The Past) của chị làm năm 2002, chúng ta nhìn thấy những suy nghĩ của Woesser chuyển biến từ vị trí nhà văn được đào tạo thời Cách Mạng Văn Hóa từ từ bước qua vị trí người phê bình chế độ. Bài thơ chị làm khi nhìn một ngọn núi tuyết Vân Nam. Ngọn núi có tên Kawagarbo là rặng núi cao nhất trong tỉnh Vân Nam, nằm ngay biên giới giữa Vân Nam và Tây Tạng, được người Tây Tạng xem là ngọn núi linh thiêng để hành hương. Nơi rặng thấp nhất của dãy núi là 20 đỉnh núi có tên là Mai Lý Tuyết Sơn (Meili Xue Shan, tiếng Anh là Meili Snow Mountain) trong đó có 6 đỉnh núi cao hơn 6,000 m và là nơi tuyết chảy xuống để hình thành sông Mekong (còn gọi là Sông Cửu Long). Người Tây Tạng tin rằng trong núi có nhiều nơi các vị thần cư ngụ, và một lối đi quanh núi để hành hương với thời gian đã dài tới 240 km. Bài thơ dịch như sau.



Nhà thơ Tây Tạng Woesser (phải) và chồng là nhà văn TQ Wang Lixiong. Wikipedia

Hai vợ chồng nhà văn bất đồng chính kiến

CHÁNH PHÁP SỐ 109, THÁNG 12.2020

45

QUÁ KHỨ

--- Thơ Woesser

Đỉnh núi tuyết phủ này, tan chảy, không phải núi tuyết của tôi.

Các núi tuyết của tôi là các núi của quá khứ

Xa nơi chân trời, trong sạch và linh thánh:

Nhiều hoa sen, tám cánh nở ra

Oh, nhiều hoa sen, tám cánh nở ra.

Hoa sen này, héo tàn, không thể là hoa sen của tôi

Hoa sen của tôi là hoa sen của quá khứ

Ôm lấy các núi tuyết, yêu thương

Nhiều lá cờ cầu nguyện, ngũ sắc lung lay

Oh, nhiều lá cờ cầu nguyện, ngũ sắc lung lay.

*Quá khứ, quá khứ... một quá khứ như thế
Một người đón chờ thiên về che chở quê hương tôi*

Như một vị lạt ma canh thức trên các thần thức

Như một đại khuyến đứng gác bên lều

Nhưng người đón chờ thiên bây giờ đi từ lâu rồi

Người đón chờ thiên bây giờ đi đã từ lâu.

(Tháng 9/2002.

Vân Nam, nhìn ngọn núi Mt. Khawa Karpo)

Woesser sinh tại Lhasa. Cha của chị là một tư lệnh phó của một đơn vị địa phương của Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân TQ. Gia đình chị hưởng sự ưu đãi từ chính phủ CSTQ. Woesser nói, "Trước kia, tôi cứ nghĩ quân đội CSTQ vào Tây Tạng để giải phóng dân Tây Tạng." Năm chị 4 tuổi, gia đình chị dọn về tỉnh Tứ Xuyên (Sichuan) trong vùng cư dân Tây Tạng. Woesser và các bạn thế hệ trẻ được giáo dục bằng tiếng TQ. Không có môn học nào bằng Tạng Ngữ cả. Cho dù là nói được tiếng Tây Tạng, Woesser cũng như nhiều người cùng thế hệ, không bao giờ học hay viết tiếng Tây Tạng. Sau khi có bằng Cử Nhân Văn Học Trung Quốc, chị về Lhasa. Chị



Những ngọn núi tuyết Tây Tạng



Lhasa, thủ đô Tây Tạng

kể, "Kiểu suy nghĩ của tôi chẳng thực tế tí nào. Điều tôi muốn chỉ là làm thơ thôi."

Năm 1999, Woesser xuất bản tập thơ đầu tay của chị, nhìn ngẫm lại căn cước Tây Tạng và đương đầu với các vấn đề tế nhị cách gián tiếp, sử dụng thi tính và ẩn dụ. Cuốn sách kể tiếp của chị, một tuyển tập các bút ký, thì nói trực tiếp, và công an không chờ đợi lâu đã ra lệnh cấm lưu hành. Woesser nhận được quyết định là sẽ bị sa thải khỏi tạp chí văn học của nhà nước, nếu chị không sám hối về các sai lầm chính trị. Thế là chị mất hết thu nhập, mất tiền hưu bổng và mất sự an toàn. Chị kể, "Bài viết của tôi quá hiển nhiên rồi. Cha tôi cứ luôn dạy tôi là tôi phải vâng lời Đảng CS khi đảng nói, và rằng khi tôi viết thì phải quân bình giữa điều tôi cảm xúc và những gì đảng nói ra. Nhưng tôi thấy không thể làm thế."

Chị dọn nhà tới Bắc Kinh, và năm sau kết hôn với nhà văn Wang Lixiong, cũng là một nhà văn bất đồng chính kiến và là người đã hỗ trợ cho chị trong những thời điểm chuyển biến của đời chị. Chị không nhìn nhận sai lầm chính trị nào hết, mà lại còn viết thêm các sự thật về Tây Tạng. Nếu chị không in được ở TQ, chị sẽ in ở Hồng Kông hay Đài Loan. Nếu TQ không chịu nghe chị, có thể thế giới bên ngoài sẽ nghe. Vào lúc chị rời Lhasa, chị đã bước vào 1 chủ đề nhạy cảm khác - chuyện về Cách Mạng Văn Hóa ở Tây Tạng, dựa vào các cuộc phỏng vấn với 70 người tham dự. Công trình này, sau trở thành chủ đề 2 cuốn sách chị xuất bản ở Đài Loan, thực sự khởi phát từ cảm xúc qua các tấm ảnh mà cha của chị đã chụp - hình ảnh các ngôi chùa bị đập phá, và những người bị cho là kẻ thù giai cấp bị đánh và hạ nhục đầu tổ công khai. Lúc đó, không có bao nhiêu tài liệu về Tây Tạng thời này, và các học giả mong muốn được dịch sách của chị ra Anh ngữ. Một cuốn đã dịch sang Pháp ngữ.

Nhà văn Woesser có một định mệnh bi thảm: sinh trong gia đình một cán bộ CS Tây



Máy ảnh nhận diện đặt khắp các góc phố Lhasa, trong bài thơ "Mắt để quốc" của Woesser

Tạng, được giáo dục hoàn toàn bằng tiếng Trung Quốc; khi tốt nghiệp Cử Nhân Văn Học Trung Quốc xong, chị chỉ nói được tiếng Tây Tạng nhưng không hề biết đọc hay biết viết chữ Tây Tạng. Và khi chị tỉnh thức, thì việc đấu tranh đòi nhân quyền cho người Tây Tạng của chị phức tạp và nặng nề hơn các nhà dân chủ Trung Quốc mà chị quen biết ở Bắc Kinh.

Bài viết nhan đề "A Lone Tibetan Voice, Intent on Speaking Out: Writer Seeks to Chronicle Events in Areas Hit by Crack-down" (Một Tiếng Nói Tây Tạng Đơn Lẻ, Đề Lên Tiếng: Nhà Văn Tìm Cách Ghi Lại Các Sự Kiện Ở Những Vùng Bị Đàn Áp) của phóng viên Jill Drew viết với trợ giúp của nhà nghiên cứu Liu Liu đã đăng trên báo Washington Post hôm Thứ Ba 6-5-2008, đã kể về trường hợp nhà văn Woesser.

Sáng nào cũng thế, bài báo viết, mọi chuyện đều y hệt: nhà văn nữ Woesser, lúc đó 41 tuổi, thức dậy và ngồi vào bàn vi tính để viết, để tìm cách xuyên thủng bức màn im lặng đang bị nhà nước phủ chụp xuống Tây Tạng, quê hương của chị. Nhà văn Woesser thường sử dụng bút danh có một chữ, theo truyền thống Tây Tạng, biết rằng chị có cơ nguy bị bắt. Tiếng nói của chị là một trong những tiếng nói Tây Tạng duy nhất từ trong Trung Quốc vẫn còn đưa được ra thế giới bên ngoài các thông tin rằng chính phủ TQ đã bắt hàng trăm người, và đã phong tỏa mọi truyền thông từ các vùng dân Tây Tạng cư trú.

Bài báo cho biết, cho dù chị sống ở Bắc Kinh, Woesser vẫn có liên lạc khắp vùng Tây Tạng, và nhờ đó chị chuyển các thông tin vào trang blog của chị kể từ khi bùng phát những cuộc biểu tình ngày 14-3-2008 tại Lhasa. Chính phủ CSTQ nói rằng các cuộc biểu tình gây ra bởi những người bạo lực chủ trương ly khai. Nhưng Woesser đưa ra chuyện kể khác - rằng một trong các cuộc biểu tình phát khởi là vì bất mãn âm ỉ từ lâu đối với chiến dịch CSTQ đàn áp văn hóa Tây Tạng và Phật Giáo.

Chuyện không dễ gì. Các tin tặc nhà nước TQ đã đột kích liên tục các trang blog của Woesser, trong khi an ninh TQ ra lệnh quản thúc tại gia đối với chị. Cảnh sát cảnh cáo rằng chị phải ngưng viết về Tây Tạng. Lúc đó, trả lời người cảnh sát này, Woesser, nhà văn đương đại Tây Tạng được thế giới biết nhiều nhất, kể lại, "Tôi đã nói với ông ta, 'Ngoài chuyện Tây Tạng, tôi không còn quan tâm nào về viết nữa.' Tôi muốn ghi lại toàn bộ lịch sử và là một nhân chứng đối với chuyện đang xảy ra hiện nay."

Các bài viết của chị không được CSTQ ưa chuộng. Sách của nhà văn Woesser bị cấm, và 3 trang blogs khác nhau mà chị thực hiện trên các máy chủ Trung Quốc đã bị đóng cửa. "Không chỉ riêng tôi đâu. Nhiều học giả không có quyền phát biểu gì hết. Các trang blogs và websites của họ cũng bị chặn lại." Nhà văn Woesser nói thế trên cuộc phỏng vấn trong năm 2008 qua điện thoại từ căn hộ ở tầng lầu thứ 20 ở một chung cư tại Bắc Kinh. Dù là lệnh quản thúc tại gia được gỡ bỏ, nhưng an ninh vẫn quan sát chị từ khu chung cư, và khi đi đâu cũng bị theo dõi.

Chị không nghĩ gì nhiều về Phật Giáo trước khi về Lhasa; ba mẹ của chị không theo tôn giáo nào, vì họ là đảng viên CS. Nhưng ngay khi trở về Tây Tạng, Woesser kể, chị bị thu hút với Phật Pháp và bắt đầu trân quý nền văn hóa này. Quan điểm chính trị của chị cũng thay đổi. Sau khi một người bạn của chị trở về từ Hồng Kông với cuốn tự truyện của Đức Đạt Lai Lạt Ma, Woesser đọc ngẫu nhiên. Khi CSTQ can thiệp vào việc lựa chọn Đức Ban Thiên Lạt Ma thứ 11, và chọn một cậu bé theo ý Đảng CSTQ lên làm nhân vật cao cấp thứ nhì trong Phật Giáo Tây Tạng, Woesser cảm thấy bị xúc phạm y như các bạn Tây Tạng của chị. Woesser giải thích, "Trung Quốc kiểm soát các nhà sư nghiêm ngặt. Khi bạn sống ở Tây Tạng, và nghe và thấy mọi chuyện hàng ngày, bạn sẽ thay đổi [cách nhìn]."

Woesser nhiều lần xin thông hành, nhưng cứ bị cấm du lịch ra ngoài nước. Tới giờ, vẫn không thành vấn đề, chị nói. Căn chung cư nhỏ ở Bắc Kinh là nơi ấm áp, trang trí kiểu Tây Tạng, và chị thấy thoải mái ở đó, cả ngày ngồi trước máy vi tính, ngoại trừ khi đi tới các khu vực Tây Tạng để ghi nhận. Nhưng kể từ ngày 14-3-2008, chị nói, đời sống ở Bắc Kinh đã rất gay gắt. Khi chị cảm hứng, chị làm thơ. Nhưng hầu hết là chị ghi lại các hồ sơ có thể có về Tây Tạng. Theo chị tường trình về thời kỳ gay gắt này, ít nhất 150 người Tây Tạng bị giết ở các vụ bạo động ở Lhasa, chứ không chỉ 22 người hầu hết là gốc Hán tộc bị chết như chính phủ nói. Chị nói, "Đôi khi tôi cảm thấy sợ, đặc biệt khi tôi nghe tin các bạn tôi bị đánh. Nhưng tôi cảm

thấy tôi có trách nhiệm làm chuyện này. Một số chuyện rất khó để biết bây giờ, nhưng nếu tôi biết chuyện gì, tôi sẽ phải viết ra."

Bài thơ nhan đề "Mắt của Đế quốc" nguyên thủy viết bằng tiếng quan thoại, đăng trên trang web Radio Free Asia và trên blog của chị vào tháng 2/2018, do Palden Gyal dịch sang tiếng Anh với nhan đề "Eye of the Empire" – kể về hình ảnh các máy ảnh theo dõi tại Lhasa, được ngụy trang bề ngoài trong hình một vòng xoay cầu kính. Loại máy ảnh này gắn trên đường phố Tây Tạng và Tân Cương có khả năng ghi lại, so sánh và nhận diện khuôn mặt người dân. Sau đây là bản Việt dịch.

MẮT CỦA ĐẾ QUỐC

--- Thơ Woesser

*Loại mắt nào kia?
Vâng, nó hẳn là một con mắt
của lòng tham vô tận:*

*Một mắt của tham lam, sân hận,
sĩ mê, ghen tỵ và kiêu căng
- đầy những tia máu.*

*Trong Sáu Đường Luân Hồi,
mắt này của tất cả chúng sinh
không tự cứu được và cũng
không được cứu nổi*

*Và như thế mới thích nghi với
hình ảnh của một đế quốc hùng mạnh.*

*Ngày đó, hẳn tới không ai
mời, người học giả mặt tái mét kia.*

*Mím trên môi nụ cười lạnh lẽ
quá mức*

*Nhưng hành vi không khiêm
tốn chút nào*

*Khi hẳn mau chóng chiếm chỗ
ngồi chính giữa*

*Mở hàm răng lờm chờm
những sương và tuyết*

*Thò móng vuốt hệt như móng
sắc của chim ưng*

*Tôi không dám nhìn vào mắt
hắn nữa*

*Cặp mắt hẳn lóe ra 5 thứ độc
được*

*Và nó có thể dễ dàng kiểm
soát và chiếm đoạt các thần
thức.*

(Ngày 19/1/2018, Bắc Kinh)



CÒN LÀ...

*Sao cho mình sạch lấy mình
Từ bi, bác ái công bình làm gong
Quyết tâm theo một con đường
Con đường Phật Pháp cho đời thăng hoa
Vì ta là bướm là hoa*

Là tâm rộng lượng hài hòa trời xanh

Cũng là giọt nắng long lanh

Là bông hoa nở trên cành cây cao

Là muôn ngàn các vì sao

Là tiếng bầy trẻ xôn xao cười đùa

Còn là hoa cúc, hoa ngâu

Còn là con đé đêm ngày gáy vang

Còn là những nụ hoa vàng

Còn là chim hót trên cành bằng lăng

Còn là thu mới vừa sang

Còn là hạt cát sông Hằng lượn quanh

Còn là giọng hát thanh thanh

Còn là bát ngát trời tâm, vô bờ

Còn là hơi thở ra vô

Còn là dòng suối Chân Không tuôn trào

Còn là bướm lượn cành đào

Còn là tánh Phật thường hằng linh quang

.....

Hỏi ai ai có biết chăng?

Kể sao cho hết! ... trùng trùng duyên sinh

Ngoài TÂM chẳng thể có mình

Thiên hình, vạn trạng cũng từ tâm đây

Tuyệt vời Phật Pháp cao sâu

Sương mù tan biến hiện bày bên xưa.

thơ

DIỆU VIÊN

Truyện cực ngắn

HOÀNG LONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

ĐIỂM MỐC

Thành phố, vốn là nơi núi non trùng điệp những tòa cao ốc, giờ đã trở nên thân thuộc với anh. Anh đã dành cho nơi đây những tháng ngày đẹp nhất của tuổi trẻ. Sự ngây thơ chưa biết đến thói đời hiểm độc đã giúp anh trút hết sức mình cho ước mơ khao khát. Thành phố khi đó đầy những chốn mộng mơ, những quán tình lưu luyến. Những tháng ngày đối diện với hiện thực tàn khốc, thấy mình nhỏ nhoi giữa rừng người và núi nhà, anh vẫn cố gắng nuôi dưỡng ước mơ, chắt chiu từng cơ hội nhỏ nhất. Những chốn anh ngồi một mình trầm tư, những quán vắng nghe mình tan nát

ẩn hiện khắp nơi giữa chợ đời. Từng mùa người đi qua, phố phường vẫn vậy, anh già thêm tuổi nhưng vẫn mãi là mình của ngày xưa. Còn hơn cả việc sống sót, anh đã ghi dấu đời mình vào bao nhiêu sự hiện diện ẩn khuất của ngữ ngôn ẩn mật riêng mình và được gọi là thành công theo ngôn ngữ của người đời. Rất nhiều khi cơn bốc đồng đưa anh lơ lửng khỏi mặt đất khiến anh thấy mình bị lâm nguy. Để tránh phạm những sai lầm ngu ngốc, anh nhớ lại những chỗ ngồi ngày xưa, hình thành một bản đồ tâm trí. Những nơi đã là căn cứ cho anh nấu mình khi xưa giờ đã trở thành điểm mốc để nhắc nhở những niềm đau cũ hay

trở thành điểm hẹn để anh gặp lại chính mình. Mỗi ngày, anh cố gắng sắp xếp đi qua một vài điểm mốc như thế, nếu có thể thì ghé vào uống ly cà phê để chào ngày mới và cảm ơn ngày cũ. Những điểm mốc đó níu chân anh luôn bước đi trên mặt đất trong khi vẫn ngẩng cao đầu hướng đến ước mơ. Thành phố trở thành quen thuộc và anh luôn có chỗ ngồi. Dù chỉ một mình với già nua tuổi tác. Nhờ những điểm mốc thân thuộc đó mà những ngày tháng cũ không bao giờ nhạt phai và anh có thể giữ cho ước mơ của mình sống mãi.

BẠC THẦY

Đôi khi anh ngắm nhìn công trình của mình đang ngồi sáng trong ánh chiều tà mà ngỡ như của một ai đó khác. Những đường nét hài hòa toát ra một vẻ cân đối chắc chắn. Những dãy hành lang, khung cửa sổ, hàng gạch đỏ bừng sáng trong ánh chiều như những bức tranh tĩnh vật. Công trình đang tỏ ra quyền uy và không ngừng bật ra lời giảng giải trong trăm mặc kiêu hùng. Anh đã xây được ba mươi mấy công trình như thế. Mỗi cái một kiểu riêng nhưng tất cả đều in đậm dấu cá tính, khả năng của anh. Đôi khi anh dành hầu hết thời gian trong ngày chỉ để ngắm nghía vừa



thường thức vừa để tìm xem có chỗ nào cần sửa chữa hay kiện toàn thêm nữa hay không? Trước đây anh từng nghĩ sau khi xây dựng vài chục công trình mình sẽ đi rao giảng về nghệ thuật kiến trúc, tìm thêm một vài môn đệ có thể giúp sức xây được một thứ gì đó lớn lao hơn. Nhưng người đời càng ngày càng nóng vội, ham mê những điều ngọt ngào có sẵn; hầu như không có ai dám bỏ ra hàng mấy năm trời học hỏi và rèn luyện thêm trong vòng hai mươi năm để xây dựng một điều gì đó bền vững riêng cho mình. Đối với họ, cuộc sống như vậy khổ cực quá. Có kẻ còn chửi anh điên. Đời ngắn mà, phải lo hưởng thụ đi chứ? Họ khuyên anh như vậy. Từ đó anh lặng lẽ tập trung vào công việc của riêng mình. Đối với anh, ngắm nhìn công trình của mình uy nghi trong ánh chiều tà đã là một điều hưởng thụ. Anh không đòi hỏi gì hơn. Những công trình của anh sẽ tồn tại bao lâu anh cũng không muốn biết. Anh đã từng nhìn thấy công trình mình yêu mến một thời gây cảm hứng cho anh đổ sụp ngay trước mắt mình sau khi anh chiêm nghiệm học hỏi và quay lại để chiêm ngưỡng hàm ơn. Thì ra là vậy. Khi một đại sự nhân duyên đã tựu thành thì tất cả đều chỉ là phương tiện. Nếu có người nào sau này muốn tìm cảm hứng hay nghiên cứu đôi chút về anh, công trình của anh luôn còn đó uy nghi. Như thể anh luôn giảng bài trong im lặng. Cho dù họ sẽ học hỏi được thêm chút gì để xây công trình riêng của mình hay có thể phá đổ công trình của anh để xây dựng một thứ gì đó mới mẻ lớn lao hơn thì đối với anh đó cũng là điều vui mừng. Đó là chút đóng góp nhỏ nhoi của anh trong một kiếp đời luôn đi tìm cái đẹp tuyệt đối thượng đẳng. Anh làm thêm vài ba món nhắm, nâng ly rượu phản



chiếu ánh chiều tà chói sáng, nhâm nhi ngắm nhìn công trình của mình. Hôm nay lúc nào cũng là ngày tươi đẹp của cái đang hiện hữu. Và đó cũng là cảm hứng cho một công trình nào khác nữa của ngày mai.

CANH THỨC

Anh ngồi xuống trước hiên nhà cũ. Đã bao nhiêu mùa trăng trôi qua. Chính tại nơi này gần ba mươi năm trước, anh là một chú bé xách đèn lồng đi chơi Trung Thu. Đứa bé đó bây giờ là đã một người trung niên gần bốn mươi tuổi, nhuốm phần mỗi mọt và cũ mờ theo thời gian. Nhưng tóc anh còn xanh đen, mắt anh còn giữ được nét trong trẻo của những ngày thơ ấu. Anh cố gắng không để thế giới làm thay đổi con người của mình. Đối với anh đó luôn là thành công lớn nhất. Càng bước lên cao, cạm bẫy và mưu toan càng bủa vây anh dữ dội. Những lời dụ dỗ cũng đường mật thâm sâu hơn, lời dọa nạt càng thêm phần khủng khiếp. Nhưng anh có những giá trị riêng của mình để đưa ra quyết định và chọn lựa. Anh học hỏi mỗi ngày, cố gắng để không bị lòng tham và ngu

đần dẫn lối, càng không để cho dục vọng sai khiến mình. Cuộc sống của anh bình yên trong sự tối giản. Anh cũng bớt sân hận đi nhiều. Chẳng cần làm mình mất sức như vậy. Trên thế gian này, loại người nào cũng có, lời độc địa nào cũng có thể phun ra. Đừng bao giờ mong chờ người khác thay đổi. Anh luôn nhắc nhở mình phải thật tỉnh táo hơn, kiên nhẫn nhiều hơn. Từng bước từng bước đi đều không được khinh suất. Anh nuôi dưỡng lòng can đảm qua các quyết định nhỏ hàng ngày. Chỉ cần một chút chệch hướng bây giờ có thể làm anh hối tiếc về sau. Khi quay về căn nhà cũ, anh muốn mình phải thật hài lòng với từng kỷ niệm, từng bước chân đi, từng viên sỏi nhỏ, từng cơn gió la đà với lá thông reo. Khi nhìn lại một ngày anh phải thấy thật mãn nguyện với chính mình. Điều đó giúp anh có được giấc ngủ ngon. Trong giấc mơ sâu kín, anh thấy mình quay về căn nhà cũ, vui đùa như những ngày xưa. Đứa trẻ đó vẫn luôn chơi đùa như vậy từ bao giờ, vẫn luôn ngồi đó canh thức cho anh, nhắc nhở anh phải giữ gìn tâm hồn mình cho thật cẩn thận. Và anh phải luôn sẵn sàng như một chiến binh, canh gác muốn đời một kho báu tâm thức.

The Story of a Woman of Jealous Disposition

Dhammapada Verses 314

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (314) of this book, with reference to a woman who was by nature very jealous.

Once, a woman with a very strong sense of jealousy lived with her husband in Savatthi. She found that her husband was having an affair with her maid. So one day, she tied up the girl with strong ropes, cut off her ears and nose, and shut her up in a room. After doing that, she asked her husband to accompany her to the Jetavana monastery. Soon after they left, some relatives of the maid arrived at their house and found the maid tied up and locked up in a room. They broke into the room, untied her and took her to the monastery. They arrived at the monastery while the Buddha was expounding the Dhamma. The girl related to the Buddha what her mistress had done to her, how she had been beaten, and how her nose and ears had been cut off. She stood in the midst of the crowd for all to see how she had been mistreated. So the Buddha said, "Do no evil, thinking that people will not know about it. An evil deed done in secret, when discovered, will bring much pain and sorrow; but a good deed may be done secretly, for it can only bring happiness and not sorrow."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

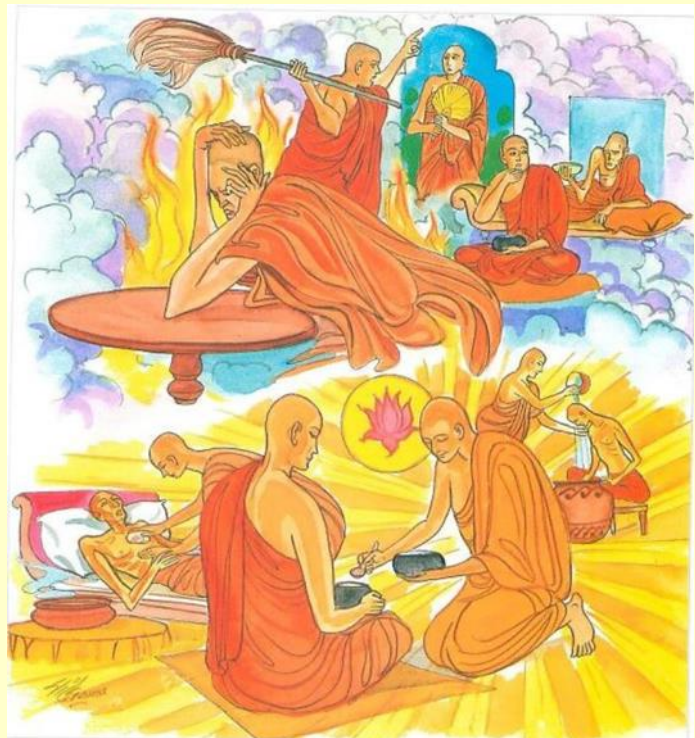
Verse 314: It is better not to do an evil deed; an evil deed torments one later on. It is better to do a good deed as one does not have to repent for having done it.

At the end of the discourse the couple attained Sotapatti Fruition.

Translated by

Daw Mya Tin, M.A.,

Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.



Evil is better undone. It does torment the doer. Good deeds done never to torments lead.

314. *Akatarā dukkatārā seyyō
pacchā tappati dukkajam
katarā ca sukatarā seyyō
yam katvā nānutappati. (22:9)*

Better an evil deed not done
for misdeed later on torments.
Better done is deed that's good,
which done, does not torment.

ĐẬU HŨ XÀO MỘC NHĨ ỚT CHUÔNG

Ớt chuông có nhiều vitamin C và chất chống oxy hóa như lycopene, para-coumaric acid. Ngoài chất xơ, trong ớt chuông cũng có chất đạm (protein) và vitamin B1, B2, B3, B5, B6, B9 nữa.

Nguyên liệu:

- 2 bìa đậu hũ
- 3 quả ớt chuông (màu xanh, đỏ, vàng)
- 5 tai nấm mèo (mộc nhĩ)
- Vài cọng ngò
- Nước tương
- Hạt nêm chay
- Đường

Thực hiện:

1. Đậu hũ cắt miếng chữ nhật.



2. Ớt chuông cắt đôi bỏ hạt rồi cắt miếng vuông.



3. Mộc nhĩ ngâm nước cho nở, rửa sạch, bỏ chân, sau đó cắt miếng vuông.



4. Đậu hũ đem chiên cho vàng đều rồi vớt ra để ráo dầu.

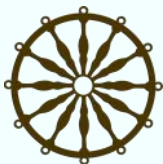
5. Cho mộc nhĩ, ớt chuông vào chảo xào khoảng 2 đến 3 phút.

6. Sau đó cho đậu hũ đã chiên vàng vào xào thêm 2 phút nữa. Nêm nước tương, hạt nêm và đường cho vừa ăn tùy khẩu vị.

7. Cho ra đĩa, trang trí vài cọng ngò và ớt chuông cắt khoanh.



Thực hiện & hình ảnh: Vũ Quỳnh / Việt Nam Ăn Chay



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
TỔNG VỤ TỪ THIÊN XÃ HỘI

Chùa An Lạc – 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218 – U.S.A.
Tel.: (317) 545-1234 * (408) 329-3199

THÔNG TƯ

V/V CỨU TRỢ NẠN NHÂN LŨ LỤT MIỀN TRUNG 2020

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Thiên Đức Tăng - Ni,
Kính thưa Quý Đồng Hương Phật Tử,

Tin tức từ báo chí và các nguồn tin từ các trang mạng Việt Nam toàn cầu cho biết mưa lớn và lũ lụt tàn khốc đã tràn ngập khắp các tỉnh miền Trung và Nam Trung Bộ Việt Nam (Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên) từ ngày 07.10.2020 cho đến cao độ với mực nước dâng cao 8 mét, là ngày 12.10.2020, khiến cho 17 người thiệt mạng và trên 20 người bị mất tích, cùng với hơn 100 nghìn ngôi nhà và trường học, công sở bị hư hại.

Lũ lụt cũng làm cho hàng nghìn trụ điện bị gãy đổ khiến nhiều thành phố mất điện, ngưng trệ các sinh hoạt và người dân phải sống trong bóng tối mấy ngày đêm liên tục, cũng không thể liên lạc với bên ngoài bằng điện thoại. Ngoài ra, hàng chục ngàn mẫu lúa và hoa màu bị ngập úng trong nước, nhiều đoạn đường của quốc lộ và thành phố bị ngập, không thể thông thương khiến cho việc ủy lạo, cứu đói cũng khó thực hiện. Ở ven biển thì nhiều tàu cá bị chìm, hư hỏng; các lồng bè nuôi trồng thủy sản, hải sản đều bị tổn thất.

Trước thảm cảnh nhiều gia đình trắng tay, đói khát, không nơi trú thân khi nước lũ ngập lênh láng những xóm làng, Tổng Vụ Từ Thiên Xã Hội thiết tha kêu gọi chư tôn đức Tăng Ni và đồng bào phật-tử hãy cùng lắng lòng, quán niệm Từ Bi, thương nghĩ đến các nạn nhân khổ đau hoạn nạn tại quê nhà, tùy hỷ lạc quyền tại địa phương của mình, khẩn cấp cứu trợ quê nhà, hoặc đóng góp tịnh tài, chi phiếu, xin đề AN LAC TEMPLE hoặc HUYEN KHONG MONASTERY, gửi về một trong hai địa chỉ sau đây: 1) **Chùa An Lạc – 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218**; hoặc 2) **Tu Viện Huyền Không - 14335 Story Road, San Jose, CA 95127**. Phần Memo xin vui lòng ghi: “Lũ Lụt Miền Trung 2020”. Mọi đóng góp của quý vị sẽ có biên nhận (receipt) với ID Tax của Chùa để quý vị có thể khai miễn thuế nếu cần.

Hiện nay, các cán sự xã hội của Tổng vụ Từ Thiên Xã Hội đang từng giờ theo dõi, tìm cách cứu đói khẩn cấp cho những nạn nhân đang lâm cảnh không nhà, không bếp. Sau khi nước rút, Tổng vụ sẽ tiến hành cứu trợ rộng rãi tại các địa phương nghèo khó bị thiệt hại nặng nhất, hầu góp phần dựng lại đời sống ổn định sau thiên tai.

Thành kính tri ân và cầu nguyện cho quý ngài và quý đồng hương phật-tử vô lượng an lạc, vô lượng cát tường.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát
San Jose, ngày 13 tháng 10 năm 2020
Tổng Vụ Từ Thiên Xã Hội
Tổng Vụ Trưởng,

Tỳ Kheo Ni THÍCH NỮ NGUYỄN THIỆN

DANH SÁCH CHƯ TẶNG NI VÀ PHẬT TỬ ỦNG HỘ CỨU TRỢ LỮ LỤT MIỀN TRUNG

Thông qua Tổng vụ Từ Thiện Xã Hội
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ
(Updated 31/10/2020)

1	Chùa An Lạc (Indiana) & Tu Viện Huyền Không (SJ)	\$5,000.00
2	Tu Viện Bồ Đề - TT. Thích Thánh Trí	\$5,000.00
3	Linh Sơn Niệm Phật Đường - PT. Đức Chánh	\$500.00
4	Nguyễn Văn Ninh - Wichita (C. An Lạc)	\$1,000.00
5	Diệu Trang - NY (C. An Lạc)	\$200.00
6	Chương Văn Hoàng	\$200.00
7	Thong Nguyen	\$100.00
8	Khanh Nguyen	\$200.00
9	Chiêu Nguyen	\$200.00
10	Roy Hoar	\$200.00
11	Anh chị Hoàng Ngọc Ẩn (TV. Huyền Không)	\$200.00
12	Chùa Phật Tổ - HT. Thích Thiện Long	\$7,381.00
13	Tổng Hội Cư Sĩ - PT. Huỳnh Tấn Lê	\$5,000.00
14	Chùa Quảng Ninh - TT. Thích Phước Mỹ	\$1,200.00
15	PT. Ân Danh (TX. Minh Đăng Quang)	\$20.00
16	Chùa Phước Đức - SC. Thích Nữ Phước Quang	\$1,000.00
17	Chùa Huệ Quang - HT. Thích Minh Mẫn	\$1,000.00
18	Chùa Liên Hoa - HT. Thích Chơn Thành	\$10,000.00
19	Chùa Diệu Quang - SC. Thích Nữ Tịnh Tâm	\$500.00
20	Chùa Phật Đà & Tu viện Pháp Vương	\$5,000.00
21	GD. Phật Tử Chánh Kiến - Như Lai Thiền Tự	\$5,000.00
22	Như Lai Thiền Tự - HT. Thích Minh Hồi	\$2,000.00
23	PT. Xuân Ngọc (Tổ Đình Minh Đăng Quang)	\$200.00
24	Chùa Trí Phước - HT. Thích Phước Thuận	\$1,000.00
25	Chùa Khánh Hỷ - TT. Thích Pháp Tánh	\$1,000.00
26	Tịnh Xá Giác Lý - HT. Thích Giác Sĩ	\$1,000.00
27	Chùa Bát Nhã - HT. Thích Nguyên Trí	\$1,000.00
28	Hội PT. An Lạc Pháp - HT. Thích Nguyên Trí	\$1,000.00
29	Ông Bà Viên & Miên	\$300.00
30	Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại - HT. Thích Tín Nghĩa	\$1,000.00
31	Thiền Viện Chân Không - HT. Thích Thông Hải	\$2,000.00
32	Tổ Đình Minh Đăng Quang - HT. Thích Minh Tuyên	\$1,000.00
33	Chùa Duyên Giác - HT. Thích Nhựt Huệ	\$2,000.00
34	Tổng vụ Ni Bộ - NT. Thích Nữ Giới Châu	\$1,000.00
35	Chùa Quang Thiện - HT. Thích Minh Dung	\$3,000.00
36	Dung Van Thai	\$600.00
37	Chùa Diệu Quang GA - TT Thích Phước Mỹ	\$1,770.00
38.	P.V. MĐQ Tổ Đình Giác Nhiên SC. Ngọc Liên	\$1,000.00

Tổng cộng

\$72,502.00

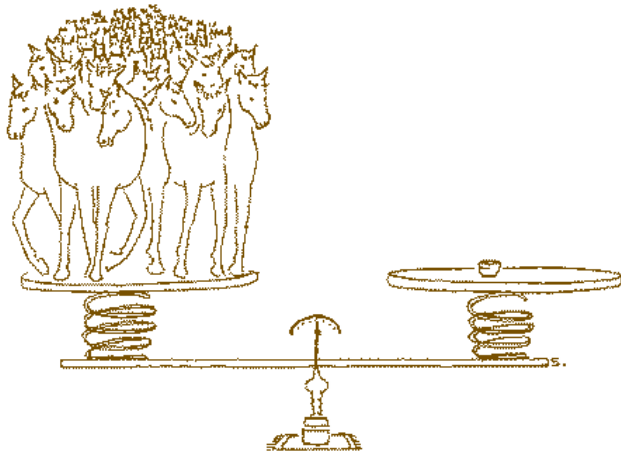
NGƯỜI ÁN ĐỊNH GIÁ CẢ

Nơi miền bắc Ấn Độ xưa
Trong vương quốc nọ có vua trị vì
Giúp vua là vị quan kia
Có tài định giá những gì bán buôn
Đưa ra giá xứng hợp luôn
Thật thà, chính xác, chuyên môn, lành nghề.
Riêng nhà vua lại thường chê
Vì tiền lời chẳng mang về đây tay
Khi quan định giá kiểu này
Vua không được lợi, muốn thay quan rồi,
Khi mua muốn trả ít thôi
Đến khi bán lại muốn lời thật cao.
Một hôm may mắn làm sao
Có chàng trẻ tuổi lọt vào mắt vua
Nhìn chàng vua thấy rất ưa
Nghĩ thầm: "Chọn hẳn rất ư hợp tình
Làm quan định giá triều đình
Chắc là hợp ý với mình lắm đây!"
Thế là vua cách chức ngay
Ông quan già cả bị thay tức thì
Nhà vua chỉ định chàng kia
Làm quan định giá, đưa về hoàng cung.
Anh chàng trẻ nghĩ trong lòng:
"Ta nên tìm cách chiêu ông vua này
Mua vào định giá thấp thay,
Bán ra thời định giá này thật cao!"
Thật khôi hài biết là bao
Ông quan định giá cả sao lạ kỳ
Chẳng cần đếm xỉa chút gì
Thực ra giá trị hàng kia thế nào!
Tiền lời như nước tuôn vào
Tham lam vua nọ biết bao hài lòng
Trong khi các kẻ quanh ông
Từ quan cho tới dân không vui gì
Mỗi khi họ có hàng chi
Nghe chàng định giá tức thì buồn thay.

*

Thế rồi cho đến một ngày
Có ông buôn ngựa tới đây bán hàng
Năm trăm ngựa, cả một đoàn
Một bầy đủ giống sẵn sàng bán đi.
Vua mời ông lái buôn kia
Vào hoàng cung để dễ bề bán buôn
Cho mời chàng trẻ tuổi luôn
Vào theo định giá những con ngựa này.
Anh chàng vội nghĩ ngợi ngay

Làm sao cho vị vua đây hài lòng
Nên chàng nói chẳng ngại ngần
"Năm trăm con ngựa hợp chung lại rồi
Giá bằng một chén gạo thôi!"
Vua nghe thỏa mãn, tức thời chuẩn y
Lệnh mang một chén gạo kia
Trả cho ông lái, còn chỉ chân chừ
Lệnh mang đám ngựa vừa mua
Vào trong chuồng ngựa của vua ngay liền.
Tất nhiên ông lái buồn phiền
Nhưng ngay lúc đó lặng yên, cam đành,
Sau này ông được nghe danh
Về quan định giá chân thành trước đây
Công bằng liêm khiết xưa nay
Nên ông tìm gặp quan này luôn thôi
Và ông kể hết đầu đuôi
Việc mua bán ngựa vừa rồi trong cung
Muốn quan cho ý kiến chung
Để rồi đòi hỏi vua cùng phải theo.
Quan bèn nói khó chi nhiều
Hãy làm theo đúng những điều sau đây
Thời vua phải biết đến ngay
Bao nhiêu giá trị của bầy ngựa kia:
"Quay tìm chàng trẻ tuổi đi
Biếu chàng một món quà chi đắt tiền
Rồi nhờ chàng chịu cảm phiền
Vào cung định giá gạo thêm một lần
Trước nhà vua và quần thần
Nếu chàng đồng ý muôn phần tốt thay
Chúng ta chuẩn bị vào ngay
Gặp vua giải quyết chuyện này để thôi!"
Ông buôn ngựa y theo lời
Tìm chàng tuổi trẻ, đến chơi, tặng quà
Món quà giá trị, xa hoa
Khiến chàng bất chợt thật là mừng vui
Chàng bèn nghĩ cách chiêu người
Chiêu người buôn ngựa lời ôi dễ dàng.
Ông buôn ngựa nói với chàng
"Khi anh định giá cho đoàn ngựa tôi
Trước đây, tôi thỏa mãn rồi
Nay về chén gạo tôi thời nhờ anh
Làm sao định giá khôn lanh
Và rồi thuyết phục vua đành phải nghe"
Chàng trai trẻ nói: "Khó gì
Dù vua có mặt, sá chi chuyện này!"
Anh chàng nghĩ thật thơ ngây



*Nghĩ rằng ông lái buôn đây hài lòng
Bán đi đoàn ngựa thật đông
Nhận về chén gạo là xong chuyện rồi.
Chàng xin ngày gặp vua thôi
Vì ông buôn ngựa sắp rời nơi đây.*

*

*Ông buôn ngựa quay lại ngay
Trình quan định giá trước đây sự tình
Cả hai cùng đến triều đình
Gặp vua chờ đợi tình hình diễn ra.
Hôm nay phòng họp hoàng gia
Tụ về đông đủ vua và các quan
Ông buôn ngựa tới thưa rằng:
"Bữa này tôi đã sẵn sàng về thôi
Biết là bầy ngựa của tôi
Giá bằng một chén gạo nơi chốn này,
Trước khi đi, thật quý thay
Nếu ngài chỉ dạy cho hay một lời:
'Tại nơi vương quốc của ngài
Gạo kia một chén giá thời là bao?'"
Nhìn chàng "tuổi trẻ tài cao"
Là người định giá từ lâu trung thành
Nhà vua bèn hỏi: "Này khanh
Gạo trong vương quốc của mình giá sao?"
Vẻ ngông nghênh, đáng tự hào
Sau khi quạ đã nhận vào đây tay
Muốn làm vui nhà buôn này
Anh chàng bèn đáp về đây nghiêm trang:
"Xin tâu bệ hạ hay rằng
Gạo kia một chén giá ngang kinh thành
Thành Ba La Nại của mình
Bao gồm thêm cả cung đình hoàng gia
Thêm vùng phụ cận gần xa
Nói chung giá trị thật là lớn lao
Sánh ngang vương quốc kém đâu
Nước Ba La Nại trước sau giá bằng!"*

*Khi nghe vừa dứt lời chàng
Tức thời toàn thể các quan triều đình
Cùng người có mặt chung quanh
Khấp trong phòng họp phá nhanh ra cười
Sau khi bình tĩnh lại rồi
Họ cùng lên tiếng: "Chúng tôi biết là
Từ lâu vương quốc chúng ta
Coi là vô giá vậy mà giờ đây
Lâu đài cung điện đẹp xây
Cùng toàn thể đất nước này cộng chung
Giá sao nghe thật lạ lùng
Chỉ bằng một chén gạo không hơn gì
Anh chàng định giá ngồì kia
Được vua lựa chọn thật kỳ cục thay
Anh ta chỉ giỏi nịnh hay
Làm cho bệ hạ lâu nay hài lòng
Có đâu chính xác mà mong
Khả năng định giá hẳn không biết gì!"
Triều đình vang tiếng cười chê
Nhà vua nghe vậy mặt thì đỏ gay
Trong lòng thật xấu hổ ngay
Vì tham lam khiến lâu nay mê mờ.
Vua mời quan định giá xưa
Đặt vào chức vụ cũng như thuở nào
Quan già lương thiện lắm sao
Đưa ra giá cả biết bao công bằng
Ngựa kia định giá đàng hoàng
Nhà vua xét lại vội vàng chuẩn y.
Từ bài học đó trở đi
Nhà vua sáng suốt trị vì quốc gia
Công minh, chính trực, thật thà
Nơi nơi thịnh vượng, nhà nhà ấm êm.*

*

NHẬN DIỆN TIỀN THÂN
Quan già ân định giá cả là tiền thân Đức Phật.

thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(thi hóa, phỏng dịch theo bản văn xuôi THE
PRICE MAKER của Ven. Kurunegoda
Piyatissa & Tod Anderson)

Lộc của đất

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Lúc đào hố bỏ đất phân để trồng bụi hoa leo Sứ Quân Tử phía bên ngoài tường ở góc trái căn nhà mới, tôi đã thấy nó.

Nó là một đoạn dây lá tươi xanh mơn mớn, chỉ dài khoảng hai gang tay, bò trên khoảnh cát vàng trên lô đất trống đang chờ một cuộc giao dịch mua bán thông suốt chuyển giao sở hữu.

Nó là dây dưa. Dưa Hấu. Nó lớn rất nhanh qua từng đêm. Khi đã dài một thước, đã ra được bốn nụ hoa. Và chỉ thoát một cái, mấy nụ hoa rụng tàn hết, nhường đất sống cho một trái dưa hấu nho nhỏ. Khi phát hiện, trái dưa chỉ bằng trái bing bong, chỉ qua vài đêm tự do vươn sống góp mặt với thế giới ta bà hỗn độn, nó đã to bằng trái banh ni tennis rồi. Dây dưa cứ hướng về phía con đường nhỏ người qua xe lại mà bò ra, nên sáng nào cũng được "bé lái" cho bò ngược lại, vô phía bên trong lô đất trống...

Bà xã tôi chăm sóc nó mỗi sáng sớm, bỏ thêm phân hữu cơ vào gốc, tưới đều. Còn đứa con gái rệu và thảnh quý tử của tôi cũng thích thú, vì hình như lần đầu tiên trong đời tụi nó chứng kiến một dây bò "đậu" một trái dưa hấu dễ thương, được theo dõi hằng ngày để thấy kích cỡ của trái dưa thay đổi lớn hơn, to hơn, tròn hơn...

Ban đầu, tôi gọi trái dưa hấu xuất hiện đem niềm vui nhỏ lại cho gia đình mình là "Duyên của Nhà." Người ăn dưa nhà hạt có thể là một anh, hay chị trong nhóm thợ xây dựng, nhà xong rồi thì thôi, đâu cần biết... hậu quả, đâu thể ngờ được là sẽ có một hạt dưa trong mớ cả trăm hạt dưa của một trái dưa được chia năm xẻ bảy sẽ hội đủ duyên để đâm chồi nảy lộc, đơm hoa kết trái trên cái lô đất ngổn ngang xà bần. Không ai trồng, không ai nuôi dưỡng, không ai bảo bọc và cho phép dây dưa này sinh trưởng ngoài... Đất, nên tôi gọi lại cho đúng hơn là "Lộc của Đất".



"Lộc của Đất" được các thành viên trong gia đình vốn xưa nay đều là "dân thành thị hiện đại chính cống" quan tâm, cưng thương, theo dõi chăm sóc từng ngày với một tình cảm mới lạ, đầy hứng thú. Không ai mong nó lớn to thiệt mau để "thu hoạch," chỉ thích nó - cả dây và dưa - cứ hiện hữu nơi đó, tồn tại nơi đó cho vui nhà vui đất, vậy thôi. Chứ đâu ai thèm thích được bổ trái dưa ra mà ăn cho mát miệng no bụng. Mà có thèm thích đi nữa thì chỉ cần chạy ra chợ bỏ một trái to dùng nặng trịch mang về mà bỏ ba cắt bốn để ọt, nhanh gọn. "Lộc của Đất" được cưng thương, và tôn trọng, khác rất nhiều với bao trái dưa đang nằm trên quầy sạp ngoài chợ đời bát nháo...

Một ngày hôm kia, buổi chiều thấy trời chuyển mây đen xám xịt, linh cảm và thấy bất an sao sao đó, tôi cầm máy ảnh ra chụp "Lộc của Đất" vài kiểu lưu làm kỷ niệm. Đến tối thì có hai vợ chồng anh bạn từ trung tâm thành phố lên chơi, thăm nhà tôi từ dưới lên trên, từ trong ra ngoài... Khi được tôi dắt ra "giới thiệu" trái dưa hấu đang to bằng trái banh có đường kính một gang tay người lớn, anh bạn rất thích thú, bật quẹt gas lên

ngắm kỹ, rồi nói:

"Coi chừng bị hái trộm..."

"Ai đâu mà hái trộm vậy trời?" Tôi phì cười.

Sáng hôm sau, bà xã tôi xách xe đi chợ sớm, thấy trái dưa đã... biến mất, chỉ còn lại dây lá bò trên đất buồn hiu.

Rồi, xong.

"Lộc của Đất, Duyên của Người." Duyên của mình đến đó là chấm dứt.

Bà xã tôi buồn bực nhở luôn cả gốc dây dưa. Thằng quý tử nghe tin cũng kêu trời, trách kẻ hái trộm "không biết điều." Còn tôi, tôi chỉ còn biết mong cho ai đó hái trái dưa mang về nhà, bỏ ra, sẽ được một bữa no, ngon miệng, mát lòng.



LẮNG NGHE CHÍNH MÌNH

Sở đời,
Hãy lật sang trang
Quá khứ đã qua,
Đừng vương mang
Tương lai chưa tới,
Thôi vọng tưởng
Hiện-pháp-lạc-trú
Tâm sẽ bình an !

Thực tập chánh-niệm
Hãy ngồi thật yên
Lắng nghe chính mình
Là bước đầu tiên
Để hiểu, để thương
Lắng nghe người khác
Có hiểu, mới thương
Có an, mới lạc !

Hạnh phúc nào, đang trên tay
Nhận diện, tri ân, hiến tặng
Tình sen nghĩa đạo,
Không vui không đầy !

Bước chậm lại, để cảm ơn
Bông hoa bên đường, nở ngát hương
Tương giao vạn hữu, nào xa cách
Khi đồng ngôn ngữ: “Hiếu và Thương”

(Tào-Khê tịnh thất – Thiền hành ven suối,
Cảm niệm lời chia sẻ Hiếu và Thương từ
Tăng Thân Làng Mai)

NIỆM PHẬT MÀ ĐI

Biệt nghiệp, cộng nghiệp
Đời trước, đời sau
Vô minh tạo nghiệp
Biển khổ chìm sâu

Như chim xập bầy
Như cá mắc câu
Oan ung ràng buộc
Nối tiếp thương đau

Lời Đức Thế Tôn
Từ bi dẫn lộ
Phật-tánh như nhau
Hãy mau giác-ngộ!

Ân đền, oán xả
Nợ trả, ơn ghi
Hiện tiền chánh-niệm
Trên từng bước đi

Trần gian cõi tạm
Đừng lưu luyến gì
Tâm an, ý lạc
Niệm Phật mà đi!

(Tào Khê tịnh thất – Thời khóa tụng sám-hối)

thơ HẠNH CHI

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



TRỤ VÀO ĐÂU

Hoà thượng nói pháp sau khoá Phật thất:

- Đại chúng đừng trụ đầu cả, chỉ trụ vào câu Phật hiệu, rồi sẽ có lúc đạt được thanh tịnh tâm!

Một người hỏi:

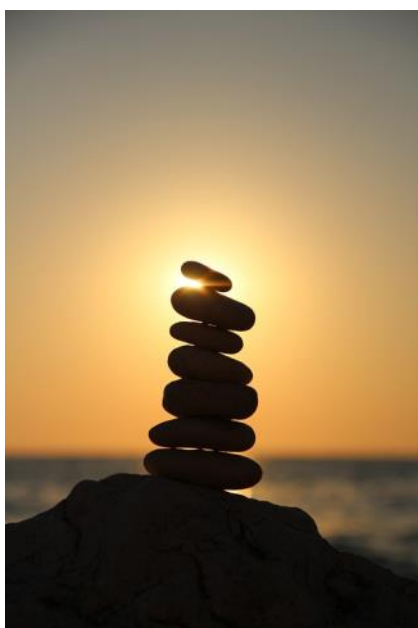
- Thưa thầy, kinh Kim Cang bảo: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm,” vậy có mâu thuẫn chăng?

Thầy tuyên bố:

- Trụ mà vô trụ ắt sanh kỳ tâm.

Người ấy cười sáng khoái, khoa chân múa tay ra vẻ thông suốt. Hoà thượng đập cho một thiền trượng rồi cười:

- Anh đang trụ vào: hỷ, nộ, ái, ố... coi chừng chưa sanh kỳ tâm mà đã sanh kỳ cục.



Người ấy ngộ gì hổng biết mà sụp lạy và tạ ơn thầy chỉ giáo.

CHƠN TÂM KHÔNG HOẠI

Có kẻ ngoại đạo cuồng tín, tâm địa hẹp hòi xông vào chùa đập tượng, xé kinh sách. Dư luận bất bình, nhà chức trách vào cuộc, báo chí cũng đến đưa tin. Họ thấy thầy vẫn bình tâm không sân hận bèn hỏi:

- Thầy không hận thù nhưng chí ít cũng bắt bọn ác báo đền chứ?

Thầy bảo:

- Không cần đâu, tượng vỡ, kinh rách nhưng tâm tử bi, lòng bao dung còn nguyên vẹn nào có hề chi!

Phóng viên lại nói:

- Tượng và kinh là pháp bảo kia mà!

Thầy cười

- Tượng với kinh cũng là giả tướng, có hợp sẽ có tan, chơn tâm không hư hoại theo giả tướng.

Phóng viên cùng các nhân viên công lực không nói gì thêm, chỉ xá tạ thầy lui ra.

CHÁNH TÍN

Mỗ trồng cây sấu đông trước sân, người nhà cảm râm:

- Cái tên nghe hổng khá nổi, trồng chi cho nó vụn vào người?

Hàng xóm láng giềng cũng góp ý:

- Trồng cây này không tốt đâu.

Mỗ bảo:

- Phước phần, mệnh số do mình tạo, cây cối vô tình sao có thể quyết định được?

Mấy năm sau cây cho bóng mát, con trẻ kéo đến vui chơi, mỗi chiều hương thơm khắp cả xóm. Người ta còn đến xin lá về nấu nước trị ghê chốc, ủ trái cây cho mau chín... Mỗ vui sướng cao hứng ra vẽ đối và bảo ai đối được thì bao châu nhật tới bến luôn.

Cây sấu đông không mọc đông sâu chẳng ở đâu sông có sáo đông sâu

Ày vậy mà kể từ năm ấy đến giờ chưa thấy ai đối dạng.

TƯỜNG GÌ

Mỗ có người bạn khá thân, anh ta không có chánh kiến rõ ràng, đức tin cũng mơ hồ kiểu như chỉ theo đạo thờ ông bà mà thôi. Người ấy thấy thầy lên tiếng vì dân oan nước loạn, quan nha những nhiễu hoạnh hoệ và bị báo chí thân chính đấu tố, chụp mũ. Chẳng những không ủng hộ thầy mà anh còn nói:

- Tường gì, té ra ông thầy cũng thị phi yêu ghét như mọi người!

Một ngày kia ở trong hăng, anh ta thấy nhóm người tự xưng Vegan ăn bánh hamburger nên cười chê:

- Tường gì, xưng vegan mà cũng ăn hamburger, vậy có khác gì bọn ăn thịt?

Mỗ lấy cái bao bì chỉ cho anh ta xem:

- Đây là bánh chay, tuy cũng hamburger nhưng làm từ đậu nành!

Anh ta tỏ vẻ tẽn tò, bấy giờ mới cười:

- Tưởng gì, thấy vậy nhưng nào phải vậy!

LUÂN HỒI

Hai người vốn là bạn nối khố, hoàn cảnh xã hội đẩy đưa họ xa nhau và thành đối lập nhau. Kẻ thì thuận hậu sống hiền lương và có tín tâm. Người thì bá đạo, cường bạo chẳng sợ trời đất chi cả. Hai người gặp nhau, kẻ cường bạo bảo:

- Anh lạc hậu yếm thế quá! Tôi đây lập trường chuyên chính vững vàng, chẳng mê tín mấy chuyện vu vơ thần thánh, thiện ác, nhân quả luân hồi!

Bạn anh ta cười:

- Trước kia chui nhủi núi rừng, lẫn trong bóng đêm, nay ngôi cao có quyền sinh sát trong tay há chẳng phải một lần luân hồi sao?

Thế rồi đường ai nấy đi, lối ai nấy sống, băng đi một thời gian lại ngã hẹp gặp nhau. Người có quyền thế giờ giàu kinh khủng. Anh ta bỏ hàng tỉ tiền để cầu cơ, hầu đồng, hiến phủ, tế miếu khắp nơi, hể nơi nào đồn đại linh thiêng anh ta đều tìm đến để lễ. Bạn cũ lại cười:

- Lúc trước khi dễ nay thì mê, thế là lại luân hồi lần nữa đấy nhé!

NHÂN TAI

Thủy Tinh đến thăm Sơn Tinh, nhìn cảnh sơn cung tang hoang lòng ngao ngán:

- Xưa tôi với anh vì Mỹ Nương mà đánh nhau, mỗi năm cũng chỉ gây lụt có một lần, giờ họ xây hồ, xây đập nặng thì tích nước, mưa thì xả ào ào làm cho lũ lụt mấy bận một năm. Ấy vậy mà có ông tiến sĩ bảo: "Xả hồ cứ như tát vại chậu nước vào con kênh", ngu dốt và bỗ láo đến thế là cùng!

Sơn Tinh rên rỉ:

- Bọn họ cào sạch rừng, xẻ nát núi, phá tang hoang rú... giờ mưa là đất lở, núi sập. Có ông phó thủ ở triều đình bảo: "Nặng lắm mưa nhiều nên lở đất chứ chẳng phải do phá rừng, xẻ núi", nói thế thì đến con nít nó cũng khi dễ chứ nói chi đến bậc thức giả!

Có vị thần rừng nghe hai vị than thở cũng góp lời:

- Nhân tai còn đáng sợ hơn cả thiên tai, tội cho những nạn nhân chịu chung cộng nghiệp đã đành, nhưng cũng có phần tại họ. Họ luôn cầm lạng trước sự tung tác của cái ác!

NẾP KHÁC GÌ XÔI

Sau khi bọn cọp, beo, heo, hoẵng... rút lui, cuộc đua tranh ngôi bang chủ chỉ còn lừa và voi. Giang hồ bốn

bên đều khen xứ ấy sao mà tự do, dân chủ tuyệt vời đến thế! Vị đầu lĩnh xứ quờn tức khí:

- Ồi giời, nhằm nhò gì, xứ tớ dân chủ gấp ngàn lần!

Thiên hạ có kẻ cười mỉm, người cười ruồi nhưng cũng có khứa lão cười sảng sặc quắc mắt quát:

- Thôi đi cha nội, xạo hoài ai chịu thấu!

Lão đầu lĩnh bèn chứng minh:

- Chúng mày không thấy sao? Bầu cử xứ tớ kỳ nào cũng có đủ mặt: heo, lợn, trư... lũ dân được tự do tha hồ lựa chọn!

Khứa lão ấy vẫn cười không ngậm được mồm:

- Thế nếp có khác gì xôi?

KẺ CƯỚP LÀM QUAN ÁN

Thiên hạ có nhiều kẻ cướp cường bạo, bọn độc tài coi dân như cỏ rác, bởi vậy làng mới lập hội đồng bảo vệ nhân quyền. Trong làng có tay trọc phú, nhờ lấn đất, cướp biển, trộm cắp tài sản trí tuệ khắp nơi, dùng bầy nợ để vơ vét tài nguyên khắp xứ mà trở nên giàu có. Y dùng tiền chui sâu leo cao vào các tổ chức hội đồng của làng, thậm chí ngồi ghế chủ tịch nhân quyền của làng. Đàn em có đứa sướng quá hét toáng lên:

- Hoan hô đại ca, từ đây hội đồng làng có hặc tội thì nhờ đại ca phủ quyết cho! Đại ca muốn gì em cũng chịu, người nhà có nói đưng đến đại ca thì em dập liền.

Riêng bọn học giả, nhân sĩ trí thức, hào kiệt bốn biển thì ngao ngán. Trong bọn có người than:

- Thời đại hắc ám hay làng sắp loạn? kẻ cướp cường bạo ngồi ghế quan án!



STEVEN N
Georgia, 11/2020

TU ĐỂ CHUYỂN NGHIỆP

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

**Được thân người khó biết bao!
Không tin Phật Pháp uống sao cuộc đời!**

Không tin chết có **Luân hồi**.
Không tin **Nhân quả**, sống đời buông lung.
Tạo bao nghiệp xấu vô cùng.
Cả ta, con cháu chịu chung "quả" này.
Nhìn quanh ta sẽ thấy ngay:
Cha, ông ở ác mạt bầy cháu con.
Mẹ ác con trai lãnh trọn
Tất cả là định luật vẫn còn thiên thu.
Nhận điều ấy đúng, lo tu:

Ba điều căn bản, hành như thế nào?
Sửa lỗi, phát tâm làm mau.

Phải biết **hổ thẹn** khi nào làm sai.
Tâm khắc khoải, **lo nghĩ** hoài.

Để khỏi tái phạm từ nay nhớ làm:
Phải cố hết sức tu tâm,

Tâm tốt, hy vọng lỗi lầm lánh xa,
Lỡ phạm lỗi, phải nhớ là:

Tâm liền sám, tội tạo ra tiêu liền.
Sám hối là công đức chớ quên,

Phải đem hồi hướng về miền Lạc Bang.
Tích chứa Phước, Thiện lần lần,

Làm con Hiếu thảo song thân mới là!
Việc thiện nhỏ chớ bỏ qua.

Còn việc ác nhỏ tránh xa đừng làm.

Ấy điều luôn nhớ trong tâm,
Hành đúng, vận mệnh âm thầm đổi thay.

Phúc, thọ hưởng mãi, lâu dài.
Tai ương, hoạn nạn hàng ngày "xa bay".

Đã tin phải bắt đầu ngay,
Chần chờ chi nữa, tháng ngày trôi nhanh.

Tu sớm, tích nhiều phước lành.
Đời ta hạnh phúc, **thực hành**, rõ thôi!

Khiêm tôn: tính đáng trau dồi!
Ai thực tập tốt, được người quý thay!

Muốn vậy, tính xấu sau đây,
Giữ tâm đừng để hằng ngày lộ ra:

Độc đoán, kiêu ngạo, cái "ta"
Khoe khoang, kỳ thị, moi ra lỗi người,

Ác khẩu, hồng hách, lảm lời,
Thêu dệt, đâm thọc, khinh người, chê bai,

Bỏ nghiệp xấu ấy hằng ngày,
Khiêm tốn chắc chắn từ nay nẩy chồi.

Ba điều căn bản luyện tốt rồi,
Tu sẽ chuyển nghiệp mấy hồi, khó chi!

Có người tỏ ra hoài nghi,
Chết rồi là hết, việc chi tu trì ?!!!

Lúc chết, tâm sáng suốt, khó bì!

Ăn năn, hối hận, làm gì được đâu?!!!

Thôi, đừng đa nghi nữa: tu mau.

Tổ tiên, con cháu cùng nhau được nhờ.

Phước báo ta thêm từng giờ.

Tích thiện: nghiệp chuyển chỉ chờ đủ duyên.

Như ánh sáng đến, xua liền

Bóng tối tích tụ triển miên lâu đời.

Phần ghi thêm:

(1) Trong sách **Làm Chủ Vận Mệnh**, biên dịch TT Thích Minh Quang, có nêu **3 điều căn bản** phải làm để cải đổi vận mệnh: **(a) Sửa Đổi Lỗi Lầm. (b) Tích Chứa Phước Thiện. (c) Học Đức Khiêm Tôn.** Chúng tôi đã dựa vào 3 điều căn bản này để viết bài Tu Để Chuyển Nghiệp.

Đây là quyển sách kể lại chuyện người thật, việc thật của Viên Liễu Phàm và do chính ông viết để lại cho con trai là Viên Thiên Khải. Quý vị, nếu có thời giờ nên đọc sách này để thấy tu tập nghiêm túc, vận mạng sẽ đổi thay, có nghĩa TU SẼ CHUYỂN ĐƯỢC NGHIỆP.

(2): "Lúc chết, tâm sáng suốt, khó bì."

Câu văn này dựa theo ý sau đây:

"Sau khi người thân đã chết:

Hỏi: Có cần mời nhiều Thầy tới Cầu Siêu không?

Đáp: Cần nội dung hơn hình thức, chất lượng hơn số lượng, vì các lễ sau:

- Vị Thầy chẩn tu, giới hạnh thanh tịnh, mà thành khẩn nguyện cầu, mới được chư Phật, chư Bồ Tát cảm ứng, cộng thêm lòng nguyện cầu thiết tha của thân nhân.

- Thần thức, hương linh nhờ cõi bỏ thân ngũ ấm nên rất sáng suốt, đối với vị thầy phạm trại phá giới, phạm phu chúng ta không biết nhưng họ biết hết. Khi họ biết rồi, đâu có kính nể nghe theo lời khai thị. Mặt khác họ oán ghét, khởi niệm sân hận, mà sân hận là nhân ba đường ác. Trường hợp này là bị phản tác dụng, không thắng mà bị đọa, rất nguy hiểm cần chú ý.

Vậy thì:

Ba thầy mà có một thầy không thanh tịnh thì đâu tốt bằng chỉ có một thầy thanh tịnh.

Ba thầy mà đều là thầy thanh tịnh thì dĩ nhiên là tốt hơn một thầy."

(Sách "Niệm Phật Đạt Bất Niệm Tự Niệm Bảo Đảm Vãng Sanh" Thích Minh Tuệ- Trang 98)

(3): Ánh sáng như nghiệp lành;

Bóng tối như nghiệp ác;

Như ánh sáng đến, xua liền

Bóng tối tích tụ triển miên lâu đời.

(4) Người đời thường có quan niệm: a) Đợi đến già sẽ tu vì lúc ấy ta không còn vướng víu, bận bịu việc gì cả. b) Đợi việc nhà xong xuôi, con cái yên bề gia thất ta sẽ tu. c) Bây giờ ta nghèo quá, phải cật lực làm cho có tiền. Lúc giàu có, thành thời ta hãy tu. d) Đi chùa tu tập là dành cho người già. Mình còn trẻ tu làm gì vội. e), f), g)...: rất nhiều, rất nhiều nguyên nhân nữa biện bạch để chưa tu bây giờ...

Thật sự việc **tu để chuyển nghiệp** không đòi hỏi những điều kiện như vừa kể. Có nghĩa già trẻ, giàu nghèo, sang hèn, quan to chức lớn hay bình dân lao động đều tu được hết. Tu bất cứ lúc nào và ở đâu. Cứ có dịp là tu miễn sao mình tin **TU SẼ CHUYỂN NGHIỆP**. Khi đã tin Tu Sẽ Chuyển Được Nghiệp thì trong cuộc sống hàng ngày, ta có thể làm nhiều điều để tu.

Còn như quý vị đã quy y, cố gắng thực hành trọn vẹn Ngũ Giới là đã có thể chuyển nghiệp phần nào rồi. Nếu muốn tu thêm, xin học phần Mười Nghiệp Lành vì Thập thiện là nền tảng căn bản của Đạo Phật, như sau:

Tập tu cho được Mười Nghiệp Lành:

Không Tà dâm, Trộm cắp, Sát sanh,

Không Thêu dệt, Đâm thọc, Lừa dối,

Không Ác khẩu và Tham, Si, Sân.

Một khi tu tốt Mười Nghiệp Lành,

Muốn vãng sanh, tu thêm Tịnh Độ,

Ngày đêm niệm Phật, nguyện sẽ thành.

Mười Nghiệp Lành được giải thích đầy đủ như sau:

a) Không Sát sanh: Từ bi không sát hại, sẽ được khỏe mạnh, trường thọ.

b) Không Trộm cắp: Ngay thẳng, không lấy của người, sẽ được giàu sang, an ổn.

c) Không Tà dâm: Trong sạch, không quan hệ bất chính, sẽ được xinh đẹp, hạnh phúc.

d) Không Nói dối: Chân thật, không dối gạt, sẽ được uy thế, tiếng tăm.

e) Không Thêu dệt: Trung thực, không xảo ngôn, sẽ được mọi người kính mến.

f) Không Đâm thọc: Hòa hợp, không nói lời ly gián, sẽ được nhiều người ủng hộ.

g) Không Nói thô ác: Hòa nhã, không cay nghiệt, không thô tục, sẽ được cao sang.

h) Không Xan tham: Rộng rãi thí xả, sẽ được vô lượng phước báo.

i) Không Sân hận: Từ hòa nhẫn nại, sẽ được vô lượng duyên lành.

j) Không Si mê: Sáng suốt tinh giác, sẽ được vô lượng trí tuệ.

(5) Người xưa nói: Đừng chê điều thiện nhỏ mà không làm, đừng khinh điều ác nhỏ mà làm. Nếu làm được như vậy, nhất định sẽ cải đổi vận mệnh, như người xưa từng nói: Đoạn ác tu thiện, dứt trừ tai ương, phước thọ miển trường. Đây chính là nguyên lý cải đổi vận mệnh. (Trích từ Chương : Môn Học Lập Mệnh- sách Làm Chủ Vận Mệnh)

(6) Hằng ngày, ta làm được bất cứ việc thiện gì, dù nhỏ nên ghi nhớ hoặc viết vào sổ. Khi có nhiều (chừng 5 ngày hoặc nhiều hơn) nên đem hồi hướng về cho Tổ Tiên, Ông Bà, thân nhân đã khuất. Công đức hồi hướng này, nếu ta tạo được nhiều, thân nhân quá vãng của ta sẽ mau chuyển về cảnh giới tốt hơn. Cũng nên đem hồi hướng công đức ấy cho con, cháu. Đó là vốn "phước" họ có thêm để đem vào cuộc đời. Gặp trường hợp có đứa con làm ta lo lắng, khổ sở ta nên làm nhiều điều phước thiện để hồi hướng cho chúng, cầu cho chúng chuyển nghiệp. Nên nhớ, sau khi hồi hướng cho thân nhân rồi, cần hồi hướng cho oan gia trái chủ của mọi người trong gia đình. Cuối cùng, hồi hướng công đức về cho tất cả pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo. Việc hồi hướng này không hề làm tổn hao công đức mà thân nhân của mình nhận. Trái lại, họ còn hưởng nhiều công đức hơn trước nữa vì đạo Phật dạy Tâm Càng Rộng Phước Càng Lớn.

Kinh Địa Tạng phẩm 7 có ghi: "...hàng thân quyến kẻ lớn người nhỏ vì người chết mà tu tạo phước lợi, làm tất cả việc về Thánh đạo, thì trong bảy phần công đức, **người chết nhờ được một phần, còn sáu phần công đức thuộc về người thân quyến hiện lo tu tạo đó.**"

Chúng tôi trích dẫn phần ở trên cốt mong quý vị biết phần công đức của người làm rất nhiều (6 phần), còn người được nhận chỉ một phần. **Vậy nếu thương người nhận thì chúng ta cần làm nhiều phước thiện hơn nữa.**

Nếu ta tu Tịnh Độ thì phần công đức còn lại của mình nên hồi hướng về cõi Tịnh Độ của Phật A Di Đà để sau này khi lâm chung ta cầu được sanh về cõi ấy.

Bài viết chắc không làm sao tránh khỏi lầm lỗi, kính mong quý bậc cao minh chỉ bảo giúp cho để chúng tôi kịp thời sửa chữa.

Nếu bài viết có giúp ích được cho ai thêm niềm tin vào Phật Pháp và cố gắng tu tập để chuyển nghiệp, chúng tôi xin đem công đức này hồi hướng cho tất cả Pháp giới chúng sanh tương lai đồng sanh về Tịnh độ.

Trần Trọng.

Kể chuyện mà chơi

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Chẳng biết y trở thành tay kể chuyện tự bao giờ? Y vốn là người chẳng có tài cán hay năng lực chi cả, chỉ được mỗi cái thật thà như đếm và chịu đọc sách, thỉnh thoảng cũng đi đây đi đó nên thu thập khá khá chuyện để mà kể. Thiên hạ nhiều khi cũng khóc cười theo chuyện của y, cũng có kẻ chửi, khi dễ cho là chuyện của y nhạt như nước ốc. Y cười hi hi như thằng khờ chẳng chấp chi, vì y vốn tâm niệm: "Kể chuyện chơi thôi mà!"

Y sanh ra và lớn lên ở một trấn nhỏ thuộc vùng quê xa xôi, ở đây tuy nghèo, dân cư mộc mạc chất phác đến độ quê mùa, nhưng lại đầy ắp những huyền sử hấp dẫn, chuyện cổ sử hào hùng và tàn khốc vào hàng bậc nhất của xứ sở này; thỉnh thoảng có người lại khẳng định đã gặp những nàng ma nữ đẹp thiên kiều bá mị thường khóc dưới đêm trăng. Cái trấn nhỏ ấy đã qua bao đời chủ, tuy khác giọng giống nhưng oanh liệt không ai bằng. Trấn nhỏ nhưng trầm tích chứa trong lòng không hề nhỏ chút nào! Không biết nhân duyên thế nào mà y lại lang bạt bỏ trấn cũ nọ để đến sinh sống ở trấn Mộc Lan này. Kể mau miệng bảo may mắn nhưng cũng có người lại hàng hai: "Chắc gì may mắn? có ở trong chần mới biết chần có rận." Y nghe thế nhưng cũng cười xuề xòa thôi, thời thế nó thế, số phận đẩy đưa, có mấy ai làm chủ được số phận

đâu? Người đời nói gì thì nói, trước sau y cũng chỉ ngoác miệng ra cười hềnh hếch như thằng điên, có khi thì nhếch mép cười ra vẻ khinh bạc, hoặc giả cười giả là nói đa tạ thế thôi.

Y lên rừng, xuống bể, vào thành ra trấn, về đồng chơi nội... có đôi khi dừng chân ở góc phố nào đó, làm lý cà phê kiểu Ý, ngồi ghi ghi chép chép. Người ta chẳng biết y viết gì mà cảm cú viết hoài, có người ngứa miệng:

- Lão gàn ấy mà! viết gì mà mãi miết viết hoài? rượu không uống, gái đẹp không nhìn, đời vui không hưởng... gàn sao mà gàn thế! cái lão viết ra có làm cho lão sướng chẳng? Nó có thú bằng uống rượu chơi gái chẳng? Có giúp lão no bụng chẳng?

Nghe thế, y ngược mặt lên, cái bản mặt sao mà ngờ nghệch cười tùm tùm:

- Cái sướng của ta làm sao người biết được?

Gã kia nghe thế bèn vặn:
- Lão sướng thế nào? Hí hoáy viết là sướng sao? thế lão có điên không?

Y không cười tùm tùm nữa mà cười thành tiếng khanh khách:

- Cái điên của ta người có muốn điên theo cũng không thể điên được đâu!

- Vậy thì lão cứ sướng với cái điên của lão nhé! Tôi đi hưởng cái sướng của tôi.

- Ta có bảo người xía vào cái điên của ta đâu? ta điên với cái sướng của ta, người cứ việc sướng với cái tình

của người, chưa biết cái điên của ta và cái tình của người cái nào hay hơn? Người không thể nào biết cái điên của ta sướng ra làm sao và ta cũng không làm sao biết được cái tình của người sướng như thế nào.

Người kia nghe thế bèn bỏ đi, y lại tiếp tục rì mọ viết, lúc thì y đi chỗ này chỗ nọ kể chuyện cho người đời nghe chơi. Chuyện y kể bên Tây bên Tàu cũng có, chuyện cổ chuyện kim cũng có, đôi khi lại kể chuyện như tình đạo lý, những lúc bực bội quan quyền nhận giặc làm cha thì y kể chuyện sử, chuyện dân tình quốc sự... Những người thường nghe y kể chuyện thì nhận thấy y khoái kể chuyện thiên môn, chuyện chữ nghĩa, những lúc y kể chuyện ấy thì mắt y sáng long lanh, nhìn xa xôi diệu vợi, thân xác y ngồi đó mà tâm thần y như chơi với nơi xa khơi, hoặc là nhập thần vào câu chuyện chứ chẳng còn sống với thực tại nữa.

Y đã từng có ý định "Thấy người sang bắt quàng làm họ", gởi thiệu xin cầu kiến kết thân, ký sách tặng những bậc cây đa cây đề... hy vọng bọn họ để mắt đến, hoặc mong được bọn họ cho nhập hội, tiếc thay chẳng thấy bọn họ hồi âm, có thể bọn họ vất vào sọt rác, hay coi như những loại quàng cáo ré tiền, cũng có người thương hại nên khen vu vợ, trông trợ vài lời khách sáo cho có lệ. Có lẽ nhờ thế mà y có được phút

giây giặt mình tỉnh ra, từ đó y bỏ ý định kết thân hay nhập hội. Y an phận vui lòng với phần số của mình, ngày ngày rong chơi kể chuyện với người đời. Thiên hạ vốn thiên sai vạn biệt, có người không ưa nhưng cũng có một số người thích, chịu cái điên của y, thậm chí vui với cái điên của y, mến mộ và có vài lời khen tặng chân tình. Không biết có phải vì quá cảm kích nên y càng kể chuyện hăng say hơn, cái điên của y càng ngày càng nặng hơn. Không ít lần y giốc cạn những đồng tiền ít ỏi để mua giấy hoa tiên chép thơ tặng khách qua đường. Người ta cười cợt, có người vất ngay tại chỗ, cứ như mấy miếng giấy quảng cáo trĩu mạch lương, keo dính chuột, sơn Nippon... Cũng có người chịu đọc lướt qua rồi nhét vào túi.

Một hôm kia, có gã trung niên đi qua. Y kính cẩn tặng mấy tờ hoa tiên chép thơ, người ấy trân mắt nhìn y rồi chăm chú đọc, đọc xong lật qua lật lại xem xét tờ hoa tiên kỹ lưỡng. Kể người ấy bảo:

- Anh có thể vào uống rượu bên kia đường cùng ta?

Y gật đầu và bước theo người ấy, an vị và một chai rượu Tây ra, gã trung niên ấy vặn hỏi:

- Anh làm thơ như thế liệu có hối hận chẳng? thời buổi hôm nay không có chỗ cho kẻ làm thơ, lại càng không có đất cho những người kể chuyện mà chơi như anh đâu.

Y thật thà giải bày:

- Không hề hối hận, âu cũng là nghiệp chữ. Xin cảm ơn tân khách đã có lòng hạ cố, xin nhận đây một lễ bái làm huynh. Thật tình mà nói, mười mấy năm nay ai cũng bảo đệ điên, ai cũng cho đệ không xứng đáng góp mặt cùng mâm cùng chiếu, chưa có ai đối xử với đệ như huynh cả. Đệ xin đa tạ tấm lòng trân quý của huynh.

Gã trung niên dường như có vẻ hữu tình liên đới:

- Cảm ơn hiền đệ, ta lang bạt phong trần cũng hơn nửa đời người, gặp đủ hạng người trong thiên hạ, nay gặp đệ ở đây coi như cũng có duyên phần. Ta quý con người đệ, cung cách đệ và nhất là những giòng chữ đệ viết ra, mời đệ một ly này!

Y bắt chợt lúng túng:

- Đệ đã thọ giới, mười lăm năm nay môi chưa chạm một giọt rượu nào.

Gã trung niên cười ngất:

- Thảo nào thiên hạ bảo đệ điên, thế hôm nay vì tình huynh đệ cũng không dám một lần vượt qua sao?

Y thật sự lúng túng, chữ nghĩa bay biến mất, không tìm được lời nào để chống chế bèn bưng ly rượu uống



chạm. Đợi y uống xong, gã trung niên ấy vỗ vai y:

- Này đệ, ta có đôi lời thật tình muốn nói cho đệ biết, xưa nay ta chưa từng nói với ai cả. Đệ hãy nhớ lấy, nghiệp chữ vốn nghiệt ngã lắm, có kẻ muốn nhưng không được nhưng cũng có người muốn thôi lại không xong. Chốn văn trường vô cùng cay nghiệt, tràn gió tanh mưa máu, cái tài thì nhỏ mà cái tội thì to. Nếu cùng phe cánh thì "Áo thụng vái nhau" cầm bằng ngược lại thì choảng nhau bư đầu sút trán. Nhiều kẻ viết thì

hay vậy nhưng làm thì chẳng được như vậy, thậm chí trái ngược với những gì đã viết. Bọn viết lách mà tham chính hay thân chính thì còn tệ hại hơn, nếu bọn gái lầu xanh bán thân nuôi miệng thì bọn ấy lại bán nghiệp nuôi thân, vì chút danh lợi mà không gì không dám viết, nếu chính khách bảo họ rằng trời đẹn đất sáng thì bọn ấy cũng sẵn sàng viết y như thế. Chốn văn trường lòng người chật hẹp, chen vào dễ bị đi soi trán. Đệ hãy giữ mình, tuyệt đối không tranh luận, ai khen cũng cười, ai chê cũng cười, dầu có giận cảnh hồng cũng đừng đối co mà chi, lời ra tiếng vào thì nặng xỉ cả lên.

Gã trung niên nói một hơi dài như thể bầu tâm sự dồn nén lâu nay nên có dịp thổ lộ. Y cũng thật lòng lắng nghe, lòng thấy quý mến chi lạ, người đứng nước lã sao lại tốt thế, đem cả bao nhiêu uẩn khúc chốn văn trường nhắc nhở mình, cảnh tỉnh mình. Y nhìn gã trung niên ấy mà miệng cứ lắp bắp:

- Đa tạ, xin đa tạ huynh đã có lòng thương tưởng đến đệ, đã nhắc nhở đệ. Đệ xin ghi lòng tạc dạ những lời tâm huyết của huynh.

Gã ấy cầm lấy chai rượu mà tu một hơi đầy sảng khoái, gã khoác vai y vỗ vỗ:

- Hôm nay ta cao hứng vì gặp đệ, mấy mươi năm nay chưa bao giờ sướng như thế, bởi vậy ta mới trút lời gan ruột. Sau này đệ sẽ thấy những gì ta nói hôm nay là đúng. Đệ vừa mới chập chững bước vào chốn văn trường, kinh nghiệm còn non nớt, tánh tình thật thà ta e đệ sẽ gặp rắc rối nên ta mới nhiều lời như thế, bản tánh ta xưa nay chưa hề nói quá ba câu trong những lần giao tiếp, coi như buổi gặp mặt này ta đã phá lệ cũng như đệ đã bỏ qua giới cấm mà uống cùng ta.

Buổi sơ ngộ nhưng tri giao thật viên mãn, tuy có hậu ý lưu tình rồi cũng đến

lúc phải già từ, già trung niên dúi vào tay y một tấm danh thiếp và bảo:

- Sau này có việc, hãy theo địa chỉ này mà đến!

Y cầm tấm danh thiếp nhưng cũng chẳng nhìn trên ấy viết gì, chỉ nhét vào cái đây vãi đeo bên mình. Kể từ buổi tao ngộ lạ lùng ấy, y càng ngày càng điên hơn, kể chuyện chơi mà quên cả bản thân, quên cả thời gian và quốc độ, càng kể chuyện thì càng điên, điên đến độ như lên đồng nhập cơ, như phê thuốc phiện, như nghiện xì ke. Một hôm y kể chuyện quan quyền bức hiếp, hạnh hoè dân lành; chuyện giặc Tàu xà xẻo non sông, biển cả; chuyện triều đình quỳ gối ôm chân... Y còn đang say sưa thì nhận được tin nhắn của mặt vụ hăm dọa:

- Hãy cẩn thận! chuyện của ông sẽ làm cho ông gặp rắc rối đấy!

Bạn bè y biết chuyện, bèn khuyên y:

- Thôi, né tránh chuyện nhạy cảm đi! việc đó để triều đình lo!

Y thấy lòng trống trải dễ sợ, đành cảm ơn cho có lệ chứ thật tình y chẳng muốn nói gì thêm. Bạn bè y phần nhiều đều công thành danh toại, có nhiều đứa làm quan lớn, địa vị cao, tài sản kếch xù. Có đứa trở thành thương gia nghiệp chủ, có kẻ thành bác sĩ, kỹ sư... Nói chung bọn họ đều là ông nọ bà kia cả, bọn họ rất lạnh, rất khôn và nhạy bén chứ hồng có điên và hậu đậu như y. Trong đám bạn ấy, có đứa lấy tình đồng môn, kêu y ra quán nhậu nhậu:

- Kể chuyện tiểu lâm, chuyện tục, chuyện hài có phải vui hơn không? kể chuyện chân dài, đại gia, gái gú có phải hấp dẫn hơn không? chuyện thời thượng bây giờ là khoe thân, khoe của, ăn chơi, trai trẻ lái máy bay bà già, trâu già gặm cỏ non, chuyện tình tay ba, tay tư... cả khối chuyện ấy không



kể. Lão kể ba cái chuyện dân tình quốc sự chi cho nguy hiểm, lão đừng động đến nữa nhé! Không chừng gặp tai nạn bất ngờ, bị giang hồ chém lằm, bị đuổi khỏi chỗ trọ... lão cứ kể mấy chuyện mà tôi vừa gợi ý đó, tên lão sẽ nổi như cồn lại còn có chút cháo.

Nghे bạn khuyên thế, y ngoác miệng cười hề hề như thảng ban khi, y không trả lời nhưng bụng y đang thầm thì: "Bổ khí nhà anh, khôn lanh có thừa! thiên hạ đầy những người như anh thảo nào giang san này sút mẻ, xã hội suy đồi, đạo đức hư hỏng, giếng mỗi lối lỏng, văn hoá thụt lùi, ngôn ngữ lai căng, chữ nghĩa nhầm nhí..." Nghĩ thế thôi chứ y không nói ra. Y biết nói với những người như thế thì thà nói với đầu gối của y còn hơn, dù sao y cũng cảm ơn anh ta. Hôm nọ y lại quay về với sở trường của mình, y kể chuyện thiền môn. Xứ sở cổ cựu của y ngày nay chùa chiền mọc lên như nấm, toàn những ngôi chùa to lớn đồ sộ cả ngàn lượng vàng, vàng son lộng lẫy, cái thì như cung vua phủ chúa, cái thì như tử cấm thành Bắc Kinh. Tà sư ma tăng quanh năm bày trò cúng sao, giải hạn, mở ngải, trừ tà, phong thủy, cúng đám... giá cả

niêm yết rõ ràng, thậm chí cho trả góp. Mấy vị ấy rùng roẽn bạc tiền, ăn uống lu bù, du hí khắp nơi, hội hè tung tẩy... Y thấy thương cho những tín đồ mê muội, cung phụng quá đáng cho những kẻ lợi dụng lòng tin. Thế rồi giọng của y chùng xuống, y kể về ông tăng nơi am vắng, mắt trùng suốt ba ngàn thế giới, thân gầy guộc mà vững như bàn thạch, gió giông chẳng suy suyễn, lợi lạc không lung lay, uy quyền không khuất phục. Bàn tay sư gầy, tấm cà sa mong manh mà chấn cả cuồng phong để hộ pháp, hộ dân, hộ quốc. Ông tăng ấy ngày đêm chịu sự uy hiếp của quan nha, đồng đạo pháp lũ dèm pha, cô lập... Y còn say sưa kể thì có kẻ chen ngang:

- Lão dư hơi rảnh háng, kể chi chuyện khô khan vậy? hãy kể chuyện đại gia cặp chân dài, chuyện thiếu gia ăn đặc sản cường dương, chuyện tranh ghế ra đôn độc... có phải bốc lửa hơn không?

Y đập tay xuống bàn cười sảng sặc, cười văng nước bọt, cười rơi nước mắt:

- Ta vốn điên, giờ bảo ta kể những chuyện ấy hoá ra ta tỉnh ư? đem cái điên của ta đổi cái tỉnh ấy thì ta nhất quyết không đổi! Ta sướng với cái điên của ta, một mai hết điên thì liệu ta có còn sướng? ai bảo sao kệ họ, ta quyết sống chết với cái điên của ta, kể chuyện mà chơi, điên lằm! nhưng không điên không được đâu! một mai không điên nữa thì ta có còn là ta không?

Người kia nghe thế bèn lầu bầu trước khi bỏ đi:

- Đồ điên, điên thật tình rồi! ai lại sướng với cái điên? Sao không vui với cái tỉnh như thiên hạ? điên mà đòi hơn tỉnh được à?

Thế rồi một hôm kia, có ả mã đồ môi hồng, mắt long lanh đong đưa đến bên y thỏ thẻ:

- Lão khá bảnh trai, kể

chuyện cũng hay! Em thích nghe lão kể chuyện chơi, trái tim em có phần xao xuyến vì lão, ngật lão điên quá, giá mà lão đừng điên nữa, hoặc bớt điên đi, mình yêu nhau hưởng cái vui của cuộc đời.

Y nghe xong, bần thần chột dạ: "Ta vốn xác bấc xang bang, không chức tước danh vị, không tiền bạc của cải, chỉ có mỗi cái bụng chữ vợ vẫn ẩm ương, thân ta vốn từ tứ đại giả hợp mà thành, vậy nàng yêu cái gì ở ta? Nàng bảo thích nghe ta kể chuyện chơi nhưng lại bảo ta đừng điên, nếu không điên thì làm sao ta kể chuyện chơi được? rốt cuộc nàng yêu cái gì đây? phải chăng con gái nói có là không, nói không là có? Sao mà giống hệt Tâm Kinh vậy? sắc tức là không, không tức là sắc đây mà! Ta có nên đừng điên nữa để mà yêu nàng?" Đầu óc y quay cuồng với muôn vàn câu hỏi, những câu hỏi xoáy vào, xoắn xuýt mà không có lời giải. Y ngồi thừ ra đấy, lát sau y mới khẽ khọt:

- Cảm ơn nàng đã hạ mình chiếu cố đến ta, cảm kích cái tình của nàng lắm, nhưng ngật nổi một khi ta không điên nữa để yêu nàng thì lấy ai mà kể chuyện chơi với đời? một khi ta không điên nữa, không kể chuyện mà chơi với đời thì liệu nàng có còn xao xuyến? chính nàng bảo nàng xao xuyến vì ta kể chuyện chơi với đời cơ mà!

À nghe xong, ngúng nguẩy mồm, chu mỏ mà bỏ đi. Tối ấy, nằm trong căn nhà gỗ cũ kỹ giữa vườn hoa. Y đang vẫn vợ tìm tứ để kể chuyện cho những ngày sắp đến, chợt có tiếng cười trong trẻo như pha lê thánh thót văng vẳng ngoài hiên. Y lắng nghe, không phải một giọng cười mà có nhiều giọng cười khác nữa, có giọng thì khảnh khảnh giòn tan như trẻ con, có giọng thì ngân nga như khánh ngọc, lại có giọng như suối róc rách giữa rừng và

lẫn trong đấy có giọng trầm ấm của nam nhân. Y khẽ vén rèm nhìn ra thì thấy một nhóm đồng nam và đồng nữ bên thềm hoa, hình như bọn họ có thần thông nên biết y nhìn lên:

- A, lão điên vẫn chưa ngủ, mời lão ra ngoài này thưởng hoa ngắm trăng với bọn em, cố sao đêm trăng thanh hoa quỳnh nở, quang cảnh tuyệt vời như thế này mà lão nằm ru rú trong căn phòng tù túng như thế?

Y thoáng mắc cỡ với bọn đồng nam đồng nữ, ra đến cửa thì y cảm thấy như hoa cả mắt. Y nghĩ bụng: "Bọn chúng xinh đẹp quá, thơm quá, mơn mớn quá". Y chống chế:

- Ta đang tìm tứ cho những chuyện sắp kể trong những ngày sắp đến.

Một cô trong bọn đồng nữ cười nắc nẻ:

- Lão khờ quá! người ta bảo lão điên quá thật không sai tí nào, trắng sáng, hoa nở, gái đẹp như thế này không hưởng lại lo tìm chuyện để kể. Lão bỏ cái điên của lão đi! hãy mang nệm Hoàng Hoa tửu ra đây, cùng say với bọn em đêm này!

Y khoái chí ra mặt nhưng lòng còn ngần ngại vì sợ phạm giới:

- Ta thọ giới với lão sư phụ năm xưa, tuy muốn uống rượu nhưng không dám!

Gã đồng nam mặt mày tuần tú khôi ngô, đưa tay rẽ mái tóc loà xoà trước trán và cười khảnh khảnh

- Lão điên quá mấy em ơi! Lão kể chuyện mà chơi



cho thiên hạ nghe bao năm nay, thế mà lão không thông, lão "y ngữ bất y nghĩa", lão chấp chặt văn tự, đáng thương cho lão. Này lão điên kia! Nhà Phật chế giới cấm là để ngăn ngừa sự say sưa quá đáng, sự đắm đuối hư hỏng chứ nào phải để cấm tri kỷ tương phùng. Nhất hoa, nhất diệp nào khác nhất thế giới, nhất Như Lai! Lão tự phụ một bụng chữ mà lão không thông lý, không rõ lẽ, lão kẹt vào chữ nên không thoáng nghĩa... thảo nào thiên hạ bảo lão điên. Lão vui với cái điên của lão kể cũng nhất rồi, giá mà lão vượt qua chính lão thì cái điên này mới thật là sướng không gì bằng, thật không chữ nghĩa nào tả được! lúc bấy giờ cái điên của lão mới thật là thượng thừa điên!

Y nghe gã đồng nam nói thế, giật mình toát mồ hôi đầm đìa, mặc cho không khí đêm khuya đang lạnh hơi sương, bao nhiêu chữ nghĩa bay biến như mây trên đầu núi, đầu óc y lâng lâng, bàn chân cơ hồ như không còn đứng trên mặt đất. Y quay vào căn nhà gỗ lấy bầu Hoàng Hoa tửu giấu trong góc tủ mười mấy năm nay, mang ra thềm hoa, y rót một chén, hai tay nâng rất trịnh trọng:

- Tạ ơn Phật, tạ ơn trời đất, tạ ơn lời cảnh tỉnh của quý huynh đệ. Ta lâu nay quờ quạng trong cái màn hư ảo mà ngỡ mình sướng vì điên, cứ ngỡ mình điên thật, thật sự chưa phải điên, chưa sướng đúng điệu với cái điên, chẳng qua là mới ngấp nghé cái bờ mé mà thôi! Kể chuyện mà chơi cho người đời nghe, nếu mình còn dính mắc cái tôi, có người đi kể, có kẻ ngồi nghe, có chuyện để kể đó là hạng xoàng! Đêm nay trăng sáng, hoa quỳnh nở, bọn đồng nam, đồng nữ đến thềm hoa hiên nhà đã giúp ta mở mắt ra và thấy rõ rằng cái điên của ta chưa thật sự điên, chưa thật

hưởng cái sướng thật sự của cái điên này!

Y dứt lời, bọn đồng nữ, đồng nam vây quanh kéo tay bèo má lão, cù lét lão. Bọn chúng cười như nắc nẻ, tiếng cười lay động cả ánh trăng, khuấy động cho làn hương hoa quỳnh tỏa ngan ngát

- Lão điên thật rồi! giờ lão điên thật sự rồi! Bọn ta yêu cái điên của lão, đến đây vì cái điên này! kể từ đêm nay, lão thật sự sướng với cái điên thượng thừa của lão.

Rượu ngọt, tay mềm, hương thơm làm cho y ngất ngây: "Ta mơ hay tỉnh đây? Ta điên thật sự? ta sướng với cái điên? Bao năm qua kể chuyện mà chơi, tưởng mình có vốn liếng chữ nghĩa khá khá, nào ngờ đêm nay tan biến sạch lầu, lòng trống như không gian mênh mông này! Kể chuyện mà chơi, văn chương ấm ớ, chữ nghĩa nhì nhằng, văn tự lôm côm hoá ra không bằng hơi rượu đêm trăng. Ta là ai trong cuộc đời này? ta đến đây để làm gì và mai này sẽ về đâu?" Y còn ngờ ngẩn như người mặt đất lên cung trăng. Bọn đồng nữ, đồng nam kéo y ngồi xuống ghế, các cô bèo má, bóp vai. Có kẻ còn mơn trớn hôn lên môi y. Cả bọn cười như thể chưa được cười bao giờ:

- Lão điên thật sự rồi các cậu ơi! Lão đang tận hưởng cái điên của lão. Lão làm cho bọn ta cũng sướng lây vì cái điên của lão.

Gã đồng nam rót chén rượu mời y, chén rượu sóng sánh lấp loáng ánh trăng tan. Y uống cạn chén rượu, mùi hoàng hoa phảng phất, cái nồng cay cay tê đầu lưỡi, làn sóng đê mê xuyên suốt châu thân y, lan tỏa vào tận tâm can phế phổi. Y thấy sáng khoái lạ thường, tinh thần hưng phấn, tâm trí rạng rỡ, bao nhiêu dự tính chuyện kể mà chơi chớ ngày mai tan biến sạch trơn như chén rượu cạn.

TIỂU LỤC THẦN PHONG



KHI MÙA THU ĐẾN

*Mùa thu đến trần gian đẹp quá!
Gió thu về, se sắt không gian...
Từng cụm mây, lơ lửng bay ngang
Chiều nhẹ xuống, rừng hoang lạnh vắng...!*

*Đã đến rồi một mùa thu trong sáng,
Gió từng cơn nhẹ thoáng lướt qua mau
Mây lang thang, lững thững trên đầu..
Chú nai vàng, bên đôi thông ngơ ngác...*

GIÓ THU

*Có những lúc, gió từ đâu nổi sóng
Lá vàng rơi, toi tả miên man
Lũ chim rừng, xôn xao hót hoang
Bay tìm đàn ngơ ngác hoang mang...!*

KHÓI LAM CHIỀU

*Kìa xa xa, từng làn khói trắng...
Chậm chậm lan vào khoảng không gian
Bông bành chen lẫn vào mây xám,
Thành cụm mây, trắng xám lang thang...*

TRĂNG THU SÁNG NGỌN CÂY

*Trăng ẩn mình, núp bóng tầng mây,
Soi bóng hình, trên đỉnh ngọn cây,
Trăng chờ sao, đêm đêm cùng sáng...
Tỏa rạng ngời, trên khắp không gian....*

thơ THỤC UYÊN

NGƯỜI VIẾT VÀ NGƯỜI ĐỌC

Huệ Trân



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Đọc bài Tựa trong "Lời Ca Của Gã Cùng Từ" tuyển tập 100 Lá Thư Tòa Soạn Nguyệt San Chánh Pháp, tác giả là chủ bút Vĩnh Hào, đang được giới thiệu trên Vietbao Online và các trang nhà Phật Giáo, hành giả bỗng cảm thấy như có ai đang đọc dùm cái tâm lang thang của mình mà chính mình mơ hồ, chưa nhận biết nó lang thang thế nào? Đi đâu, rồi về đâu?

Hành giả thường nhận được Nguyệt San này, từ tình đạo hữu thân thương gửi cho, và khi nhận báo, thường đọc ngay Lá Thư Tòa Soạn vì hành giả chủ quan nghĩ rằng Lá Thư Tòa Soạn là giới thiệu ý chính của nội dung số báo đó. Những lá thư đó, không ít lần, đã truyền cảm sâu xa tới người đọc vì lời giải bày cô đọng, xúc tích, qua văn từ thâm lặng mà gợi hình linh động.

Đây chính là những gạch nối mà có lẽ cả người viết lẫn người đọc đều mong muốn chạm được tới.

Chiều nay, sau thời tọa thiền, hành giả thiền hành bên bờ suối, nghe suối xứ người bình yên róc rách tuôn, chợt quận lòng nhớ tới những dòng sông, dòng suối nơi quê nhà từng bị nhiễm độc!

Cũng khoảng thời điểm này, hai năm trước, suốt dọc trên 200 cây số bãi biển miền Trung, bỗng nhiên cá biển đủ loại, chết hàng



loạt, xác trôi giạt vào bờ, trắng xóa! Rồi chim trời cũng rũ cánh, lao xuống, nằm chết bên cá, do chim đói lòng, đã ăn xác cá nhiễm độc! Rồi ngư dân sống ven biển, buổi sáng dong thuyền ra khơi, buổi chiều buồn bã quay về, không kiếm được chi để đổi lấy gạo, muối, nuôi gia đình!

Nguyên nhân không xa mà dân chúng quanh vùng đều dễ dàng nhận thấy, không cần phải chờ tới khi nhà nước kiểm tra rồi điều tra.

Đó là do sự vô trách nhiệm của những công ty luyện kim, sản xuất thép, mà chủ doanh nghiệp là người Đài Loan và Trung Hoa lục địa, đã thoải mái xả nước thải hóa chất ra biển!

Lá Thư Tòa Soạn trên Nguyệt San Chánh Pháp, số 55 đã không dùng thể văn xuôi, mà là một bài thơ dài, thể thơ tự do, mang tựa đề "Lưu Vong Khúc".

Khi nhận số báo đó, mở lá Thư Tòa Soạn như thường lệ, hành giả đã đọc mà cảm nhận ngay, là mình đang khóc, chứ không phải là đang đọc!

Người đọc đang khóc cùng người viết, vì Lưu Vong Khúc không phải là những câu thơ để đọc. Đây là tiếng khóc, tiếng thét của một người Việt Nam trước những điều linh tột cùng của dân tộc, trước cảnh đất mất, biển mất mà tiếng dân oán thán không thấu được tới trời xanh!

Xin cùng khóc dăm đoạn:

*"... Này anh, này chị, này em
Nước đục còn dùng được không?
Nước nhục lấy chi mà rửa?
Tôm cá, chim trời, cây cỏ chết
Rồi người sẽ chết dần mòn trong năm
tháng nào đó
Biển, đất hoang vu
Còn ai ghi lại tang thương này!*

*.....
Biển rộng không dung được cá
Thì đất này chứa chấp những ai?!*

.....
*Hỡi anh chị em, hãy tự hỏi
Còn lối thoát nào cho chúng ta?
Cây nghiêng bờ đông, cành gãy bờ tây
Bão giông đã tận một phương này
Biển mất, đất mất, ta còn gì để mất!
..." (**)*

Tiếng khóc trong Lá Thư Tòa Soạn số báo này đã truyền đạt cảm xúc tới biết bao người đọc, để trong thâm lặng, có người đọc đã bật lên tiếng nấc:

*"... Người nổi người, gọi ơi! Biển ơi!
Thủy triều lên xuống, vẫn đây với
Nhưng đâu hồn biển? Đâu hồn nước?
Tan tác sinh linh, tắt nghẹn lời!
.....
Ôi, biển hiền hòa, biển nuôi dân,
Biển bị ếm độc, dân chết dần
Đêm đêm sống khóc bên ghềnh đá
Biển thương dân, và thương chính
thân !..." (*)*

Gạch nối giữa người viết và người đọc như thế, thâm lặng nhưng sâu sa, chẳng phải lúc nào cũng đủ duyên mà biểu lộ được.

Rồi Chánh Pháp số 68, cũng từ Lá Thư Tòa Soạn, người viết ngậm ngùi trước những con đường xưa và nay.

*"... Cười thật lớn với những niềm vui rất nhỏ. Khóc khá nhiều bởi những chuyện không đâu ...
... Những buổi lễ lạc, những buổi trình diễn, thi nhau ca tụng tán dương những thành quả hữu hình và những gì tính đếm được (bằng nhân số, con số), không dính dáng gì đến niềm bình an tự tâm ... Còn nơi nào cho một gã cùng tử lang thang ghé bước, dừng chân? ...
...Con đường xưa ai đã đi qua, có chăng một dấu hài !..." (**)*

Ôi, những dấu hỏi, những dấu than từ người viết đã chuyển thẳng tới người đọc, như những nhát búa dội vào vách núi, bật ra âm thanh bi thiết của đá vụn non ngàn "Còn nơi nào cho một gã cùng tử lang thang ghé bước, dừng chân?"

Đồng hành tới đây, người đọc đã không thể không cất bước, men theo những con đường xưa, khi âm thanh tiếng dội từ vách núi đã đủ sức trầm thống để những ai cảm nhận được, cùng nhau nường dấu hài xưa mà tìm, xem còn nơi nào cho những gã cùng tử ghé bước, dừng chân hay không!

"... Hành giả rời phố thị, chậm rãi cất bước. Qua sông. Qua suối. Bàng rừng. Trăng lặn, rồi ánh dương lên...Con đường hoang vu bỗng hiện ra một dấu hài. Lăn theo dấu hài,

*con đường hoang vu bỗng mở ra muôn lối:
(*)*

Bằng bồ-đê-tâm mà phát khởi từ-tâm. Bằng sự cứu độ chúng sinh mà khởi bi-tâm. Bằng sự duy trì chánh pháp mà khởi hỷ-tâm. Bằng sự nhiếp thủ trí tuệ mà hành tri xả-tâm ()***

*Thì ra, vẫn còn những con đường xưa
thên thang, tĩnh lặng, cho những ai quét
dọn vườn-tâm để không vướng mắc vào
những con đường ngày nay, chật hẹp với
những toan tính bận rộn không ngừng ..." (*)*

Tương quan giữa người viết và người đọc thường như vậy. Như quà tặng người giao hàng thân ái để trước cửa. Bao người đã nhận, đã mở ra, và lặng thầm cảm động vì những món quà đó chính là những gì đang thôi thúc trong lòng.

Và lặng thầm vẫn lặng tiếp diễn.
Nơi đây, chỉ xin đan cử đôi dòng, thay lời cảm ơn của tự thân; Và có lẽ cũng lạ của bao người-đọc-thăm- lặng khắp nơi, vẫn đã và đang nhận được những món quà tinh thần này.

Xin cảm ơn. Xin đa tạ Chư Liệt Vị đã không ngừng ân cần chăm sóc và hoàn tất Nguyệt San Chánh Pháp từ hơn một thập niên qua ...

Huệ Trân
(Tào-Kê tịnh thất – những ngày tịnh tu)

(***) Duy Ma Cật Sở Thuyết- HT Thích Tuệ Sỹ biên soạn
(**) Vĩnh Hào – CP #55 & 68
(*) Huệ Trân – CP #56, 67 & 71



Nan Đà tôn giả

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Đã mấy năm qua. Từ ngày chứng nghiệm chân lý dưới gốc cây Bồ Đề, Đức Phật Thích Ca đã đặt chân lên nhiều kinh thành, nhiều thôn dã, nhiều đất nước để truyền bá đạo Từ Bi. Hàng đệ tử của Ngài càng ngày càng đông.

Trên con đường giải thoát cho nhân loại không biên giới ấy, một hôm kia, Đức Phật trở về đất nước quê hương, nước Ca Tỳ La Vệ. Ngài thấy nhân loại đáng thương đang chìm trong sự lôi cuốn của cuộc đời có bà con thân thuộc mình, có... em Ngài, Hoàng tử Nan Đà.

Hoàng tử Nan Đà là em cùng cha khác mẹ với Đức Phật. Lúc Phật xuất gia, Nan Đà còn tấm bé, Nan Đà chỉ buồn thoang thoảng vì thiếu sự chăm sóc chỉ bảo của một người anh hiền từ. Thế thôi. Và tuổi trẻ cũng mau quên. Nan Đà lớn lên trong sự hầu hạ ân cần cẩn thận của cung vua. Không như anh. Nan Đà buông theo các thú vui. Cuộc đời bỏ hẹp lại, nhỏ dần trước mắt người thanh niên ham mê sắc dục. Nan Đà chỉ còn thấy các mỹ nữ trong giọng hát, trong điệu múa, trong những cuộc truy hoan...

Phật trở về giữa sự vui mừng của dân chúng. Ngài ở Tịnh xá và hàng ngày mang bình bát đi khất thực và truyền đạo như trong khi Ngài ở các nước khác. Lối sống bình dị ấy làm mọi người thán phục. Đời sống

của kinh thành xáo trộn. Vàng bạc không còn là cứu cánh. Lòng thương yêu nhau, thương yêu đến cả các sinh vật được xem là cao quý. Người ta đã thấy những gì chắc thật của cuộc đời, thú vui chỉ là mong manh chốc lát.



Nhà vua đã mở nhiều cuộc bố thí, giảm nhẹ thuế má cho dân chúng.

Về phần Nan Đà, Nan Đà cũng cảm thấy vui. Những hình ảnh tươi đẹp của những năm xưa hiện lên. Nhưng trong hai người như có một cái gì khác nhau nhiều lắm, nên Nan Đà chưa dám gặp Phật. Nghe những lời ca ngợi về lòng nhân ái, về cuộc sống bình dị của Đức Phật, Nan Đà tự đối chiếu với mình. Và đã có lúc chàng nghiệm thấy một cái gì mong manh, chóng tàn trong những cuộc vui say,

trên nét nhăn mệt mỏi của những mỹ nữ qua những cuộc múa ca.

Một hôm, Nan Đà thức dậy sau một giấc ngủ dài mệt mỏi. Mặt trời đã lên cao. Chưa kịp sửa soạn, chàng đã thấy Đức Phật đang tiến vào nhà. Phật khoác chiếc y vàng, tay cầm bình bát, Ngài đi khoan thai như lùa vào đây tất cả những ánh sáng trong lành của buổi mai.

Phật không khác xưa nhiều lắm, vẫn gương mặt hiền lành nhưng thêm phần sáng suốt. Tất cả những hình ảnh trên diễn ra trước mắt Nan Đà đang đứng ngây người nhìn. Đức Phật tiến lại gần, ân cần hỏi han. Lời nói của Ngài dịu dàng làm cho Nan Đà nhớ lại những ngày vui vẻ thuở xưa, hồi ấy Nan Đà nhìn đời một cách đẹp đẽ. Rồi Ngài nói với Nan Đà:

- Từ lâu, ta vẫn thấy bên trong ra có phụ hoàng và em. Chính trong mục đích giải thoát cho loài người rộng lớn và cho những người thân thuộc mà ta thấy được đạo lý. Ta biết em đang khao khát chân thật. Ta đi trước em, ta đã biết rằng hạnh phúc chân thật không thể tìm ở đâu khác ánh đạo. Ánh đạo ấy ta đem về cho em đây.

Nan Đà im lặng, cảm động. Người đứng trước mình là anh, là thầy, là ân nhân? Nan Đà thấy trong người rạo rức một mối tình muốn hướng về đường lành. Chàng cúi xuống thân mến ôm bàn

tay của Đức Phật đang đưa ra nâng chàng dậy. Đức Phật âu yếm:

- Đường ta đi sáng như sao nhưng khó khăn trở lực không phải là ít. Mà có sự thành đạt nào không phải mua bằng gian lao, ta đã nghiệm điều đó. Biết em có đủ trí lực để vượt qua không?

Nan Đà ngẫm nghĩ rồi nguyện theo Phật. Chàng sửa soạn rất nhanh chóng. Phật đã tiến ra cửa. Ngài bước đi, Nan Đà theo Ngài, tuy lòng đang dâng lên một cái gì âm ỉm, trong sáng như ánh nắng và trời đất tươi đẹp bên ngoài. Hai người cùng tiến về Tịnh xá.

Đến Tịnh xá, Phật bảo các đệ tử sẵn sàng cho Nan Đà. Người ta thay chiếc áo gấm xanh và khoác cho chàng chiếc áo nâu bần vải. Người ta dành cho chàng một phòng rộng ngó ra vườn hoa. Nan Đà ngồi xuống chiếc ghế mây rồi nhìn ra vườn. Trăm hoa đang mở rộng tung cánh để đón ánh trời, màu hồng tươi mát của đào. Màu vàng dịu của mai, màu trắng như tuyết của huệ, nổi bật lên trên màu xanh tươi của lá cây. Đây đó một vài đạo sĩ đang ngồi trên các phiến đá trầm tĩnh niệm Pháp. Trong cái yên lặng, lâu lâu có điểm một tiếng chuông ngân dài. Nan Đà thấy một sức sống mạnh mẽ của muôn cây, một sự rạo rực hướng về đạo của con người. Thật là một thay đổi cực kỳ lớn lao trong tâm hồn vị Hoàng tử thanh niên.

Nhưng rồi có những lúc Nan Đà thiếu thiếu một cái gì. Chàng tiếc rẻ cái áo gấm chẳng? Đâu phải thế! Trước đây cũng có nhiều lần chàng áo ước cởi bỏ nó đi để được mát mẻ. Chàng tiếc một cái gì? Đó là các sinh hoạt cũ, cái lối ăn chơi say sưa bên cạnh những người vũ nữ có bàn tay ngọc ngà, có thân hình mềm mại.

Đức Phật thừa hiểu rằng trong một sớm một chiều, Nan Đà chưa thể giác ngộ



được chân lý nên chú ý đến Nan Đà nhiều hơn các đệ tử khác. Một hôm, có người mời Phật đi thọ trai, Ngài không đưa Nan Đà đi mà còn kêu đến đưa bình bát cho và dặn nhà múc nước đổ vào cho đầy.

Được ở nhà, Nan Đà là vui thích vì chàng thấy có cơ hội trở về thăm cung điện và các mỹ nữ. Biết như thế là sai lầm nhưng có một sức mạnh nào thúc đẩy mãnh liệt. Dầu sao, Nan Đà cũng không quên lời Phật dặn "đổ nước vào bình bát" mà chàng không biết đổ để làm gì. Cái bình bát nhỏ bè này, hãy đổ vào một gàu là đầy ngay và rồi sẽ trở về thăm cung điện cũng không muộn. Nan Đà đem bình bát ra giếng. Chàng xách lên gàu nước và đổ nước vào. Chàng cẩn thận để nước khỏi đổ ra ngoài. Lạ quá! Gàu nước đổ hết rồi mà sao không thấy nước tràn lên miệng bình. Nan Đà cúi xuống xem bình bát có bị nứt không. Tuyệt nhiên không một đường rạn nào, lớp men vẫn liền lóng. Chàng múc gàu nước thứ hai, thứ ba, thứ tư và liên tiếp nhanh tay đổ vào. Lạ thật, không có nước chảy ra ngoài mà nước đổ vào biến đi đâu cả.

Nan Đà đã mệt nhào

mà bình bát vẫn không được một tí nào cả. Làm sao để về thăm cung điện? Nôn nả quá, chàng để bình bát ngay bên giếng và vụt chạy đi, hẹn trong lòng chốc trở lại sẽ tiếp tục đổ nước vào.

Chạy được một quãng, Nan Đà thấy ở xa có đoàn người đi ngược lại. Chàng dừng lại nhìn. Khốn rồi! Chính Phật và đoàn đệ tử thọ trai về. Nan Đà biết không có cách nào tránh khỏi, bèn nép bên đường, cúi mặt nhìn xuống đất. Phật đến bên Nan Đà hiền lành bảo:

- Thôi! Trở lại. Em hãy còn lời hứa đối với ta, còn công việc ta giao chưa làm xong. Hãy tự chiến thắng mình mới đi đến đích cuối cùng.

Nan Đà đi theo Ngài cùng trở về Tịnh xá.

Năm hôm sau, trong cuộc du hành thuyết pháp ở cõi trời, Phật cho Nan Đà đi theo, Nan Đà mừng lắm.

Đây là một trong những cõi trời đẹp đẽ và hạnh phúc nhất. Không biết bao nhiêu lâu đài tráng lệ nguy nga. Những chiếc bàn, những độc bình bằng thủy tinh muôn màu rực rỡ. Những vườn hoa với các cây xanh mướt, quanh năm hoa nở thắm tươi và tỏa mùi hương nồng ỉm. Ánh sáng một màu huyền ảo. Mặt trời không gay gắt, ban ngày vẫn có sao sáng và ban đêm trời luôn luôn sáng, thứ ánh sáng vàng trắng của những đêm rằm.

Phật đưa Nan Đà đến một cung điện rực rỡ. Các tiên ông râu bạc trắng ra đón tiếp. Phật thuyết pháp cho họ nghe. Trong lúc đó các nàng tiên mời Nan Đà đi xem khắp nơi. Chỗ nào Nan Đà cũng tấm tắc khen ngợi. Rồi các nàng tiên múa cho Nan Đà xem. Những gương mặt tươi đẹp như chưa bao giờ lo buồn, các điệu múa uyển chuyển như còn gởi mãi trong không gian các đường nét mềm mại. Sau đó Nan Đà hỏi họ:

- Ai sẽ có vinh hạnh hưởng cảnh sống êm đẹp trong những cung điện ở đây?

Các nàng tiên nhỏ nhẹ thưa:

- Cung điện, vườn hoa, ánh sáng ở đây đang chờ đón một người tên là Nan Đà, nếu người ấy tu hành được chánh quả.

Nan Đà sung sướng nhẹ nhõm khi theo các nàng về cung điện.

Trên đường về Tịnh xá, Nan Đà định hỏi Phật xem lời các nàng tiên nói có đúng không, nhưng không dám, chỉ tự bảo với mình phải cố gắng tu tập. Nhưng biết đến bao giờ mới lên cõi trời sung sướng. Nan Đà nôn nả nên thiếu thái độ hiền từ, tĩnh tâm, định trí. Và cái hăng hái của những ngày mới trở về lần lần phai nhạt.

Một thời gian sau, Phật lại chuẩn bị một cuộc đi truyền thuyết xa và Nan Đà cũng được đi theo. Lần này Phật dẫn chàng xuống địa ngục.

Địa ngục bày ra trước mắt Nan Đà trước những cảnh tượng ghê rợn. Đây là một người đàn ông bị ép dưới một tảng đá khổng lồ. Tảng đá lún dần, lún dần trong tiếng kêu thốt nhen trong tiếng rầm rã của bộ xương ngực, xương tay, xương chân đang dập nát. Đây là một người đàn bà mang trên đầu một vành lửa đỏ. Tóc của người ấy cũng cháy khét lẹt; và tay bị trói chặt ra phía sau, người đàn bà vừa chạy vừa kêu không ra tiếng người. Nan Đà biết những hình phạt ấy là do sự tàn ác của họ ở kiếp trước nên im lặng đi theo Phật. Gương mặt của Ngài tỏ vẻ vô cùng thương xót và Ngài cầu nguyện cho họ.

Đến một đoạn nữa, Nan Đà thấy trước mặt có năm chảo dầu xếp thành hàng dài trước mặt một cái đèn tối om. Năm con quỷ đang sắp sửa đun lửa. Trong bốn cái

chảo đã có bốn người không rõ là đàn ông hay đàn bà. Lửa đỏ, dầu gần sôi. Người trong chảo vẩy vũng, chồm lên rồi lại rơi xuống. Tiếng kêu của họ tắt đi trong tiếng sôi sùng sục của dầu, tiếng củi cháy phừng phực. Nan Đà đến gần con quỷ coi chảo dầu thứ năm và hỏi:

- Tại sao trong này lại không có người nào?

Con quỷ không nhìn Nan Đà, chăm chú coi lửa và trả lời:

- Chào không này cứ đun sẵn, để dành riêng cho một người tên là Nan Đà nếu người ấy biếng nhác, không lo tu tập.

Nan Đà giật nảy mình và không dám hỏi thêm gì nữa.

Từ đó ấy về, Nan Đà không một chút nào dám xao lãng việc tu niệm, chàng lo tụng niệm, thuộc lòng kinh kệ. Mỗi đến chiều chiều, Nan Đà mới để một ít thì giờ đi dạo ngoài vườn Tịnh xá.

Nhưng có một điều là chàng đến chỗ nào, người chỗ ấy đều lánh đi nơi khác. Nan Đà bức lắm. Có một hôm Nan Đà đến gặp Ngài A Nan, Ngài A Nan là em họ chàng và là đệ tử yêu mến nhất của Đức Phật. Thấy Nan Đà đến, Ngài A Nan cũng lánh đi nơi khác. Không thể giữ nổi sự bức bối trong lòng, chàng đến trước mặt Ngài A Nan là lấy lời kính cẩn thưa:

- "Xin chú cho tôi biết vì lẽ gì các Ngài và chú lại không muốn gặp tôi. Tôi tưởng đã ở một đạo với nhau, hơn nữa lại là bà con, chú cũng không nên đối xử với tôi như thế".

Ngài A Nan biết không còn cơ hội nào tốt hơn cơ hội này để trình bày cho Nan Đà rõ đầu đuôi nên ôn tồn bảo:

- Chúng ta tuy theo một đạo nhưng mục đích chúng ta không giống nhau. Anh nhắm một mục đích khác. Anh tu hành để được lên cõi

tiên, để sống trong hạnh phúc, riêng anh, tu hành vì cảnh khùng khiếp của địa ngục. Anh Nan Đà ơi! Mục đích của anh hẹp hòi. Phải lấy sự đau khổ của chúng sinh làm đau khổ của mình, xem thường tài sản và tính mệnh của mình, phát tâm thực hành lục độ để giải thoát vô lượng chúng sanh. Đó là mục đích của thầy ta, của chúng ta, của những người tu hành chân chính.

Ngài A Nan dừng lại để Nan Đà kịp suy nghiêm. Rồi âu yếm nhìn Nan Đà Ngài nói tiếp.

- Anh Nan Đà ơi! Đường tu hành còn dài lắm, cho đến khi nào chúng sinh không còn khổ đau. Cho nên không nhìn một mục đích cao rộng, ta sẽ dễ nản lòng thối chí như anh, đã có lần muốn bỏ dở công cuộc nửa chừng. Phải can đảm lên anh ạ! Quả lành sẽ đến với chúng ta.

Lời Ngài A Nan đi thẳng vào tâm can, vào trí óc A Nan. Từ đó Nan Đà công phu tu luyện với mục đích cao quý giải thoát cho chúng sanh và một ngày kia, bước theo A Nan, Nan Đà trở thành một đệ tử chân chính của Đức Phật, trở thành Nan Đà tôn giả đáng kính mến muôn đời của chúng ta.

Quảng Huệ

*Luân hồi nhân quả không sai
Không tu ắt phải đọa đày khổ
thân.*



TÌNH NGHĨA ĐỒNG BÀO

“Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống, nhưng chung một giàn”
Người dân trong nước gặp nàn
Đồng hương hải ngoại dâng tràn lòng đau

Đồng bào ruột thịt thương nhau
Quê nhà, hải ngoại cũng đâu khác nòi
Cùng con dân Việt ta thôi
Cùng chung dòng giống, chia đôi ngàn trùng

Người đi... sung sướng khôn cùng
Kẻ ở... khổ cực, gian truân suốt đời
Thương nhau, nghĩ đến nhau thôi
Giúp nhau hoạn nạn, cứu người lâm than

Còn chi quý giá cho bằng
một miếng khi đói... bằng ngàn gói no
Đồng bào hải ngoại nhớ cho
Bà con quốc nội đang chờ ngày đêm

Nhịn đi một chút tiêu thêm
Một bữa ăn sáng, là tiền có ngay
Người ơi xin mở rộng tay
Rũ long từ thiện, cứu ngay dân mình

Bà con trong nước, điều linh
Đồng hương hải ngoại chúng mình cùng nhau
Ta cùng chia sẻ niềm đau
Cùng nhau góp một bàn tay cứu người.

Lake Forest, Đầu Thu Canh Tý—2020
Cảm xúc khi nghe tin bão lụt từ quê nhà

THƯƠNG VỀ QUÊ MẸ

Quê hương tôi sao mà khổ rứa
Ôi, quanh năm chất chứa đau thương
Người dân khổ cực trăm đường
Bao nhiêu tai họa cứ vương vào đời

Khi Hạ về... đồng khô, cỏ cháy
Người dân tôi ai nấy lo âu
Vườn, nương, chẳng có bí, bầu
Suối, khe, khô cạn, luống rau chẳng còn

Lúc Đông tới... mưa tuôn rờn rã
Người dân tôi buồn bã, than van
Lúa, ngô, nước đã ngập tràn
Bão, lụt tới tấp quét càn hết tron

Cuốn trôi đi, cả Người và vật
Ôi còn chi... cửa mắt nhà tan!
Người dân chừ quá khổ nàn
Ngày đêm đói khát... Ôi chao buồn đời

Chừ miếng ăn cũng không no bữa
Đừng nói chi đến nữa âm no
Thân giờ đói, lạnh, co ro
Những bao khổ cực biết nhờ cậy ai?!

Hỡi đồng hương! Ở nơi hải ngoại
Là dân Việt hãy đòai hoài nhau
Đồng bào quốc nội thương đau
Người dân hải ngoại nở đầu lạng nhìn

Chúng ta cùng là con dân Việt
Hãy rũ lòng thân thiết, thương nhau
Giúp người hoạn nạn, cơ cầu
Quê hương, hải ngoại cũng đâu khác nòi

thơ MAI KHANH.- LÊ ĐÌNH CÁT

Ngõ thoát

(tức Ph ̣ng Tr ̣i Cao R ̣ng 3)

Truyện dài của VĨNH HẢO



CHƯƠNG HAI

Anh công an chỉ huy để tôi đứng đợi phía ngoài chừng mười phút, rồi từ văn phòng trại bước ra, anh nói với tôi, giọng lịch sự, cố ý thân mật:

"Thôi mình vào trong này làm việc một chút há."

Tôi được đưa vào một trong các phòng văn cung. Các phòng này không được trang trí hay bày biện gì. Chỉ có một cái bàn và hai cái ghế đầu vuông vức không có chỗ dựa. Anh công an chỉ huy kéo ghế ngồi trước, rồi bảo tôi ngồi ở ghế còn lại. Một anh công an khác cũng bước theo nhưng dừng lại ở cửa phòng, đứng lại tựa lưng nơi khung cửa. Tôi không rõ anh ta đứng đó với trách nhiệm gì. Tất nhiên không phải là để canh chừng tôi trốn chạy. Có trốn chạy thì trốn chạy lúc còn ở ngoài chứ vào tới phòng văn cung trong trại giam rồi thì làm gì còn có ý đồ đó nữa! Lý do duy nhất

mà tôi có thể nghĩ ra được về sự hiện diện của anh công an trẻ đứng nơi cửa là anh muốn được tham dự việc văn cung của cấp chỉ huy với một tội phạm trẻ có *nghề nghiệp* tù sĩ như tôi.

Anh công an chỉ huy soạn ra trên bàn một xấp giấy gọi là "*Biên Bản Hỏi Cung*," có in sẵn những chi tiết cần thiết cho việc lập biên bản một tội phạm với lý lịch và sự phạm tội của tội phạm đó. Anh đăng hăng lấy giọng rồi nói:

"Hôm nay Chủ nhật, không phải là ngày làm việc. Vậy chúng ta có thể nói chuyện một cách thoải mái, được không? Chúng ta làm việc cho có thôi, rồi ngày mai mới chính thức. Hùng, có thuốc đó không, không à, ra mua một gói thơm đi."

Hùng, người công an đứng nơi cửa, mau mắn đi ra ngoài. Thấy Hùng đi rồi, anh công an chỉ huy bắt đầu gọi chuyện:

"Tôi tên Long. Trước kia tôi là một sinh viên của trường Đại học Vạn Hạnh. Anh Khang có học ở đó không?"

"Không. Trước năm 1975, tôi hãy còn ở trung học. Sau năm 1975 thì trường đại học Vạn Hạnh đã không còn nữa."

"Vậy hả. Ừ phải rồi, trên giấy tờ cho thấy năm nay anh mới hai mươi sáu tuổi, anh trẻ hơn đứa em út của tôi ở nhà nữa. Vậy anh đã lập gia đình chưa? À không, ý tôi muốn hỏi là từ khi anh không mặc đồ tu nữa, ăn vận thường phục, để tóc dài như vậy, anh có quen bạn gái gì chưa, anh có quyền mà, phải không?"

Thấy tôi im lặng, nghiêm sắc mặt, Long cười xòa nói:

"Hỏi đùa chơi vậy thôi chứ tôi biết anh mà," rồi Long lại đăng hăng, lật lật mấy tờ giấy trong cái bì kẹp hồ sơ, nói tiếp:

"Thực ra, tôi chẳng vui về gì khi bắt giam một tu sĩ như anh cả. Nhưng tôi phải làm

vậy thôi. Anh hiểu mà, phải không? Cái gì cũng có chừng mức của nó. Đến mức độ mà chúng tôi thấy là nguy hiểm cho vấn đề an ninh của nhà nước thì chúng tôi buộc lòng phải ra tay thôi.”

Nghe anh nói thế, tự đứng tôi buột miệng nói:

“Chúng tôi cũng hành động trong một cách thế y hệt.”

“Nghĩa là sao?” Long hỏi lại.

“Cái gì cũng có chừng mức của nó. Đến mức độ mà chúng tôi thấy nguy hiểm cho đời sống dân tộc, chúng tôi buộc lòng phải đứng dậy thôi.”

Long nghe tôi nói vậy thì thay đổi thái độ, mặt đỏ lên, nói:

“Hừm, cái gì gọi là nguy hiểm cho dân tộc chứ! Các anh tưởng là chúng tôi không biết lo cho dân à? Chứ không phải rằng mười năm nay, chúng tôi nỗ lực xây dựng kiến thiết đất nước, quyết tâm đem lại ấm no hạnh phúc cho toàn dân hay sao?”

“Chuyện lo xây dựng đất nước là bổn phận của tất cả công dân, đâu phải là trách nhiệm riêng của những người cầm quyền. Anh tưởng rằng những người không cầm quyền thì không xây dựng đất nước sao?”

“Ừ... có. Nhưng nếu vậy thì nhân dân và cán bộ nhà nước phải hợp tác để phát triển đất nước, chứ sao lại chống đối công việc của chúng tôi?”

“Anh nói vậy là sai rồi. Chúng tôi không chống đối việc xây dựng đất nước. Chúng tôi chỉ chống đối những chính sách sai lầm, và nhất là chống đối chủ trương áp đặt lên đất nước này một thứ chủ nghĩa không thích hợp gì với tình tự dân tộc. Mà thôi, có cần phải bàn cãi gì chuyện đó nữa không khi tôi đã vào đây trong tư cách một tội phạm! Các anh có thói quen không thích lắng nghe tiếng nói của những kẻ

bại trận mà, phải không?”

“Cũng cần bàn cãi đấy chứ. Tôi hỏi anh, thế anh hiểu gì về chủ nghĩa cộng sản?”

“Ý anh muốn tôi hay những người dân khác phải tìm hiểu, nghiên cứu về chủ nghĩa cộng sản tưởng tận trên mặt lý thuyết đó à? Vô ích, mất thì giờ. Tôi đâu cần phải đọc hết *Karl Marx Toàn Tập*, *Lê-nin Toàn Tập*, *Mao Trạch Đông Toàn Tập*, *Hồ Chí Minh Toàn Tập*... hoặc đọc hết những kinh điển của cộng sản thì mới hiểu được cộng sản! Cũng vậy, mười lăm năm nay ở chùa, tôi có đọc hết kinh điển Phật giáo đâu, nhưng tôi cũng hiểu được, cũng áp dụng được giáo lý đạo Phật đấy chứ. Mà học thuyết của một tôn giáo, một chủ nghĩa, thực ra có quan trọng gì lắm đâu. Điều quan trọng là khi áp dụng vào thực tế, nó có đem lại lợi ích thực sự cho con người hay không. Các anh đã có bốn mươi năm để áp dụng cho miền Bắc và mười năm để áp dụng cho miền Nam, vậy rồi cái gì đã xảy ra cho đất nước này? Không phải rằng cả nước lâm than đói khổ đó sao? Nhưng cái lâm than đói khổ về vật chất đó cũng có thể cần rằng chịu đựng được đi, còn nổi thống khổ về tinh thần thì sao? Từ khi các anh cầm quyền, người dân đã mất hết mọi thứ tự do, ai cũng nơm nớp, lo sợ, sống mà có cảm giác như mình là kẻ phạm tội! Trước cái thảm trạng đó, các anh nghĩ là chúng tôi phải làm gì?”



“Sao các anh không đóng góp ý kiến, đề nghị sửa sai... vậy có phải là hay hơn các hoạt động chống đối nhà nước không?”

Tôi lắc đầu, cười nhạt:

“Bản thân anh, một cán bộ hay một đảng viên cộng sản, anh có thể đề nghị này nọ lên Bộ Chính Trị Trung Ương Đảng không vậy? Tất nhiên là không. Anh mà lên tiếng là anh bị khai trừ ngay, hoặc anh cũng trở thành tội phạm như tôi ngay. Mà thực ra, những gì chúng tôi làm, cũng chỉ là một hình thức đề nghị, một hình thức đóng góp ý kiến với nhà nước đó. Nhà nước có chịu nghe đâu. Nhà nước chỉ biết bắt bớ, trấn áp, đè bẹp mọi ý kiến đối lập. Sao nhà nước không tự vấn: tại sao đến các ông thầy tu mà cũng đứng lên chống lại mình?”

Tôi nói ngang đó thì Hùng đem thuốc lá vào. Long có vẻ mất bình tĩnh, môi anh mấp máy cử động, có vẻ như đang cố dẫn một cảm xúc nào đó.

Hùng bóc gói thuốc đưa Long rồi bật quẹt lửa. Hùng cũng mời tôi hút, tôi từ chối. Anh rút một điếu, mời, rồi đứng tựa cửa, vừa hút vừa lắng nghe. Rít vài hơi thuốc, Long lại vào chuyện. Hình như đến lúc này, anh mới thực sự *làm việc*, dù anh đã nhắc đi nhắc lại đôi lần rằng hôm nay là ngày Chủ nhật.

“Tên tuổi và các hoạt động của anh, chúng tôi đã nắm vững. Chúng tôi theo dõi anh từ lâu. Thực ra, muốn bắt anh lúc nào cũng chẳng được. Anh như con cá trong chậu, làm sao thoát khỏi màn lưới thiên la địa võng của chúng tôi, phải không anh Khang, phải không Hùng?”

Hùng nghe Long hỏi đến mình, chỉ bật cười lên một tiếng khô. Tiếng cười của Hùng khiến tôi nghĩ cách Long nói là chỉ xóa đi cái mặc cảm vô dụng là một lực lượng công an hùng hậu của Sài

Gòn phổi hợp cả công an tỉnh Đồng Nai, ngày đêm hồ rập, kiểm tra nhiều khu vực và gia cư tình nghi, vẫn không bắt được tôi. Nếu hôm nay tôi không đi ra ngoài thì chưa biết đến bao giờ họ mới tìm thấy tôi mà bắt.

Thấy tôi mỉm cười không tỏ thái độ gì rõ rệt trước câu mào đầu không mấy hay ho, Long bắt vào chuyện khác, có lẽ là câu mở đầu quen thuộc cho việc vấn cung:

"Ở đây, tôi xin đại diện pháp luật làm việc với anh. Tưởng cũng nên báo trước cho anh biết rằng chúng tôi không sử dụng bất cứ hình thức tra tấn hay đánh đập nào đối với các bị can hay phạm nhân, nhất là các tội nhân chính trị như anh. Theo chính sách khoan hồng độ lượng của nhà nước, chúng tôi chỉ lấy khẩu cung của anh và tùy theo mức độ phạm tội mà xét xử; tuy nhiên, có thể nói rằng mức án của một phạm nhân cũng một phần tùy thuộc vào sự cung khai của phạm nhân ấy. Sự thành thật của anh sẽ có lợi cho anh về mức án cũng như sự cư xử của chúng tôi đối với anh. Vì vậy, chúng tôi yêu cầu anh khai rõ, khai thành thật, tất cả những gì anh đã làm, đồng thời cung khai hết những gì anh biết về đồng bọn của anh, bao gồm những người bị bắt rồi hay đang còn lẫn trốn chính quyền cách mạng," ngưng một lúc, lại lật xấp hồ sơ trong cái bìa cứng, Long nói tiếp, "những người bị bắt trước anh đã cung khai tất cả mọi việc rồi, nhắc cho anh rõ điều đó để tự chọn thái độ khôn ngoan có lợi cho anh trong việc khai cung. Vậy bây giờ, anh hãy thông thả, giống như ngồi tâm sự với bè bạn, kể lại hết tất cả những gì anh và đồng bọn đã làm trong tổ chức gọi là... gì nhỉ, à, *Lực Lượng Việt Nam Phục Quốc Nội Biên*. Kể lại một cách thành thật, không che giấu, để tỏ lòng ăn năn đối với tội lỗi đã phạm.

Đó là lối thoát duy nhất để anh được khoan hồng và lãnh mức án nhẹ nhất."

"Tôi không thấy có gì hấp dẫn trong những hứa hẹn đó cả. Còn về sự thành thật thì cương vị tu sĩ của tôi đáng tin tưởng hơn các anh, phải không, có cần thiết phải kêu gọi chẳng? Thôi thì các anh muốn hỏi gì cứ hỏi, tôi sẽ tuân tự trả lời theo chỗ biết của tôi."

Long ngập ngừng một lúc rồi mở xấp hồ sơ ra nhìn, không cho tôi thấy. Long hỏi:

"Anh giữ chức vụ gì trong Lực Lượng Việt Nam Phục Quốc Nội Biên?"

"Tôi không giữ chức vụ gì cả," tôi đáp.

"Sao lại không? Nói thực đi, mới câu hỏi đầu đã thấy anh cố tình che giấu, không thành thực rồi."

"Tôi có hoạt động nhưng không nhận một chức vụ nào của tổ chức đó cả."

"Thế lực lượng đó có cấp giấy tờ gì chứng nhận anh là một thành viên của họ không?"

"Hoàn toàn không."

"Sao ông Bàn khai rằng anh là cố vấn chính trị trong giai đoạn đấu tranh và sẽ là một trong những bộ trưởng trong giai đoạn thành công, thiết lập một chính phủ mới?"

"Ha, anh tin lời khai đó à?"

"Thì cũng có cái gì na ná như vậy ông ấy mới khai ra rõ ràng cái chức vụ của anh chứ."

"Chứ không phải rằng vì tôi từ chối không chịu nhận bất cứ chức vụ nào nên họ, và có thể là cả các anh nữa, gán cho tôi cái chức cố vấn? Anh không đoán nhìn ra được khía cạnh này sao? Còn chức vụ bộ trưởng của một bộ phận nào đó trong nội các, anh nghĩ cái đó có thể hấp dẫn được một tu sĩ như tôi à?"

"Ai mà biết được các tu sĩ như anh muốn gì. Tham

gia một lực lượng chống đối và đòi lật đổ chính quyền để thành lập một chính quyền mới, lẽ nào anh không chọn trước cho mình một thể đứng nào đó? Làm cách mạng mà không mong đợi một phần thưởng nào cho mình cả sao?"

"Ôi, thực buồn cười! Các anh chỉ suy bụng ta ra bụng người thôi. Điều này có nói muôn đời các anh cũng không hiểu nổi. Nhưng nói tóm lại là tôi không nhận bất cứ một chức vụ nào trong lực lượng đó."

"Lạ nhỉ, hoạt động cho một tổ chức chính trị mà không nắm giữ một chức vụ nào cả. Bao sao chúng tôi tin được."

"Tin hay không là quyền của các anh. Phần tôi, tôi khai thực như thế."

"Vậy trách nhiệm của anh trong tổ chức đó là gì? Anh đảm nhận những công tác gì trong tổ chức?"

"Vì không nhận một vai trò hay chức vụ nào trong tổ chức nên tôi không bị bó buộc phải lãnh một trách nhiệm gì cả. Có chức vụ mới có trách nhiệm. Tôi chẳng có chức vụ nên chẳng có trách nhiệm nào."

"Ồ, thế là anh vô tội, anh không làm gì hết, anh không biết gì hết. Chúng tôi bắt làm anh à?"

"Các anh không bắt làm. Nhưng các anh đánh giá làm."

"Nghĩa là sao?"

"Nghĩa là tôi có giúp cho tổ chức ấy một số công việc mà họ nhờ vả. Như vậy trên *nguyên tắc của các anh*, tôi bị coi như có tội đồng lõa với những người chống chính quyền, và các anh đã bắt đúng. Nhưng các anh không sao hiểu được sự kiện này: không phải tất cả những người đối lập, phản đối chính quyền, muốn cất lên tiếng nói của người dân, đều là những người mong cầu danh vọng hay chức vị, hay bất cứ thứ quyền lợi nào đó cho bản

thân họ.”

Long im lặng, ngẫm nghĩ một lúc, rồi xoa tay nói:

“Thôi, chuyện đó cũng chẳng can hệ gì. Cứ đi vào vấn đề: anh đã làm những công tác gì để giúp họ?”

“Tôi hướng dẫn cách in tài liệu bằng cách quay ronéo tay với dụng cụ thô sơ tự chế.”

“Gì nữa?”

“Tôi ủng hộ họ mực in và giấy stencil. Một trục quay và khung lụa để in.”

“Coi như gần đủ những dụng cụ cần thiết để in truyền đơn. Còn gì nữa?”

“Hết.”

“Chứ cái máy đánh chữ của ai?”

“Máy đánh chữ? À, máy đánh chữ cũng của tôi.”

“Lý do nào anh sống trên vùng kinh tế mới mà lại sắm máy đánh chữ? Anh có máy đánh chữ trước hay là mới mua khi gặp lực lượng Phục quốc?”

“Tôi mua máy đó từ lâu.”

“Từ năm nào?”

“Đầu lối năm 1982.”

“Để làm gì? Máy của anh có đăng ký không?”

“Đăng ký à? Tại sao phải đăng ký? Tôi chỉ mua máy để đánh những kinh sách khan hiếm mà vùng kinh tế mới không có.”

“Do đâu mà anh biết cách in truyền đơn bằng những dụng cụ tự chế bằng tay?”

“Đã từng thấy người ta làm việc bằng máy in và máy quay ronéo, tự dựng tôi nghĩ ra cách in bằng trục quay tay, mục đích là để tự in lấy các bản kinh ngắn cho phật-tử vùng kinh tế mới, vậy thôi.”

“Chứ không phải có ai bày anh chế cái máy đó sao?”

“Không.”

“Làm sao nhóm Phục quốc biết là anh có khả năng sáng chế cái máy quay ronéo bằng tay để rồi nhờ anh hướng dẫn việc quay in truyền đơn?”

“Có lẽ một người trong nhóm họ có được bản kinh

ngắn do tôi tự in cho chùa từ mấy năm trước nên đã nghĩ đến chuyện nhờ vả tôi.”

“Sáng nay anh đi đâu mà có mặt trên chiếc xe lam Hàng Xanh-Thủ Đức?”

“Tôi có quyền đi lại không vậy?”

“ Dĩ nhiên trước khi vào đây, anh có quyền đi lại như mọi công dân khác, nhưng hiện nay anh đang là bị can của chúng tôi, tôi có quyền điều tra nguyên do nào anh đi Thủ Đức?”

“Tôi đi chơi, không được sao?”

“Anh không đi chơi. Anh là tông phạm đang bị truy nã. Chúng tôi biết anh không đi chơi.”

Tôi bị bắt buộc phải nghĩ thật nhanh đến hai nhân vật cuối cùng tôi gặp sáng nay trước khi bị bắt. Hân và ông Tư. Một người là tu sĩ Phật giáo hoàn tục; một người là tu sĩ Thiên Chúa giáo, không biết tên, chỉ quen gọi là Thầy Tư—có lẽ là một chức sắc nào đó của nhà thờ mà tôi không rành. Lẽ nào Hân và ông Tư có dính dấp đến công an, tức là họ có can dự vào việc bắt tôi sáng nay? Có thể lắm, nhưng đầu sao đó cũng chỉ là nghi vấn, chưa xác định được. Nghĩ vậy, tôi bèn tránh đề cập đến hai nhân vật đó, tôi nói:

“Ở Thủ Đức có nhiều chùa nổi tiếng như Nam Thiên Nhất Trụ, Hoa Nghiêm, Tu viện Quảng Đức... Tôi muốn đi thăm viếng các chùa ấy, được không vậy?”

“Dĩ nhiên là được. Nhưng anh quen ai ở các chùa đó?”

“Không quen ai cả. Đi chùa thì có cần thiết phải quen ai mới đi?”

“Nhưng khi đi, hẳn anh phải nghĩ trước trong đầu là sẽ đi chùa nào, phải không?”

“Phải, chùa Nam Thiên Nhất Trụ,” tôi đáp nhanh vì biết chùa này nằm trong hệ thống giáo hội nhà nước.

Long ghi chú vào sổ tay một lúc rồi đứng dậy:

“Thôi được, ngày mai chúng ta sẽ làm việc tiếp. Anh đi theo tôi.”

Long đi trước dẫn đường. Hùng ra dấu chờ tôi đi trước rồi bước theo sau lưng tôi. Đi ngoằn ngoèo một lúc qua các phòng vẫn cung, bỗng dừng Long quay lại hỏi:

“Anh Khang là bà con gì đó của sư cô Trí Hải, phải không?”

“Phải.”

“Anh muốn gặp cô ấy không?”

“Muốn.”

Chẳng hiểu vì lý do gì, Long lại tỏ vẻ dễ dãi với tôi về chuyện này. Long rẽ sang bên phải, đến trước một phòng giam rộng với cánh cửa lớn có song sắt. Long bảo tôi đứng chờ ở phía trước, cách phòng giam đó khoảng mười thước. Qua chấn song sắt, tôi thấy lỗ nhỏ mấy chị nữ tù, chẳng biết tội gì. Họ có vẻ thông thả qua lại vì phòng rộng, nhưng nét lo âu và buồn bã vẫn hiện rõ trên những khuôn mặt xanh xao đó. Long nói với mấy người nữ tù đứng gần song sắt:

“Gọi giùm sư cô Trí Hải đi.”

Đám nữ tù lặng xằng một lúc rồi dạt ra hai bên, nhường khoảng trống cho sư cô Trí Hải bước đến song sắt. Long hỏi ngay khi thấy sư cô:

“Sư cô nhận ra ai đây không?”

Sư cô không trả lời, chỉ nhìn tôi gật đầu, rồi cười tươi. Tôi cũng chào lại cô bằng một nụ cười. Sư cô hỏi:

“Khang mới vào hả?”

Tôi đáp:

“Dạ. Cô khoẻ không?”

Sư cô lại gật đầu, cười. Cô nhìn kỹ tôi từ đầu đến chân như quan sát một cái gì mới lạ. Lạ cũng phải. Cô ấy không có gì thay đổi; còn tôi thì đã mang hình thức khác với hình thức tu sĩ trước đây mà cô từng gặp. Tôi đã mặc áo quần của người thế tục,

lại để tóc dài, mang kiếng cận. Hình như cô thoảng ngậm ngùi về sự thay đổi này của tôi. Nhưng chỉ một khoảnh khắc, nét mặt cô đã trở lại ngay với vẻ rạng rỡ và trầm tĩnh cổ hữu. Nhìn nét mặt và phong thái của sư cô, tôi biết cảnh tù không ngăn ngại gì đến cái tâm an lạc, siêu thoát ấy. Tôi yên lòng từ giã sư cô, theo Long qua dãy phòng giam C1. Nhưng cán bộ trực của dãy này cho biết đã hết chỗ trống. Long bèn đưa tôi qua dãy C3. Ở đây cũng có một bàn gỗ đặt ở đầu dãy. Viên cán bộ trực ngồi ngáp, thấy Long thì vội vàng đứng dậy chào, rồi ngạc nhiên nhìn tôi. Long và cán bộ trực nói nhỏ với nhau, nhưng tôi vẫn nghe:

“Thứ đặc biệt. Còn biệt giam trống không?”

“Bảo cáo đồng chí, để xem lại sổ... Coi nào, còn một chỗ, nhưng phòng này ăn thông với phòng kia, phòng kia có một người, như vậy là phải giam chung rồi.”

“Xem còn phòng nào khác không?”

“Bảo cáo đồng chí, không ạ. Chỉ còn duy nhất phòng đó là trống một chỗ thôi.”

“Ai bị giam trong phòng ấy vậy?”

“Bảo cáo... một tên tình nghi phản cách mạng.”

Long do dự một lúc, rồi gật đầu nhẹ. Vậy rồi Long giao tôi cho anh cán bộ trực đó. Anh cán bộ bảo tôi bỏ hết đồ đạc lên bàn. Tôi có mang theo gì đâu. Một cái khăn tay. Một ít tiền bạc, một đồng hồ đeo tay điện tử mà một người bạn mới tặng, một cái mũ cát-két, một giấy nịt da và một cặp kiếng cận (thực ra chỉ là mắt kiếng trong, tôi chỉ dùng để cải trang lúc ra đường). Cán bộ đưa trả tôi cái khăn tay, còn bao nhiêu thứ linh tinh khác, anh lừa hết vào hộc bàn. Chẳng thấy ghi sổ sách hay giấy chứng nhận là có giữ vật dụng cá nhân. Tôi cũng chẳng thắc mắc về chuyện

ấy, cứ tưởng bị tù thì phải bị tịch thu hết đồ đạc nên im lặng, không đòi hỏi giấy kê khai. Chỉ có tên tôi là được ghi vào cuốn sổ to mà thôi. Theo sau tên tôi, ở cột kế tiếp trong cuốn sổ, là một dòng chữ để phân biệt tôi thuộc loại tù nhân gì: *phản cách mạng*.

Viên cán bộ trực còn kỹ lưỡng bảo tôi đứng thẳng đưa hai tay lên trời để anh khám xét lần nữa. Khám xong, anh đưa tôi đến phòng biệt giam số 9. Phòng biệt giam bí bưng, đứng ngoài chỉ thấy như một bức tường sắt, có then bằng thép đúc, xỏ ngang hai cái ngàm cũng bằng sắt, đầu then được khóa bằng hai ổ khóa lớn. Cánh cửa dày khép kín, không song; phía trên, ngang mặt một người đang đứng có một lỗ thông gió hình chữ nhật, kích thước cỡ một quyển sách. Lỗ thông gió cũng có cánh cửa nhỏ, được kiểm soát bằng cách mở ra bên ngoài, có một then sắt cài ngang, xỏ vào một cái khay nhỏ.

Cán bộ lấy chùm chìa khóa nặng trĩu, lần dò tìm cái chìa mang số 9. Cửa mở ra, anh hất cằm, ra dấu bảo tôi bước vào.

Một mùi hôi nồng nặc bốc lên. Tôi chưa kịp nhìn rõ bên trong căn phòng giam thì cánh cửa đã đóng ập lại sau lưng kéo theo một chuỗi âm thanh khô khan của khung sắt rỉ sét, rồi có tiếng khóa cửa lách cách bên ngoài. Tôi đứng im, lắng nghe. Tiếng khóa cửa lúc đó khiến tôi một lần nữa lại nảy ra ý tưởng lạc quan rằng, cuộc sống mới của tôi hôm nay được khởi đầu bằng hành vi khép lại; mà sự khép lại đó rõ ràng là giống như việc bế quan nhập thất của những nhà tu trong cửa chùa. Dù tự nguyện hay miễn cưỡng, sự bế quan ấy cũng có ý nghĩa hỗ trợ cho việc khép chặt mối tương giao vốn đa tạp phiền toái

với cuộc đời.

Lúc đó mới mười một giờ trưa nhưng trong phòng tối om om. Tôi đứng lặng một lúc để ngắm kỹ cái thế giới mới lạ đang chờ đón mình và cũng để lắng nghe tận cùng những cảm xúc đang cháy lên trong tôi. Không có sự sợ hãi, cũng không có sự buồn chán, tuyệt vọng nào. Chỉ thấy một cơn rùng mình thoảng qua, cái còn lại là sự an nhàn, chịu đựng—như con chó đang rùng mình để giữ đi những bùn đất hay nước bám vào bộ lông của nó. Sau đó là trạng thái nghỉ ngơi.

Khi mắt đã quen được bóng tối trong phòng, tôi mới nhớ lại lời của viên cán bộ trực nói với Long khi nãy, rằng đây là một căn phòng đôi. Đứng ở ngoài thì thấy phòng 8 và 9 riêng biệt, vì mỗi phòng đều có cửa sắt riêng. Nhưng vào trong thì hai phòng chỉ là một. Cái vách ngăn đôi giữa hai phòng đã bị đập phá. Dấu vết của vách tường ngăn đôi vẫn còn để lại vài chỗ lõm chõm trên nền xi măng. Diện tích mỗi phòng được gần ba mét vuông mà cái cầu tiêu đã chiếm hết một phần ba rồi. Bên cạnh cầu tiêu có một vòi nước. Như thế, cái phòng đôi tôi có đến hai cái cầu tiêu và hai vòi nước.

Trong góc trái bên phòng 8, tôi thấy lù lù một bóng người đang chăm chú nhìn tôi. Người ấy cũng im lặng từ nãy, bây giờ thấy tôi nhìn, mới cất tiếng hỏi với giọng ồm ồm của một người đàn ông đứng tuổi:

“Mới bị bắt hả?”

“Vâng, mới bị sáng nay.”

“Tôi gì vậy?”

Tôi ngập ngừng một lúc rồi trả lời:

“Chính trị.”

“Chính trị! Cha, chính trị mà sao trẻ quá vậy. Tiếc thật! Thôi, cởi đồ ra cho mát đi.”

(hết Chương Hai, mời đọc tiếp Chương Ba vào kỳ tới)